

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001-2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH

Sinh viên : Khổng Thị Hiền

Người hướng dẫn: PGS.TS.Nguyễn Thị Hải

HẢI PHÒNG – 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI
KHU VỰC HỒ NÚI CỐC, THÁI NGUYÊN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH**

Sinh viên : Khổng Thị Hiền

Người hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn Thị Hải

HẢI PHÒNG – 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: **Khổng Thị Hiền**

Mã số: 1366010009

Lớp: **VHL301**

Ngành: Văn hóa du lịch

Tên đề tài: ***Nghiên cứu phát triển Du lịch sinh thái khu vực Hồ Núi Cốc, Thái Nguyên***

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu...).

- Về lý luận: cần tổng quan cơ sở lý luận về du lịch sinh thái, làm cơ sở cho việc nghiên cứu khóa luận.

- Về thực tiễn:

+ Cần khảo sát , nghiên cứu tiềm năng phát triển du lịch sinh thái ở khu vực Hồ Núi Cốc;

+ Làm rõ thực trạng phát triển du lịch ở địa phương theo các nguyên tắc của du lịch sinh thái; đánh giá những mặt mạnh và những tồn tại cần khắc phục;

+ Đề xuất những định hướng và giải pháp cho việc phát triển du lịch sinh thái tại khu vực nghiên cứu.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết:

- Những tài liệu cần thu thập: các số liệu, báo cáo, hình ảnh về tiềm năng và thực trạng hoạt động du lịch của khu vực nghiên cứu

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:

Khu vực Hồ Núi Cốc, Thái Nguyên

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Hải**

Học hàm, học vị: PGS.TS

Cơ quan công tác : Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia
Hà Nội

Nội dung hướng dẫn:

- Lựa chọn đề tài
- Làm đề cương
- Tổng quan cơ sở lý luận
- Khảo sát thực tế, thu thập tài liệu
- Xử lý số liệu
- Viết khóa luận

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Khổng Thị Hiền

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 11 tháng 04 năm 2011

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. NGUYỄN *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Sinh viên đã làm việc thực sự nghiêm túc, theo đúng lịch trình của Trường đề ra và đã hoàn thành khóa luận đúng thời hạn.
- Sinh viên đã rất nỗ lực trong việc tiến hành khảo sát thực địa để thu thập được những tài liệu cần thiết cho việc thực hiện đề tài, mặc dù địa bàn nghiên cứu ở cách xa Trường, phương tiện đi lại khó khăn.
- Có ý thức trách nhiệm, tự giác, chủ động, ham học hỏi trọng suốt quá trình thực hiện đề tài.

2. Đánh giá chất lượng của đề tài (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Đề tài đã hoàn thành mục tiêu và nhiệm vụ đề ra với những đóng góp cơ bản sau:

- Tổng quan khá chi tiết, đầy đủ cơ sở lý luận về du lịch sinh thái
- Trình bày một cách có hệ thống tiềm năng phát triển du lịch sinh thái ở khu vực Hồ Núi Cốc.
- Phân tích đánh giá thực trạng hoạt động du lịch ở khu vực Hồ Núi Cốc theo nguyên tắc của du lịch sinh thái.
- Đề xuất định hướng và các giải pháp phát triển du lịch sinh thái ở khu vực nghiên cứu
- Số liệu cập nhật và đáng tin cậy.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi cả số và chữ):

9,5/10 (chín điểm rưỡi)

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

PGS.TS. Nguyễn Thị Hải

LỜI CẢM ƠN

Đối với mỗi sinh viên được làm khóa luận tốt nghiệp là cơ hội để chúng em trưởng thành hơn và có ý nghĩa rất lớn - là công trình khoa học đầu tiên của chúng em.

Trước tiên, em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các thầy cô trong Bộ môn Văn hóa Du lịch - Trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã tạo điều kiện giúp em làm khóa luận. Đặc biệt, em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc tới **PGS.TS. Nguyễn Thị Hải** - người đã trực tiếp định hướng chỉ bảo, hướng dẫn em hoàn thành khóa luận.

Qua đây, em cũng xin chân thành gửi lời cảm ơn tới các Cán bộ quản lý ở Sở Văn hóa Thể thao & Du lịch Thái Nguyên; Ban quản lý Khu du lịch Hồ Núi Cốc cùng các ban ngành đoàn thể đã cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết và những góp ý bổ ích để em hoàn thành tốt bài khóa luận này.

Cuối cùng, em xin chân thành gửi lời cảm ơn tới gia đình, bạn bè cùng toàn thể các thầy cô trong các phòng ban của trường Đại học Dân Lập Hải Phòng đã động viên, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành bài khóa luận.

Do còn hạn chế về kiến thức, phương pháp và thời gian nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em kính mong nhận được sự đánh giá, góp ý và thông cảm của các quý thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng, ngày 25 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Hiền.

Không Thị Hiền

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI.....	11
2. MỤC ĐÍCH, NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU.	12
3. PHẠM VI NGHIÊN CỨU.....	12
4. Ý NGHĨA CỦA KHÓA LUẬN.....	13
5. CẤU TRÚC CỦA KHÓA LUẬN.....	13
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN, QUAN ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	14
1.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH SINH THÁI.	14
1.1.1. Khái niệm Du lịch.	14
1.1.2. Khái niệm Du lịch sinh thái.	16
1.1.3. Mối quan hệ giữa Du lịch sinh thái với các loại hình du lịch khác.	18
1.1.4. Đặc trưng cơ bản của Du lịch sinh thái.....	19
1.1.5. Nguyên tắc hoạt động của Du lịch sinh thái.	20
1.1.6. Tài nguyên Du lịch sinh thái.	21
1.2. QUAN ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.	26
1.2.1. Quan điểm nghiên cứu.	26
1.2.2. Phương pháp nghiên cứu.....	28
CHƯƠNG 2: TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI TẠI KHU VỰC HỒ NÚI CỐC	30
2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN DU LỊCH TỰ NHIÊN.	30
2.1.1. Điều kiện tự nhiên.	30
2.1.2. Các hệ sinh thái.	33
2.2. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, SẢN XUẤT VÀ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN.	42
2.2.1. Đặc điểm dân cư, sản xuất.	42
2.2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn.	43
2.3. CƠ SỞ HẠ TẦNG CỦA KHU VỰC.	50
2.3.1. Giao thông.	50
2.3.2. Hệ thống điện, thông tin liên lạc.	51
2.3.3. Hệ thống cấp, thoát nước.	52

2.4. CÁC ĐIỂM DU LỊCH TIỀM NĂNG TRONG KHU VỰC.	53
CHƯƠNG 3: HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI KHU VỰC HỒ NÚI CỐC.....	64
3.1. HOẠT ĐỘNG DU LỊCH.	64
3.1.1. Khách du lịch.	65
3.1.2. Doanh thu từ hoạt động du lịch.....	67
3.1.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch.....	68
3.1.4. Đặc điểm nguồn nhân lực phục vụ du lịch.....	72
3.1.5. Hiện trạng khai thác các tuyến, điểm du lịch của khu vực Hồ Núi Cốc...	72
3.2. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH THEO NGUYÊN TẮC CỦA DU LỊCH SINH THÁI.	73
3.2.1. Khả năng đáp ứng nhu cầu du khách.	73
3.2.2. Hoạt động giáo dục môi trường.	75
3.2.3. Hỗ trợ cho công tác bảo tồn và duy trì hệ sinh thái.	76
3.2.4. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa cộng đồng.	77
3.2.5. Tạo việc làm và hỗ trợ cộng đồng địa phương.	78
CHƯƠNG 4: ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI KHU VỰC HỒ NÚI CỐC.....	80
4.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DLST KHU VỰC HỒ NÚI CỐC.....	80
4.1.1. Cơ sở định hướng.....	80
4.1.2. Các định hướng chính.	84
4.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI KHU VỰC HỒ NÚI CỐC.....	95
4.2.1. Giải pháp về cơ chế chính sách, đầu tư.....	95
4.2.2. Giải pháp về đào tạo và nâng cao nguồn lực phát triển DLST.....	97
4.2.3. Giải pháp thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động Du lịch sinh thái.	102
KẾT LUẬN.....	105
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

DLST	Du lịch sinh thái
Tp	Thành phố
VQG	Vườn Quốc Gia
ATK	An toàn khu
WTO	World Travel Organization
TL	Tỉnh lộ

DANH MỤC BẢNG

Bảng 3.1: Một số chỉ số phát triển ngành Du lịch Thái Nguyên giai đoạn 2008-2011.	54
Bảng 3.2: Lượng khách du lịch Hồ Núi Cốc giai đoạn 2008-2010.	55
Bảng 3.3: Lượng khách sử dụng dịch vụ tàu, thuyền đi tham quan hồ.	56
Bảng 3.4: Doanh thu Du lịch Hồ Núi Cốc (Đơn vị tính: Tỷ đồng)	57
Bảng 3.5: Mức độ hài lòng của khách du lịch nội địa	64

DANH MỤC HÌNH

Hình 3.1: Biểu đồ lượng khách khu du lịch Hồ Núi Cốc (2008- 6 th/2011).	55
Hình 3.2: Biểu đồ doanh thu Du lịch Hồ Núi Cốc (2008- 6 tháng đầu 2011)....	57

PHẦN MỞ ĐẦU

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Nhu cầu đi du lịch của người dân ngày càng cao. Ngành Du lịch ngày càng trở thành ngành kinh tế có vị trí quan trọng trong sự phát triển của mỗi quốc gia. Đảng và nhà nước đã khẳng định - Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp quan trọng góp phần nâng cao dân trí, tạo việc làm và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và coi phát triển du lịch là một hướng chiến lược quan trọng trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội nhằm góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tuy vậy, việc phát triển du lịch một cách ồ ạt, thiếu cơ sở lí luận, chạy theo lợi nhuận, không tính đến những tác động tiêu cực đối với môi trường tự nhiên và văn hóa đã gây nguy cơ phát triển thiếu bền vững cho ngành. Do vậy, một xu hướng phát triển du lịch mới, có khả năng khắc phục những tồn tại này đã và đang thu hút sự quan tâm của nhiều người, đặc biệt là đối với những nhà quản lý và các nhà khoa học - Đó là Du lịch sinh thái. DLST đã thực sự hình thành và phát triển trên thế giới từ những năm 70 của thế kỉ XX. Ở Việt Nam, DLST mới chỉ xuất hiện vào đầu những năm 1990, với bản chất là một quan điểm du lịch trách nhiệm, hỗ trợ mục tiêu bảo tồn môi trường tự nhiên, các giá trị văn hóa bản địa, phát triển cộng đồng, đồng thời đem lại những nguồn kinh tế to lớn phù hợp với quan điểm phát triển bền vững hiện nay.

Thái Nguyên là một tỉnh thuộc trung du miền núi phía Bắc, với nền kinh tế chưa mấy phát triển, khả năng kêu gọi đầu tư vào các ngành kinh tế còn gặp nhiều khó khăn. Việc phát triển du lịch giúp chúng ta khai thác tối đa những lợi thế về mặt tự nhiên và kinh tế - xã hội của vùng, nhằm thực hiện nâng cao đời sống nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Mặc dù Thái Nguyên là tỉnh có tài nguyên du lịch không thực sự phong phú, nhưng ngành du lịch cũng đã được ưu tiên phát triển từ khá lâu, ngành đã thu được những kết quả đáng kể.

Khu vực Hồ Núi Cốc gồm 12 xã: Hùng Sơn, Tân Thái, Lục Ba, Vạn Thọ, Bình Thuận, Ký Phú, Văn Yên (thuộc huyện Đại Từ), Phúc Tân (Phổ Yên), Tân Cương, Phúc Trìu, Phúc Xuân (thuộc thành phố Thái Nguyên), cách trung tâm

thành phố Thái Nguyên 15 km về phía Tây, với tổng diện tích hơn 22500 ha. Trong đó Hồ Núi Cốc có diện tích mặt nước khoảng 2500ha, đây là một hồ nước nhân tạo được hình thành từ việc đắp đập ngăn dòng chảy của sông Công. Mục đích ban đầu của việc xây dựng hồ là phục vụ sản xuất nông nghiệp. Nhưng với vẻ đẹp thiên nhiên có sẵn, cùng với những giá trị văn hóa bản địa đặc sắc của khu vực, Hồ Núi Cốc đã được đưa vào khai thác với mục đích du lịch từ những năm 90 của thế kỷ XX. Trong những năm qua, việc phát triển du lịch của Hồ Núi Cốc đã làm giảm chức năng của nhiều hệ sinh thái quý hiếm dưới nước và trên cạn, nhiều giá trị văn hóa truyền thống bị mất dần, nhiều di tích lịch sử đã được xếp hạng bị xuống cấp. Thực tế này đang làm suy giảm sức hấp dẫn đối với du khách, làm ảnh hưởng đến khả năng phát triển du lịch của khu vực trong tương lai. Vì vậy, chúng ta phải nhìn nhận lại cách thức phát triển du lịch hiện tại, để có những đánh giá chính xác cũng như đề ra những xu hướng phát triển du lịch mới nhằm thực hiện mục tiêu phát triển du lịch bền vững của tỉnh. Vì vậy, việc “**Nghiên cứu phát triển Du lịch sinh thái, Tỉnh Thái Nguyên**” nhằm hỗ trợ cộng đồng địa phương, góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao nhận thức về bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường là vô cùng cấp thiết.

2. MỤC ĐÍCH, NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU.

+ Mục tiêu.

Trên cơ sở đánh giá tiềm năng và hiện trạng hoạt động du lịch của khu vực Hồ Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên, đề tài nhằm tìm ra những giải pháp khai thác hợp lý tiềm năng, phát triển Du lịch sinh thái của khu vực.

+ Nhiệm vụ.

- Nghiên cứu tổng quan cơ sở lý luận về Du lịch sinh thái.
- Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng DLST của khu vực Hồ Núi Cốc.
- Đánh giá hiện trạng hoạt động du lịch tại khu vực Hồ Núi Cốc.
- Định hướng và đề xuất những giải pháp khai thác hợp lý tiềm năng của khu vực Hồ Núi Cốc phục vụ phát triển du lịch sinh thái trong khu vực.

3. PHẠM VI NGHIÊN CỨU

- Về phạm vi không gian nghiên cứu, khu vực Hồ Núi Cốc được đề cập

trong đề tài gồm toàn bộ diện tích mặt nước, các đảo thuộc địa giới hành chính của 12 xã với diện tích 22500 ha.

- Nội dung nghiên cứu, giới hạn ở việc nghiên cứu các tiềm năng và việc sử dụng các nguồn tài nguyên phục vụ phát triển DLST trong khu vực.

4. Ý NGHĨA CỦA KHÓA LUẬN

- Ý nghĩa trước tiên của khóa luận là đưa ra một cái nhìn đúng đắn về Du lịch sinh thái trên cơ sở tổng hợp các định nghĩa, nguyên tắc của nhiều tác giả và tổ chức trên thế giới.

- Khóa luận là một nguồn tài liệu tham khảo tin cậy cho việc quy hoạch phát triển DLST của khu vực Hồ Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên. DLST phát triển sẽ hỗ trợ đắc lực cho công tác bảo tồn, phát triển bền vững tại khu vực.

5. CẤU TRÚC CỦA KHÓA LUẬN

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục, phần nội dung của khóa luận được trình bày trong 4 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận, quan điểm và phương pháp nghiên cứu

Chương 2: Tiềm năng phát triển DLST tại khu vực Hồ Núi Cốc.

Chương 3: Hiện trạng hoạt động Du lịch tại khu vực Hồ Núi Cốc.

Chương 4: Định hướng và một số giải pháp phát triển Du lịch sinh thái khu vực Hồ Núi Cốc.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN, QUAN ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH SINH THÁI

1.1.1. *Khái niệm Du lịch*

Trong lịch sử nhân loại, từ xa xưa du lịch được coi là một hoạt động nghỉ ngơi tích cực, một sở thích của con người. Những hành vi du lịch đầu tiên xuất hiện như: cuộc hành trình của các nhà hiền triết quanh khu vực Địa Trung Hải để xác định ra bảy kỳ quan của thế giới cổ đại, hay các cuộc vi hành nhằm tìm hiểu nhân tình thế thái và thưởng ngoạn những thắng cảnh của các vị Hoàng đế Trung Hoa cổ đại... Cho đến nay, du lịch đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống văn hóa - xã hội của các nước, du lịch đã trở thành một ngành kinh tế quan trọng của mỗi vùng, mỗi quốc gia.

Trải qua quá trình phát triển, du lịch được mang nhiều định nghĩa khác nhau, do thời gian, khu vực khác nhau, góc độ nghiên cứu khác nhau, mỗi người có một cách hiểu du lịch khác nhau. Đầu tiên xuất phát từ thuật ngữ “tour” - bắt nguồn từ tiếng Pháp, có nghĩa là đi vòng quanh, cuộc dạo chơi và “touriste” là người đi dạo chơi. Đến khi “Hiệp hội các tổ chức du lịch quốc tế” được thành lập năm 1925 tại Hà Lan thì du lịch được hiểu là việc đi lại của từng cá nhân hoặc một nhóm người rời khỏi chỗ ở của mình trong khoảng thời gian ngắn đến những vùng xung quanh để nghỉ ngơi, giải trí hay chữa bệnh [13]. Nhìn chung những định nghĩa truyền thống chỉ xem du lịch như một kỳ nghỉ hoặc một chuyến đi để giải trí, làm phong phú thêm nhận thức của con người.

Cùng với thời gian và sự phát triển của xã hội, người ta nhận thấy yếu tố kinh tế không thể thiếu trong khái niệm du lịch. Khái niệm du lịch đã có những thay đổi phù hợp hơn, bao hàm các nội dung liên quan đến sự chuyển cư, những hoạt động tại nơi đến cũng như các vấn đề kinh tế xã hội liên quan. Gắn kết cả hai cách nhìn nhận về du lịch từ hai phía là người đi du lịch và người kinh doanh du lịch.

Định nghĩa Tổ chức Du lịch thế giới WTO (World Travel Organization) đã xác định rõ “Du lịch là hành động rời khỏi nơi thường trú để đi đến một nơi

khác, một môi trường khác trong một thời gian ngắn nhằm mục đích tìm hiểu, khám phá, vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng”.

Một định nghĩa về du lịch được các nhà khoa học Việt Nam sử dụng nhiều đó là định nghĩa của I.I Piroogionic: “Du lịch là hoạt động của dân cư trong thời gian rảnh rỗi liên quan tới việc di chuyển và lưu trú tạm thời bên ngoài nơi thường trú nhằm mục đích nghỉ ngơi, chữa bệnh, phát triển thể chất và tinh thần, nâng cao trình độ nhận thức, văn hóa hoặc thể thao, kèm theo việc tiêu thụ những giá trị về tự nhiên, kinh tế, văn hóa và dịch vụ [8].

Theo Bách khoa toàn thư Việt Nam 1995:

- Du lịch là một dạng nghỉ dưỡng sức, tham quan tích cực của con người ngoài nơi cư trú với mục đích: nghỉ ngơi, giải trí, xem danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá, nghệ thuật,...[12].

- Du lịch là một ngành kinh doanh tổng hợp có hiệu quả cao về nhiều mặt: nâng cao hiểu biết về thiên nhiên, truyền thống lịch sử và văn hoá dân tộc, từ đó góp phần làm tăng thêm tình yêu đất nước; đối với người nước ngoài là tình hữu nghị với dân tộc mình; về mặt kinh tế du lịch là lĩnh vực kinh doanh mang lại hiệu quả rất lớn; có thể coi là hình thức xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ tại chỗ...[12]

Theo Luật du lịch Việt Nam, năm 2005, khái niệm du lịch được xác định chính thức như sau: “Du lịch là hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định” [7].

Như vậy, du lịch là một khái niệm bao gồm nhiều nội dung. Một mặt, du lịch mang ý nghĩa là việc nghỉ ngơi, giải trí, liên quan mật thiết với sự di chuyển chỗ ở của khách du lịch. Mặt khác, du lịch được nhìn nhận như là hoạt động gắn chặt với các hoạt động kinh tế - sản xuất, tiêu thụ những giá trị của lãnh thổ du lịch. Điều này cho ta cách nhìn nhận tổng hợp, toàn diện hơn về hoạt động du lịch. Du lịch không chỉ được xem xét trên khía cạnh lợi ích của khách du lịch mà quan trọng hơn là tác động của hoạt động du lịch đến lãnh thổ du lịch trên cả hai phương diện kinh tế và xã hội. Những vấn đề này nếu được giải quyết hợp lý sẽ

đảm bảo được một nền du lịch bền vững và mang lại lợi ích tối đa cho cộng đồng.

1.1.2. Khái niệm Du lịch sinh thái

“Bước rón rén, chỉ chụp ảnh, và chỉ để lại dấu chân”. Đây chính là câu khẩu hiệu quen thuộc của Du lịch sinh thái.

Lịch sử ngành lữ hành nói riêng và ngành du lịch nói chung được đánh dấu bằng sự kiện nhà du lịch và kinh tế người Anh Thomas Cook đã tổ chức chuyến tham quan đặc biệt bằng tàu hỏa từ Leicester đến Ladbroke với chặng đường dài 12 dặm cho 570 khách đi dự hội nghị năm 1841 thì quan niệm về du lịch sinh thái xuất hiện muộn sau này.

Đặc biệt từ sau những năm 1980, trước những ảnh hưởng tiêu cực của các loại hình du lịch thông thường đối với môi trường sinh thái tự nhiên và nhân văn của các lãnh thổ du lịch. Một xu hướng du lịch mới đã nổi lên, thu hút được sự quan tâm của đông đảo giới khoa học cũng như các nhà quản lý du lịch, đó chính là Du lịch sinh thái. Du lịch sinh thái (Ecotourism) là một khái niệm rộng, được hiểu khác nhau từ những góc độ khác nhau.

Đối với một số người, “Du lịch sinh thái” = “Du lịch” + “sinh thái”, đơn giản được hiểu là sự kết hợp ý nghĩa của hai từ ghép “du lịch” và “sinh thái”

Nhìn ở góc độ rộng hơn, tổng quát hơn thì nhiều người quan niệm DLST là du lịch thiên nhiên. Với khái niệm này, mọi hoạt động du lịch liên quan đến thiên nhiên như du lịch biển, du lịch núi, du lịch nông thôn... đều được hiểu là Du lịch sinh thái. Nhiều ý kiến cho rằng, DLST là loại hình du lịch có lợi cho sinh thái, ít có những tác động tiêu cực đến sự tồn tại và phát triển của các hệ sinh thái nơi diễn ra các hoạt động du lịch.

Phải đến năm 1987, một định nghĩa tương đối hoàn chỉnh đầu tiên đã được Ceballos - Lascurain đưa ra: “DLST là du lịch đến những khu vực tự nhiên ít bị thay đổi, với những mục đích đặc biệt: nghiên cứu, tha quan với ý thức trân trọng thế giới hoang dã và những giá trị văn hóa được khám phá”. Định nghĩa này bao gồm du lịch văn hóa lẫn du lịch thiên nhiên.

Các nhà nghiên cứu khác đã đưa ra rất nhiều định nghĩa khác nhau về Du lịch

sinh thái. Nhưng hầu hết đều phản ánh được những đặc điểm cơ bản của DLST là hoạt động du lịch được tiến hành hài hòa với thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái, tập trung vào những lợi ích cho người bản địa. Ví dụ như:

Theo Hội Du lịch Sinh thái quốc tế. “Du lịch sinh thái là một cuộc du lịch có trách nhiệm đến những vùng thiên nhiên mà bảo tồn được môi trường và duy trì bền vững phúc lợi của nhân dân địa phương”.

Theo định nghĩa của Wood (1991): “Du lịch sinh thái là du lịch đến các khu vực còn tương đối hoang sơ với mục đích tìm hiểu về lịch sử môi trường tự nhiên và văn hóa mà không làm thay đổi sự toàn vẹn của các hệ sinh thái. Đồng thời tạo những cơ hội về kinh tế ủng hộ việc bảo tồn tự nhiên và mang lại lợi ích tài chính cho người dân địa phương”.

Định nghĩa của Allen (1993): “Du lịch sinh thái được phân biệt với các loại hình du lịch thiên nhiên khác về mức độ giáo dục cao đối với môi trường và sinh thái, thông qua những hướng dẫn viên có nghiệp vụ lành nghề. DLST tạo ra mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên hoang dã cùng với ý thức giáo dục để biến bản thân khách du lịch thành những người đi đầu trong công tác bảo vệ môi trường. Phát triển DLST sẽ làm giảm thiểu tác động của khách du lịch đến văn hóa và môi trường, đảm bảo cho địa phương được hưởng nguồn lợi tài chính do du lịch mang lại và chú trọng đến những đóng góp tài chính cho việc bảo tồn thiên nhiên”.

Theo Hội đồng Tư vấn Môi trường Canada: “Du lịch sinh thái là một trải nghiệm du lịch thiên nhiên mang lại thông tin bổ ích và góp phần vào việc bảo tồn hệ thống sinh thái, trong khi đó tôn trọng tình trạng nguyên vẹn của các cộng đồng chủ nhà”.

Định nghĩa của Vụ Du lịch Australia: “Du lịch sinh thái là du lịch dựa vào tự nhiên trong đó bao gồm nhân tố giáo dục môi trường và được quản lý cho sự phát triển bền vững”. Trong định nghĩa này đã nhấn mạnh yếu tố quản lý bền vững vào giáo dục môi trường.

Có rất nhiều định nghĩa khác về Du lịch sinh thái, trong đó Buckley đã tổng quát như sau: “Chỉ có du lịch dựa vào thiên nhiên, được quản lý bền vững, hỗ

trợ bảo tồn và có giáo dục môi trường mới được xem là DLST”.

Tại Việt Nam, DLST là lĩnh vực mới được nghiên cứu từ giữa những năm 90 của thế kỷ XX, đã thu hút được sự quan tâm đặc biệt của các nhà nghiên cứu về du lịch và môi trường. Do trình độ nhận thức khác nhau, cách nhìn nhận vấn đề khác nhau nên khái niệm về DLST cũng còn nhiều điểm chưa thống nhất. Nhiều cuộc hội thảo chuyên đề được tổ chức với sự tham gia của các nhà nghiên cứu trong và ngoài ngành đã đưa ra những khái niệm khác nhau về DLST.

Trong cuộc hội thảo “Xây dựng chiến lược quốc gia về phát triển du lịch sinh thái” tại Việt Nam năm 1999, khái niệm DLST mới có sự thống nhất bước đầu: “DLST là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa, gắn với giáo dục môi trường, có đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững, với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương”. Định nghĩa này bao hàm đầy đủ nội dung của DLST, thống nhất về cơ bản với các quan niệm của các nhà khoa học trên thế giới.

Từ định nghĩa được đưa ra từ năm 1987, nội dung của định nghĩa về DLST đã có sự thay đổi. Từ chỗ đơn thuần coi hoạt động DLST là loại hình du lịch ít tác động đến môi trường tự nhiên sang cách nhìn tích cực hơn- DLST là loại hình du lịch có trách nhiệm với môi trường, có tính giáo dục, diễn giải cao về tự nhiên, có đóng góp cho hoạt động bảo tồn và đem lại lợi ích cho cộng đồng địa phương.

DLST mới đầu được biết đến chỉ là một loại hình du lịch, nhưng đã dần được nâng lên thành một quan điểm du lịch trong nỗ lực của toàn nhân loại nhằm cứu vãn, phục hồi những hệ sinh thái tự nhiên, nhân văn có giá trị cao của các lãnh thổ du lịch. Từ đó Luật Du Lịch Việt Nam có định nghĩa: “DLST là hình thức du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hóa địa phương với sự tham gia của cộng đồng nhằm phát triển bền vững” (khoản 19, điều 4) [7].

1.1.3. Mối quan hệ giữa Du lịch sinh thái với các loại hình du lịch khác

Hiện nay, có hai quan niệm còn nhiều tranh cãi. Nếu nhìn nhận DLST như một loại hình du lịch thì DLST cũng như các loại hình du lịch khác, nó tồn tại độc lập và là một bộ phận cấu thành hệ thống các loại hình du lịch. DLST là loại

hình du lịch dựa vào tự nhiên, đưa du khách về với thiên nhiên, đến với màu xanh của tự nhiên, mặc dù trong hoạt động của loại hình du lịch này bao gồm cả tìm hiểu, nghiên cứu văn hóa bản địa của cộng đồng địa phương.

Các loại hình du lịch dựa vào tự nhiên như nghỉ dưỡng, tham quan, mạo hiểm... chủ yếu mới chỉ đưa con người về với thiên nhiên, còn việc giáo dục, nâng cao nhận thức cho du khách về thiên nhiên và môi trường văn hóa cộng đồng địa phương là rất hiếm và hầu như không có. Tuy nhiên, nếu xem xét DLST như một quan điểm du lịch thì trong hoạt động du lịch này có gắn liền với việc thực hiện các nguyên tắc của DLST, bao gồm: giáo dục môi trường, bảo tồn và phát triển bền vững, có sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương thì bản thân chúng đã chuyên hóa thành một dạng của DLST. Chúng ta nên xem xét DLST như một quan điểm du lịch nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng xấu đến môi trường tự nhiên. Có như vậy chúng ta mới phát huy được vai trò trong việc bảo vệ, phục hồi môi trường tự nhiên và các giá trị nhân văn đặc sắc, đồng thời nâng cao đời sống vật chất cho người dân tại các lãnh thổ du lịch của hoạt động du lịch. Chính vì vậy người ta gọi DLST là Du lịch trách nhiệm, Du lịch xanh.

1.1.4. Đặc trưng cơ bản của Du lịch sinh thái

Hoạt động khai thác du lịch nói chung và DLST nói riêng là quá trình sử dụng những giá trị đặc trưng của các loại tài nguyên du lịch tự nhiên, văn hóa, lịch sử kết hợp với các điều kiện về cơ sở hạ tầng, dịch vụ của lãnh thổ, nhằm tạo ra những sản phẩm du lịch hấp dẫn mang lại lợi ích cho xã hội.

DLST là một dạng của hoạt động du lịch, vì vậy nó cũng bao gồm tất cả những đặc trưng cơ bản của hoạt động du lịch nói chung: *Tính đa ngành, Tính đa thành phần, Tính đa mục tiêu, Tính liên vùng, Tính mùa vụ, Tính chi phí, Tính xã hội hóa.*

Bên cạnh những đặc trưng của ngành du lịch nói chung, Du lịch sinh thái cũng hàm chứa những đặc thù riêng. Bao gồm:

DLST phát triển trên địa bàn phong phú về tự nhiên và nền văn hóa bản địa. Đó là những khu vực tự nhiên còn tương đối nguyên sơ, ít bị tác động. Với đặc

trung này, các vườn quốc gia, các khu bảo tồn tự nhiên rất phù hợp để phát triển DLST.

Tính giáo dục cao về môi trường: DLST hướng du khách tiếp cận gần hơn nữa với các hoạt động bảo vệ môi trường thông qua giáo dục, thuyết minh môi trường. Bằng các tài liệu, các nguồn thông tin, hướng dẫn viên, các phương tiện trên điểm, tuyên tham quan...nhằm nâng cao nhận thức về môi trường và bảo tồn cho du khách. Giáo dục môi trường trong DLST có tác dụng trong việc làm thay đổi thái độ của du khách, cộng đồng và chính ngành du lịch đối với giá trị bảo tồn và sẽ góp phần tạo nên sự bền vững lâu dài của các dạng tài nguyên du lịch.

Đảm bảo tính bền vững về sinh thái so với các loại hình du lịch khác, vì nó được phát triển trong những môi trường có sức hấp dẫn ưu thế về tự nhiên, văn hóa bản địa đặc sắc. Vì vậy, trong DLST, hình thức, địa điểm và mức độ sử dụng các dạng tài nguyên phục vụ du lịch phải được duy trì, quản lý cho bền vững. Điều này được thể hiện ở quy mô nhóm khách tham quan thường có số lượng nhỏ, yêu cầu sử dụng các phương tiện, dịch vụ, tiện nghi của du khách thấp. Các hoạt động của DLST thường ít gây tác động đến môi trường và du khách sẵn sàng chi trả cho việc bảo vệ môi trường.

Khuyến khích cộng đồng địa phương tham gia và hưởng lợi ích từ hoạt động du lịch. DLST cải thiện đời sống, tăng thêm lợi ích cho cộng đồng địa phương trên cơ sở cung cấp về kiến thức, những kinh nghiệm thực tế để đa số người dân có khả năng tham gia vào việc quản lý, vận hành, kinh doanh dịch vụ DLST. Đó cũng là để người dân có thể trở thành những người bảo tồn tích cực. Lợi ích về DLST phải lớn hơn sự trả giá về môi trường, văn hóa, xã hội có thể nảy sinh trên lãnh thổ du lịch.

1.1.5. Nguyên tắc hoạt động của Du lịch sinh thái

DLST được phát triển trên cơ sở những nguyên tắc hướng tới phát triển bền vững. Nguyên tắc này đòi hỏi đáp ứng được nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng đến nhu cầu của các thế hệ tiếp theo. Đây là những nguyên tắc không chỉ cho các nhà quy hoạch, quản lý, điều hành mà còn cho cả hướng dẫn viên. Cụ

thể:

- Thận trọng trong việc sử dụng nguồn tài nguyên môi trường, hỗ trợ bảo tồn và giảm thiểu ô nhiễm.
- Phát triển du lịch không làm tổn hại đến nền văn hóa và xã hội địa phương. Các giá trị văn hóa bản địa là một yếu tố không thể tách rời các giá trị môi trường của hệ sinh thái.
- Tạo lợi ích lâu dài cho cộng đồng địa phương qua cơ hội việc làm mà họ nhận được với vai trò là người làm chủ trong sự phát triển và hoạch định.
- Khách du lịch cần được cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác về khu vực đến thăm, đảm bảo tính giáo dục cao.

1.1.6. Tài nguyên Du lịch sinh thái

a). Khái niệm tài nguyên Du lịch sinh thái

Tài nguyên du lịch nói chung của mỗi lãnh thổ bao gồm các yếu tố liên quan điều kiện tự nhiên, điều kiện lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội vốn có trong tự nhiên hoặc do con người tạo ra trên lãnh thổ đó được sử dụng vào mục đích du lịch. Hay cụ thể hơn, “tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử, văn hóa, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố căn bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch,...” [7].

DLST được phát triển dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa. Do đó, tài nguyên DLST là một bộ phận quan trọng của tài nguyên du lịch, “nó bao gồm các giá trị tự nhiên thể hiện trong hệ sinh thái cụ thể và các giá trị văn hóa bản địa tồn tại và phát triển không tách rời hệ sinh thái tự nhiên đó” [6].

Như vậy, không phải tất cả giá trị tự nhiên và văn hóa bản địa đều được coi là tài nguyên DLST mà chỉ có các thành phần, các thể tổng hợp tự nhiên, các giá trị văn hóa bản địa gắn với một hệ sinh thái cụ thể được khai thác, sử dụng để tạo ra các sản phẩm DLST, phục vụ mục đích phát triển DLST mới được xem là tài nguyên DLST. Điều này có nghĩa là khi nghiên cứu, đánh giá, tổng hợp tài nguyên DLST của một lãnh thổ cho mục đích phát triển DLST thì những hệ sinh thái (tự nhiên, nhân sinh) phản ánh đầy đủ các điều kiện tự nhiên của lãnh thổ

đó, chỉ có những giá trị văn hóa bản địa (vật thể và phi vật thể) là sản phẩm của quá trình sinh sống lâu dài trên cơ sở khai thác các điều kiện tự nhiên trên lãnh thổ và phản ánh được các đặc trưng mang tính quy luật giữa tự nhiên và con người của lãnh thổ mới được coi là tài nguyên DLST.

Tài nguyên DLST rất phong phú, đa dạng. Một số loại tài nguyên DLST chủ yếu thường được nghiên cứu khai thác nhằm đáp ứng nhu cầu của du khách gồm:

- Các hệ sinh thái tự nhiên đặc thù, đặc biệt là nơi có tính đa dạng sinh học cao với nhiều loại sinh vật đặc hữu, quý hiếm (các vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên, sân chim...).

- Các hệ sinh thái nông nghiệp phản ánh tổng hợp các điều kiện sản xuất của lãnh thổ (vườn cây ăn trái - miệt vườn ở Đồng Bằng sông Cửu Long, trang trại, làng hoa cây cảnh - Đà Lạt, Hà Nội...).

- Các giá trị văn hóa bản địa hình thành và phát triển gắn liền với sự tồn tại của hệ sinh thái tự nhiên như các phương thức canh tác, các lễ hội, sinh hoạt truyền thống gắn với các truyền thuyết của cộng đồng.

b). Các đặc điểm của tài nguyên du lịch sinh thái

❖ Tài nguyên Du lịch sinh thái thường rất nhạy cảm với các tác động

So với các dạng tài nguyên phục vụ loại hình du lịch khác, tài nguyên DLST thường rất nhạy cảm với những tác động của con người. Bởi những yếu tố tự nhiên, hay văn hóa bản địa được coi là tài nguyên DLST là thành phần không thể tách rời trong cấu trúc sinh thái cảnh quan của mỗi lãnh thổ du lịch. Những thành phần này tồn tại, phát triển trong mối quan hệ hữu cơ với nhau một cách hết sức chặt chẽ. Do đó, sự thay đổi tính chất của một số thành phần tự nhiên hoặc sự suy giảm hay mất đi của một số loài sinh vật cấu thành nên hệ sinh thái nào đó dưới tác động của con người sẽ là nguyên nhân để thay đổi, thậm chí mất đi hệ sinh thái đó và tác động tiếp theo là phá vỡ những tập quán, phương thức canh tác của cư dân địa phương, nó ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng lãnh thổ đó và kết quả là tài nguyên DLST sẽ bị ảnh hưởng ở những mức độ khác nhau.

❖ *Tài nguyên DLST chịu sự chi phối mạnh mẽ của quy luật nhịp điệu (đặc biệt là nhịp điệu mùa)*

Tài nguyên du lịch nói chung và DLST nói riêng đều chịu tác động của quy luật nhịp điệu. Nhưng DLST là hình thức du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa nên những tài nguyên DLST chịu sự chi phối mạnh mẽ hơn cả và đây là một trong những đặc trưng cơ bản nhất của loại tài nguyên này. Sự lệ thuộc này chủ yếu dựa theo quy luật diễn biến của khí hậu, đây là nhân tố có vai trò động lực tạo nên sự biến đổi mang tính nhịp điệu của tất cả các thành phần tự nhiên, nhân văn, và nó sẽ quyết định tính nhịp điệu trong hoạt động khai thác các nguồn tài nguyên phục vụ DLST. Vì vậy, vấn đề đặt ra là các nhà quản lý, các nhà hoạch định chính sách phát triển DLST, trong quá trình hoạch định các loại hình du lịch, các tuyến điểm du lịch, là tạo nên khả năng khai thác hoạt động du lịch một cách liên tục.

❖ *Tài nguyên DLST thường được khai thác tại chỗ để tạo ra các sản phẩm du lịch*

Không giống như các dạng tài nguyên khác, sau khi được khai thác có thể vận chuyển đi nơi khác. Tài nguyên Du lịch nói chung và tài nguyên DLST nói riêng thường được khai thác tại chỗ để tạo ra sản phẩm nhằm thỏa mãn nhu cầu của du khách. Vì vậy, để khai thác tốt tài nguyên DLST thái cần thiết phải có những cơ sở hạ tầng thuận lợi cho việc tiếp cận các khu vực tiềm năng. Trên thực tế chúng ta cũng thấy những nơi nào có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông đi lại thuận tiện thì hoạt động du lịch nói chung và DLST nói riêng sẽ phát triển hơn. Ngược lại những nơi có tiềm năng rất lớn về DLST nhưng giao thông khó khăn, khả năng tiếp cận còn hạn chế thì mức độ khai thác còn thấp, chủ yếu còn ở dạng tiềm năng (ví dụ như hồ Ba Bể, núi Phan xi păng...).

❖ *Tài nguyên Du lịch sinh thái có khả năng tái tạo và sử dụng lâu dài*

Phần lớn các loại tài nguyên du lịch, trong đó có tài nguyên DLST được xếp vào loại tài nguyên có khả năng phục hồi, tái tạo của tự nhiên. Tuy nhiên trên thực tế có rất nhiều loại tài nguyên DLST đặc sắc như các sinh vật đặc hữu, quý hiếm... hoàn toàn có thể biến mất do những tai biến thiên nhiên hoặc do tác

động thiếu hiểu biết của con người. Vấn đề đặt ra là cần nắm bắt được quy luật của tự nhiên, lường trước được những tác động của con người đối với tự nhiên nói chung, tài nguyên DLST nói riêng để có những định hướng, giải pháp cụ thể khai thác hợp lý, có hiệu quả, không ngừng bảo vệ tôn tạo và phát triển các nguồn tài nguyên vô giá này nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch. Chỉ có phát triển bền vững mới đảm bảo cho nguồn tài nguyên du lịch, trong đó có tài nguyên DLST ít bị tổn hại, mỗi điểm du lịch, mỗi khu du lịch ngày càng trở nên hấp dẫn hơn, không chỉ thỏa mãn nhu cầu phát triển du lịch hiện tại, mà còn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu du lịch nói chung và DLST nói riêng trong tương lai.

c). Các loại tài nguyên Du lịch sinh thái ở Việt Nam

❖ *Hệ sinh thái rừng nhiệt đới*

Việt Nam nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm vì vậy đây là hệ sinh thái mang tính phổ biến. Nhưng do sự khác nhau về điều kiện nhiệt ẩm giữa các mùa, các vùng nên hệ sinh thái này có thể chia ra: Hệ sinh thái rừng nhiệt đới thường xanh; Hệ sinh thái trên núi đá vôi; Hệ sinh thái rừng khô hạn.

Các hệ sinh thái này có thể mạnh đối với phát triển DLST là sự phong phú về thành phần loài động thực vật, với nhiều loài có giá trị, lại tồn tại trên các dạng địa hình có độ chia cắt lớn. Do vậy có thể phát triển các loại hình DLST có sức hút lớn đối với du khách như: đi bộ xuyên rừng, tìm hiểu khám phá tự nhiên, leo núi...

❖ *Nhóm hệ sinh thái núi cao*

Việt Nam có $\frac{3}{4}$ diện tích lãnh thổ là đồi núi, nhưng núi có độ cao trên 1000m chỉ chiếm 10% diện tích, chủ yếu là đồi núi thấp. Tuy vậy, các hệ sinh thái núi cao lại có vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển DLST.

Do nằm trên những khu vực có độ cao lớn nên có khí hậu mát mẻ trong lành, phù hợp với loại hình du lịch nghỉ dưỡng, leo núi... Đây còn là nơi lưu giữ nhiều nguồn gen quý hiếm, nhiều loại động thực vật đặc hữu.

❖ *Nhóm hệ sinh thái đất ngập nước*

Các hệ sinh thái đất ngập nước có những đặc thù sinh thái riêng mà nhiều nhà sinh thái vẫn mô tả chung là các hệ sinh thái thủy vực. Đất ngập nước ở Việt

Nam rất lớn và phong phú, bao gồm dải đất ven biển, vùng nước xung quanh các đảo có độ sâu không quá 6m khi thủy triều xuống thấp, những cửa sông rộng lớn với những đầm lầy, các bãi triều, rừng ngập mặn, các đầm phá ven biển, những cánh đồng muối, những vùng đồng bằng châu thổ rộng lớn ngập nước theo mùa được khai thác chủ yếu để trồng lúa, những rừng tràm bát ngát, những ao, đầm nuôi trồng thủy sản, những hồ nước ngọt tự nhiên, nhân tạo...

Những hệ sinh thái ngập nước điển hình có thể kể tới: Hệ sinh thái ngập mặn ven biển, hệ sinh thái đầm lầy nội địa, hệ sinh thái đầm phá, hệ sinh thái hồ, hệ sinh thái san hô. Đây có thể coi là một dạng tài nguyên DLST nhiều tiềm năng nhất.

❖ *Nhóm hệ sinh thái biển - đảo*

Trên dọc chiều dài 3260km đường bờ biển và vùng biển rộng trên 1triệu km², Việt Nam có khoảng 2779 hòn đảo lớn nhỏ. Căn cứ vào đặc điểm phân bố các đảo có thể chia thành 3 hệ sinh thái đặc trưng: Hệ sinh thái quần đảo với nhiều vũng, vịnh nhỏ và từng, áng xen kẽ tạo nên cảnh quan và môi trường sinh thái rất đặc biệt và đa dạng; Hệ sinh thái ở một hoặc hai đảo độc lập hoặc cách nhau tương đối xa; Hệ sinh thái vùng quần đảo nhỏ, bao gồm một đảo lớn và một số đảo nhỏ xung quanh.

❖ *Nhóm hệ sinh thái vùng cát ven biển*

Hệ sinh thái vùng cát ven biển là một trong những hệ sinh thái đặc trưng ở Việt Nam, thu hút được sự quan tâm của du khách, thực vật phát triển hạn chế trong các hệ sinh thái cát, chủ yếu là cỏ dại như cỏ Lông Chông, cỏ Gà, cỏ gừng, muống biển... xen cây bụi như Xương Rồng, Dừa dại,... độ che phủ thấp. Động vật ở hệ sinh thái vùng cát chủ yếu là Nhông cát, Thần Lăn, Rắn cát, Cò bọ. Cò lửa...

Các nhóm hệ sinh thái cát hình thành trên một số loại đất cát khác nhau như: đất cồn cát trắng vàng, đất cát biển, đất cát đỏ.

❖ *Nhóm hệ sinh thái nông nghiệp*

Hệ sinh thái nông nghiệp là hệ sinh thái nhân sinh, có tác động của con người và được con người duy trì để phục vụ cho đời sống của mình. Tuy nhiên, cây

trồng và vật nuôi của nhóm hệ sinh thái này phát triển theo những quy luật tự nhiên, phù hợp với môi trường và trong sự cân bằng sinh thái với các sinh vật hoang dã mà chủ yếu ở đây là cỏ dại và côn trùng.

Nhóm hệ sinh thái nông nghiệp bao gồm: hệ đồng ruộng (hệ trồng trọt), hệ vườn làng (hệ quần cư nông thôn), hệ sông hồ, ao đầm (thủy vực).

❖ *Các cảnh quan đặc biệt*

Các di tích tự nhiên: Trên bề mặt địa hình có rất nhiều vật thể với dáng hình tự nhiên song lại rất gần gũi với đời thường, có giá trị thẩm mỹ, gợi cảm, mang những sự tích và truyền thuyết. Đó là những di tích tự nhiên và cũng là nơi được khách du lịch ưa thích, ngưỡng mộ.

Các cảnh quan du lịch tự nhiên: Cảnh quan du lịch tự nhiên là nơi có sự phối hợp của những thành phần tự nhiên, đặc biệt là địa hình, thực vật và hệ thống sông suối để tạo thành dạng tài nguyên du lịch đặc biệt, có khả năng thu hút khách du lịch nhưng phạm vi không lớn lắm.

❖ *Tài nguyên du lịch nhân văn (văn hóa bản địa)*

Nguồn tài nguyên du lịch nhân văn trong các khu sinh thái tự nhiên hay là văn hóa bản địa được hiểu bao gồm cộng đồng dân cư với vốn văn hóa truyền thống của họ (tập tục, lối sống, sinh hoạt lễ hội, văn hóa dân gian, các sản phẩm thủ công truyền thống, các di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật, các đặc sản ẩm thực...)

1.2. QUAN ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.2.1. Quan điểm nghiên cứu

a). Quan điểm Du lịch sinh thái

Du lịch sinh thái đúng hơn là một quan điểm du lịch, một triết lý, là những hoạt động và nguyên tắc mà nếu không được hiểu đúng , nó sẽ làm thay đổi phương thức đi du lịch. Vận dụng quan điểm này vào đề tài, chúng ta không nên nhìn nhận DLST như một loại hình du lịch thông thường mà là một định hướng trong hoạt động du lịch. Sẽ không tồn tại một tuyến DLST hay một khu DLST cụ thể, vì DLST hay phi DLST hoàn toàn phụ thuộc vào hoạt động thực tiễn của con người. Nếu hoạt động đó là bảo vệ môi trường, đóng góp cho công tác bảo

tồn thì nó sẽ được coi là đang đi theo hướng DLST. Một khách du lịch tham gia vào một “tour DLST” không có nghĩa người đó đương nhiên là một khách DLST.

b). Quan điểm hệ thống

Đối với việc nghiên cứu phát triển DLST khu vực Hồ Núi Cốc, cần phải xác định DLST là một bộ phận không thể tách rời của ngành du lịch nói chung và của du lịch tỉnh Thái Nguyên nói riêng. Bản thân những yếu tố tự nhiên, văn hóa cấu thành hệ thống tài nguyên DLST cho khu vực là một bộ phận của hệ thống tự nhiên, văn hóa chung của khu vực. Sự biến đổi của một yếu tố tự nhiên, văn hóa nào đó trong quá trình khai thác du lịch có thể làm thay đổi toàn bộ cảnh quan trong khu vực. Do vậy, vận dụng yếu tố này trong quy hoạch phát triển cần phải dựa trên những cơ sở khoa học rõ ràng, tôn trọng quy luật khách quan, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.

c). Quan điểm tổng hợp

Tất cả mọi hoạt động không thể tách rời một lãnh thổ cụ thể. Các điều kiện và nhân tố du lịch tồn tại trong sự thống nhất với các yếu tố: tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội, lịch sử. Theo quan điểm này, lãnh thổ du lịch được tổ chức là một hệ thống liên kết không gian của các đối tượng du lịch trên cơ sở các nguồn tài nguyên, các dịch vụ du lịch. Quan điểm này được áp dụng trong việc phân tích các tiềm năng cho hoạt động phát triển du lịch của khu du lịch Hồ Núi Cốc trong mối quan hệ tổng hợp các yếu tố. Quan điểm này cũng luôn được chú trọng khi đánh giá các hoạt động du lịch và vấn đề bảo tồn môi trường tự nhiên.

d). Quan điểm kinh tế, sinh thái bền vững

Một trong những vấn đề quan trọng của DLST là bảo vệ tài nguyên du lịch tự nhiên và đem lại lợi ích cho cộng đồng địa phương. Vì vậy, việc phát triển du lịch nhằm mục tiêu hiệu quả kinh tế phải đi đôi với bảo vệ môi trường du lịch. Đây là hai mặt không thể tách rời của chính sách kinh tế toàn vẹn. Vận dụng quan điểm này, tính toàn vẹn lãnh thổ của hệ sinh thái phải được coi trọng, trong đó các tác động của hoạt động du lịch đến khả năng chịu đựng của hệ sinh thái cần được tính đến, đảm bảo sự phát triển của DLST trên cơ sở hiệu quả về kinh

tế và bảo tồn môi trường tự nhiên một cách bền vững.

e). Quan điểm lịch sử

Nghiên cứu quá khứ để được những đánh giá đúng đắn cho hiện tại, phân tích nguồn gốc phát sinh, phát triển là cơ sở để đưa ra những dự báo về xu hướng phát triển. Quan điểm này được vận dụng trong quá trình phân tích các giai đoạn chủ yếu của quá trình hình thành, phát triển hệ thống du lịch, xu hướng phát triển của hệ thống lãnh thổ.

1.2.2. Phương pháp nghiên cứu

a). Phương pháp khảo sát thực địa và thu thập tài liệu

Phương pháp này giúp quan sát cảnh quan tự nhiên, cơ sở hạ tầng (nhà cửa, công trình, giao thông...) và tìm hiểu văn hóa bản địa, tiếp xúc với ban quản lý, điều hành, người địa phương để thu thập những nguồn tư liệu cần thiết và cập nhật.

b). Phương pháp thống kê và phân tích tài liệu

Phương pháp thống kê không chỉ áp dụng trong nghiên cứu sơ bộ, thu thập các tài liệu, các bài báo, các báo cáo đã có về khu vực..., mà còn sử dụng trong quá trình phân tích, chọn lọc, xử lý các số liệu phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

Những tài liệu thông tin luôn được bổ xung cập nhật, đảm bảo cơ sở cho việc xử lý, phân tích, đánh giá các vấn đề cho nội dung nghiên cứu.

c). Phương pháp phân tích tổng hợp

Phương pháp này được áp dụng thông qua việc tổ hợp các nguồn tài liệu, các kết quả điều tra xã hội học cùng các khảo sát thực tế, phân tích để thấy được tiềm năng, thực lực phát triển du lịch và thấy được mức độ phức tạp của lãnh thổ.

d). Phương pháp điều tra xã hội học

Phỏng vấn bằng hỏi các đối tượng: người dân địa phương, khách du lịch nước ngoài, khách du lịch trong nước.

Khảo sát, xác định các đối tượng và nội dung cần điều tra, đề tài thực hiện điều tra hai đối tượng chính là khách du lịch và người dân địa phương.

Lựa chọn phương pháp điều tra với ba cách tiếp cận cơ bản: phỏng vấn thông

qua trao đổi, trò chuyện; phỏng vấn trên cơ sở phác thảo các ý tưởng cơ bản.

Kết luận chương 1

DLST được chấp nhận trên phạm vi quốc tế với những ý tưởng phát triển bền vững. Tuy nhiên, DLST không phải là “liều thuốc chữa bách bệnh” cho tất cả những vấn đề đang tồn tại của ngành du lịch. DLST hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Để đạt được mục tiêu này, DLST phải đảm bảo cân bằng giữa các mục tiêu kinh tế, môi trường, xã hội với các giá trị tài nguyên và giá trị đạo đức.

Phụ thuộc vào các điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội cụ thể của từng điểm, từng khu du lịch thì tiềm năng DLST của chúng không giống nhau. Chính vì vậy, để phát triển DLST tại khu vực này, khóa luận tập trung vào tiềm năng và hiện trạng hoạt động du lịch, từ đó đánh giá dưới góc độ DLST trong chương 2, 3 và 4 của khóa luận.

CHƯƠNG 2: TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI TẠI KHU VỰC HỒ NÚI CỐC

2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN DU LỊCH TỰ NHIÊN

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

a). Vị trí địa lý

Khu vực Hồ Núi Cốc bao gồm 12 xã: Hùng Sơn, Tân Thái, Lục Ba, Vạn Thọ, Bình Thuận, Ký Phú, Văn Yên, Cát Nê (thuộc huyện Đại Từ), Phúc Tân (Phổ Yên), Tân Cương, Phúc Trìu, Phúc xuân (thuộc thành phố Thái Nguyên). Cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 15km về phía Tây, với tổng diện tích hơn 22500 ha. Trong đó, Hồ Núi Cốc có diện tích mặt nước khoảng 2500 ha. Đây là một hồ nước nhân tạo được hình thành từ việc đắp đập ngăn dòng chảy của sông Công.

Khu vực Hồ Núi Cốc có tọa độ địa lý trong khoảng:

Từ $105^{\circ} 33'$ đến $105^{\circ} 45'$ kinh Đông và từ $21^{\circ} 29'$ đến $21^{\circ} 40'$ vĩ độ Bắc. Phía Bắc và Tây Bắc giáp với các xã còn lại của huyện Đại Từ, phía Đông là thành phố Thái Nguyên, phía Nam và Đông Nam giáp huyện Phổ Yên và thị xã sông Công, phía Tây ngăn cách với tỉnh Vĩnh Phúc bởi dãy Tam Đảo.

b). Đặc điểm địa chất, địa hình

Khu vực Hồ Núi Cốc có địa hình khá đơn giản, phía Tây là sườn Đông của dãy Tam Đảo được phân định từ độ cao 1500 m trở xuống. Phía Đông Bắc là dãy núi Pháo, kéo dài khoảng 15km theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, rộng trung bình 2 - 3km với đỉnh cao nhất khoảng 500m. Vùng trung tâm là những dải đồi núi thấp, độ cao trung bình từ dưới 250m. Độ dốc từ 15 - 25⁰, xem với các dạng địa hình thung lũng - nơi đã được con người khai thác sử dụng từ lâu đời. Ở chính giữa là thung lũng sông Công chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam và Hồ Núi Cốc. Nằm song song với bờ phía Tây Nam của Hồ Núi Cốc là dãy núi Thần Lăn, với đỉnh cao nhất khoảng 497m. Có thể khái quát, địa hình khu vực Hồ Núi Cốc mang tính chuyển tiếp giữa vùng gò đồi bậc thềm phù sa cổ phía Đông Nam và vùng đồi núi cao ở phía Tây Bắc Bộ.

Về đặc điểm địa chất. Khu vực Hồ Núi Cốc có nền trầm tích phiến thạch, sỏi

sạn kết và phiến thạch sét, khó phong hóa, nghèo dinh dưỡng. Khoáng vật sau phong hóa dễ hòa tan, chứa nhiều cấp hạt thô, vụn.

c). Đặc điểm khí hậu, thủy văn

Mặc dù mang đặc điểm chung của khí hậu tỉnh Thái Nguyên cũng như toàn vùng Đông Bắc của Việt Nam với nền tảng nhiệt đới gió mùa ẩm có một mùa đông lạnh. Trong đó có một mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều, lượng mưa tập trung từ tháng 6 - tháng 10. Mùa đông rét kéo dài từ tháng 11- tháng 3. Tuy nhiên với đặc điểm địa hình mở rộng và thấp dần về phía Đông Nam, có độ cao trên 1500m tạo nên bức chắn địa hình đối với gió mùa Đông Bắc, xuất hiện kiểu thời tiết mang tính địa phương rõ nét. Do vậy, trong khu vực nghiên cứu, xuất hiện những cơn mưa có lượng khá lớn thường xảy ra vào đầu vào cuối mùa đông, ngay trong thời gian giữa mùa đông cũng thường xuyên xuất hiện những trận mưa nhỏ. Điều này làm cho tính chất khô của mùa đông bớt khắc nghiệt hơn, có lợi cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, nhưng lại có tác động tiêu cực đến hoạt động du lịch.

Đặc điểm thủy văn. Với lượng mưa hàng năm khá lớn (lớn nhất tỉnh), đã tạo điều kiện cho mạng lưới sông suối trong khu vực khá phát triển. Dòng chảy chính trong khu vực là sông Công, với chiều dài là 96 km, tổng diện tích lưu vực rộng 951 km² (chiều rộng lưu vực 13 km, chiều dài lưu vực 73km), độ dốc dòng chảy là 1,89%. Bên cạnh đó là phụ lưu của nó (chủ yếu tập trung bên hữu ngạn), sông Nước Giáp, suối Ngòi Tía, suối Kén, suối Tôn, suối Ký Phú, suối Hai Huyện, suối Nguồn, suối Cầu Tây...Lưu lượng nước của sông Công khá dồi dào, nhưng có sự chênh lệch lớn giữa mùa lũ và mùa cạn, trung bình đạt 17,2m³/s. Ở trung lưu của sông Công, người ta đã xây dựng Hồ Núi Cốc (từ thượng nguồn tới hồ là 47 km). Sự ra đời của Hồ Núi Cốc có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với đời sống và sản xuất của cư dân trong khu vực. Đây là công trình thủy nông lớn nhất tỉnh Thái Nguyên, được khởi công từ năm 1972 đến năm 1978 thì hoàn thành và đưa vào sử dụng. Hồ bao gồm một đập chính dài 480m, cao 49m nằm trên địa phận xã Phúc Trìu (Tp Thái Nguyên) và 6 đập phụ có độ cao từ 5- 13m, chiều dài từ vài chục đến vài trăm mét. Hồ nhận nước từ sông

Công và các sông suối khác trong khu vực trên diện tích lưu vực rộng 535 km², hồ có dung tích thiết kế trung bình là 175,5 triệu m³, mực nước trung bình là 46,2m. Cùng với hồ là hệ thống kênh lấy nước, phục vụ sinh hoạt, sản xuất, gồm 4 kênh: kênh Chính dài 18 km, kênh tây dài 18 km, kênh giữa dài 20 km, kênh Đông dài 9 km.

Điều chúng ta cần lưu ý khi phân tích đặc điểm khí hậu trong khu vực là vai trò điều hòa của Hồ Núi Cốc, có diện tích mặt nước trung bình 2500 ha, chiếm 11% diện tích tự nhiên của khu vực, vì vậy về mùa hè hồ có khả năng làm cho không khí trở nên mát mẻ trong lành hơn. Đây cũng chính là một điều kiện lý tưởng để thu hút khách du lịch và xây dựng các tuyến du lịch phát triển DLST trong vùng.

d). Đặc điểm thực vật

Do nền nhiệt ẩm như vậy, khu vực Hồ Núi Cốc phát triển kiểu rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới đai núi thấp. Đây là hệ sinh thái rừng nhiệt đới đai núi thấp, đa dạng, phong phú và có giá trị cao về lâm sản và phòng hộ. Thành phần thực vật chủ yếu gồm các loại họ Đậu, Re, Dẻ,... Tuy vậy, thảm thực vật tự nhiên kể trên chỉ còn tồn tại trên các đỉnh thuộc dãy núi Pháo, Thần Lăn (với diện tích nhỏ), dãy Tam Đảo và đang trong quá trình phục hồi. Phần lớn thảm rừng tự nhiên đã bị khai thác chuyển thành đất nông nghiệp, thay thế vào đó là các dạng rừng trồng với nhiều giống cây nhập nội như Bạch Đàn (trắng, lá liễu); Keo (lá trà, tai tượng)... Mặc dù các loại cây trên phát triển khá mạnh trong điều kiện địa phương nhưng nó đang tiềm ẩn những nguy cơ đáng lo ngại và sức hấp dẫn du lịch của các dạng rừng trồng là rất thấp. Vì vậy, cần phải có kế hoạch thay thế dần các giống nhập nội kể trên bằng những loài bản địa phù hợp, nhằm tăng cường khả năng phòng hộ, phát triển bền vững nhiều nguồn gen thực vật quý hiếm và tạo điều kiện phát triển DLST.

e). Đặc điểm thổ nhưỡng

Nhìn chung, đất đai trong khu vực có độ pH từ 3,5 - 4,6. Đất chua, nghèo mùn. Đất có thể chia thành 3 loại chính: Đất feralit vàng đỏ tầng trung bình đến dày, thành phần cơ giới trung bình, hình thành trên nền đá mịn (phiến thạch sét,

Acgilit, phần sa), được phân bố rộng, đất giữ nước tốt thích hợp trồng chè, cây ăn quả và rừng; Đất feralit vàng đỏ tầng trung bình đến mỏng. Loại đất này phân bố rải rác, giữ nước kém thích hợp cho việc trồng cây ăn quả, trồng rừng; Đất feralit vàng đỏ tầng trung bình đến dày, thành phần cơ giới trung bình, hình thành trên nền đá mịn và thô bán ngập. Loại đất này phân bố theo dải, giữ nước tốt, thích hợp với trồng cây ăn quả. Ngoài ra còn có đất được hình thành ở các thung lũng, qua quá trình canh tác lúa nước và hoa màu lâu đời. Loại đất này có đặc điểm giữ nước tốt, chua, nhưng do được chăm sóc thường xuyên nên vẫn có khả năng cho năng suất cao.

2.1.2. Các hệ sinh thái

Không phải tất cả các giá trị tự nhiên và nhân văn có mặt trên một lãnh thổ đều được coi là tài nguyên DLST mà những giá trị này phải gắn với một hệ sinh thái cụ thể. Trong bài khóa luận, các dạng tài nguyên DLST tự nhiên được nghiên cứu thông qua những hệ sinh thái cụ thể tồn tại trên những dạng cảnh quan khác nhau.

Nhìn chung, sinh thái, cảnh quan khu vực Hồ Núi Cốc tương đối đồng nhất. Tuy nhiên, xét về địa hình, địa chất, thủy văn thì cũng xuất hiện những sự khác biệt về khí hậu địa phương, về đặc điểm của các loại đất, đặc biệt sự khác biệt này lại quy định sự xuất hiện của những hệ sinh thái, những sinh vật khác nhau. Sự xuất hiện của con người cùng với quá trình khai thác các điều kiện tự nhiên của lãnh thổ đã tạo nên tập quán và cơ cấu sản xuất của cư dân địa phương, từ đó nó tạo nên những sắc thái văn hóa cụ thể cho từng khu vực. Cụ thể chúng ta có thể chia khu vực Hồ Núi Cốc ra thành ba dạng cảnh quan khác nhau: Dạng cảnh quan núi thấp và trung bình có độ cao từ 250 - 700 m (gồm dãy núi Pháo, dãy Thần Lăn, sườn Đông dãy Tam Đảo); Dạng cảnh quan gò, đồi, thung lũng ở độ cao dưới 250 m (là vùng có diện tích rộng nhất, bao quanh phía Bắc, Đông Bắc và Tây Bắc của hồ); Cảnh quan vùng lòng hồ (mặt nước và các đảo nổi). Trên mỗi dạng cảnh quan đều tồn tại những hệ sinh thái đặc trưng điển hình.

❖ Hệ sinh thái rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới đại núi thấp

Đây là hệ sinh thái rừng nhiệt đới tự nhiên khá phong phú, đa dạng và có giá

trị cao về lâm sản, phòng hộ và DLST. Hệ sinh thái rừng này thường có 5 tầng: tầng vượt tán, tầng ưu thế sinh thái, tầng dưới tán, tầng cây bụi thấp, tầng thảm tươi. Ngoài ra còn có cây thân thảo, cây thân gỗ và dây leo, cây phụ sinh, cây ký sinh.

Tầng cây gỗ rất phong phú về loài, thường gặp những loài cây thân gỗ lớn và nhỏ, thuộc những loại chủ yếu sau: họ Đậu, họ Re, họ Dẻ, họ Xoan, họ Dầu tằm, họ Vang, họ Trinh Nữ, họ Mộc Lan, họ Trám, họ Bồ Hòn, họ Máu chó, họ Bứa, họ Sim, họ Trôm, họ Thầu dầu, họ Na, họ Du, họ Cà phê, họ Điều...

Tầng cây bụi có rất nhiều loài thuộc một số loại chủ yếu như: họ Cam Quýt, họ Trúc Đào, họ Mua, họ Hoa Tán, họ Thầu dầu, họ Cau Dừa, họ phụ Tre Trúc...

Tầng thảm tươi có các loài phổ biến ở họ cỏ, họ Cói, họ Gai, họ Ráy, họ Gừng, họ Hành Tỏi, và các loài Dương Xỉ

Tầng phụ sinh, ký sinh có nhiều loại của họ Phong Lan, họ Đàn hương, họ Tầm gửi và nhiều loài quyết thực vật sống phụ sinh.

Tầng dây leo, có nhiều loại dây leo thân gỗ có giá trị như các loài dây leo thuộc họ Na, họ Đậu, họ Sô, họ Huyết Đăng, họ Tiết dê, họ Cậm Cang, họ Củ nâu, họ Nho, họ Vang, họ Trinh Nữ...

Về động vật, do những điểm tương đồng về mặt tự nhiên, đồng thời tiếp giáp với VQG Tam Đảo. Khu vực này gồm có: 64 loài thú, 239 loài chim, 76 loài bò sát, 28 loài lưỡng cư và 437 loài côn trùng. Trong đó, có nhiều loài đặc hữu, quý hiếm có giá trị và sức hút mạnh đối với du khách.

Hệ sinh thái này hiện nay chỉ còn tồn tại trên các đỉnh thuộc dãy núi Pháo, dãy Thần Lăn và phần thuộc VQG Tam Đảo. Đây là một dạng tài nguyên DLST có giá trị cao. Với ưu thế là sự phong phú các thành phần loài thực vật, động vật, lại tồn tại trên các dạng địa hình cao, chia cắt mạnh tạo nên sức hấp dẫn đối với du khách. Do vậy, hệ sinh thái này rất phù hợp với loại hình DLST khám phá thiên nhiên, nghiên cứu, tìm hiểu các hệ sinh thái tự nhiên, kết hợp leo núi, ngắm cảnh...

❖ *Hệ sinh thái rừng phục hồi tự nhiên*

Đây là kiểu rừng non tái sinh mới khép tán sau khai thác (Đèo gai, Kháo, Lim, Trám, Ngát, Dền, Bứa, Máu chó). Diện tích khoảng 400 ha, phân bố chủ yếu trên dạng cảnh quan núi thấp ở độ cao 250 - 450 m. Phía Tây Hồ Núi Cốc thuộc địa phận các xã Phúc Tân (huyện Phổ Yên), Vạn Thọ, Lục Ba (huyện Đại Từ), một dải dọc theo vùng đệm của VQG Tam Đảo và trên các đảo nổi. Loại rừng non thứ sinh này mang nhiều nét đặc trưng của rừng thường gặp ở vùng đồi núi thấp tỉnh Bắc Thái cũ và vùng phụ cận. Rừng được hình thành trên những khu đồi bán trọc (có cây bụi mọc rải rác), sau khi có quy hoạch rừng phòng hộ Hồ Núi Cốc những diện tích này được khoanh nuôi bảo vệ nghiêm ngặt, và phát triển trong điều kiện tự nhiên (khoảng 15 - 20 năm trở lại đây).

Thực vật được chia làm hai loại rõ rệt. Tầng trên là một quần thể cây cao khoảng 7 - 10 m, tán giao nhau tạo thành một vòm liên tục. Sự phân hóa chiều cao trong quần thể không rõ rệt, đường kính trung bình của tầng cây gỗ đạt 8,36 cm, mật độ cây đạt từ 3500 - 4000 cây/ha. Thành phần loài tương đối phong phú, đã thống kê được trên 60 loài cây gỗ, trong đó nhiều nhất là các loài thuộc họ Re (có 12 loài), họ Dâu tằm (7 loài), họ Dẻ (5 loài). Ở đây còn gặp cả những loài ưa sáng, tạm cư như Màng Tang, Ba Soi, Ba Bét, Bùng Bực, và những loài định cư có kích thước lớn, đời sống dài và nhiều loài gỗ quý như: Lim xanh, Giổi, Chai, Sến mật, Đinh thối, Kè đuôi giông, Xoan nhừ, Chò nâu, Sâng xoan, Chạch khế, Thôi chanh, Thôi ba và một số loài Re: Re gừng, Re lá nhỏ, một số loài Dẻ: Dẻ gai, Dẻ, Dẻ Ấn Độ. Bên cạnh đó, còn có Vàng Anh, Cồng mạ, Kháo lá lớn, Kháo nước, Rẻ vàng, Kháo vàng, Sấu, Sơn rừng, Vải thiều rừng, Dâu da xoan, Cà muối, Thanh thất và một số loài khác.

Tầng dưới không phát triển lắm, mọc thành từng đám hoặc rải rác dưới tán rừng. Các loài thường gặp là Lấu (có 2 loài), Đơn nem (3 loài), Dây trứng quốc (2 loài), Bọt ếch, Phèn đen, Bò cu vẽ, Thao kén, ... Tổng khoảng 20 - 25 loài.

Nhóm dây leo và ký sinh phụ tương đối nghèo nàn, chỉ gặp một số ít loài dây leo như: Móng bò leo, Dây mật, Bạc thau (3 loài), Ngáy (2 loài), Cậm cang... Các cây ký sinh quan sát thấy gồm: một số loài Dương xỉ và họ Tầm

gửi.

Tầng cây tái sinh (chủ yếu là tái sinh chồi) đã có số lượng tương đối khá, một số loài thường gặp là các loài Re, Rẻ, Sung rừng, Mít rừng, Dền, Ngát, Cọc rào, Sơn rừng, Bứa, Máu chó, Dẻ gai Ấn Độ, Vàng Anh, Công mạ, Kháo lớn, Kháo nước, Rẻ vàng, Kháo vàng, Sấu, Vải thiều rừng, Cà muối, lác đác có Chò nâu, Xoan đào, Sồi hồng, Dẻ đỏ, Dẻ cau... và một số loài khác. Số lượng cây trung bình đạt 1000- 2000 cây/ha, chúng có sức sinh trưởng tương đối cao.

Về động vật, nhìn chung thành phần loài cũng như số lượng cá thể thấp hơn so với hệ sinh thái rừng kín thường xanh, trong rừng thường chỉ gặp số ít những loài chim như: Chào mào (có 2 loại), Chích chòe, Xé quạt, Bạc má, Bồ cu, Cú mèo,... Một số loài bò sát: nhiều nhất là rắn (rắn ráo, rắn cạp nong, rắn cạp nia, rắn hổ mang, rắn xanh...), Thằn lằn, Kỳ đà, Tắc kè..., các loài gặm nhấm, bướm, côn trùng. Những loài thú lớn không còn, chỉ thấy một số loài Cây, Mèo rừng, Sóc... Tuy vậy, tần số bắt gặp cũng rất thấp, chỉ có chim là có khả năng quan sát thường xuyên, đặc biệt là vào buổi sáng.

Sức hấp dẫn của hệ sinh thái này so với hệ sinh thái rừng thường xanh tự nhiên nêu trên tuy không cao, nhưng do tồn tại những dạng địa hình thấp, khả năng tiếp cận dễ dàng hơn nên phù hợp với nhiều đối tượng du khách. Hệ sinh thái này nhìn chung phù hợp với các loại hình DLST như: ngắm cảnh, dã ngoại, chữa bệnh... nó đặc biệt có ý nghĩa đối với các nhà khoa học trong việc nghiên cứu sinh thái của các thảm thực vật tự nhiên.

❖ *Hệ sinh thái rừng nhân sinh*

• *Rừng Keo lá tràm và Keo tai tượng*

Vì hai loại này khá giống nhau về kết cấu, chỉ có tầng cây to khác loài còn các đặc điểm khác khá giống nhau, đặc biệt là giá trị đối với DLST, nên chúng ta có thể coi chúng như một hệ sinh thái duy nhất.

Rừng keo phát triển khá mạnh trong khu vực, với tổng diện tích khoảng 300 ha, tập trung chủ yếu ở dạng cảnh quan đồi, gò, thung lũng ở độ cao 250m trở xuống và trên các đảo nổi. Tất cả rừng keo trong khu vực đều có từ 5- 10 tuổi, chiều cao cây trung bình từ 10- 15m, đường kính ngang ngực đạt 10- 23cm,

rừng đã khép tán, mật độ trung bình từ 800- 1000 cây/ha.

Thảm thực vật tự nhiên dưới tán rừng Keo lá tràm và keo tai tượng trong khu vực tương đối giống nhau. Cây gỗ tự nhiên tái sinh tuy nhiều loài (có tới trên 40 loài) nhưng số lượng cá thể không lớn, trên dưới 2000 cây/ha, phân bố không đều, có chiều cao trung bình từ 3- 4m, tạo thành tán cây gỗ thứ hai dưới tán cây trồng chính là Keo. Trong số những cây gỗ mọc tự nhiên, nhiều nhất phải kể đến: Màng Tang, Dẻ các loại (có 4- 5 loài), Re các loại (4 loài), Sơn rừng, Ba soi, Ba Bét, Thanh Thất, Côm (có 2 loài), Máu chó, Dền, Thầu Tầu,...ở đây cũng có Lim xanh, Hoàng Linh, Giổi, Trám, Dẻ gai, Ngát, Bứa, Vàng Anh, Xoan đào, Chẹo...tái sinh, song số lượng không nhiều.

Tầng thảm tươi và cỏ quyết phát triển khá mạnh che phủ hầu như diện tích mặt đất. Nhiều nhất là Guột (Té), Sim, Mua, cỏ Lào, và các loại cỏ khác thuộc Poaceae...Có các loài cây bụi nằm rải rác như: Trứng ếch, Bò cu vể, Găng, Táo dại, Mấu đơn, Cledendron (3 loài), Phèn đen,...Dây leo tương đối nhiều, đặc biệt ở những chỗ đại nắng: dây Chạc chiu, Mơ lông , Bướn bạc, Hà thủ ô trắng, Dây hoa dẻ, Tiết dê, Nho rừng, Bạc thau (có 3 loài), dây mật, củ nâu, củ mài...

Động vật trong hệ sinh thái rừng trồng thường không phong phú, không có những loài thú lớn, những loài có thể quan sát được chủ yếu là chim, bướm và các loại côn trùng, có một số loài bò sát, gặm nhấm, tuy vậy nhưng khả năng quan sát thấp. Do tồn tại trên dạng địa hình thấp, khả năng tiếp cận dễ dàng, mật độ cũng như thành phần loài thấp nên rất thích hợp với những loại hình dã ngoại, cắm trại, học tập, nghiên cứu ngoài trời.

Vấn đề lớn nhất cần quan tâm đến kiểu rừng này hiện nay là: gần như toàn bộ diện tích Keo trong khu vực đã đến tuổi thu hoạch, và đang trong giai đoạn thu hoạch rộ, nhưng công tác phục hồi chưa được quan tâm đúng mức. Do đó lớp phủ rừng đang có nguy cơ suy giảm, cảnh quan tự nhiên đang bị xáo trộn.

Rừng Keo trong khu vực chia thành 2 loại: Rừng thuộc quyền quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ Hồ Núi Cốc (còn gọi là rừng phòng hộ) và rừng được giao cho các hộ nông dân, chăm sóc quản lý và sử dụng (còn gọi là rừng sản xuất).

- *Rừng Bạch đàn trắng*

Kiểu rừng hiện có diện tích khoảng trên 1000 ha, đây là loài cây nhập nội, được trồng theo dự án PAM (1989- 1993), phân bố chủ yếu ở dải đồi phía Đông - Bắc, Đông và Tây Nam khu vực Hồ Núi Cốc.

Rừng Bạch đàn có độ khép tán thấp, tầng cây cao (cao từ 15- 20m), mật độ cây không đồng đều, từ 600- 800 cây/ha. Đường kính tầng cây lớn biến đổi mạnh, chủ yếu là những loài cây có đường kính nhỏ. Nhìn chung, rừng Bạch đàn trắng trong khu vực kém phát triển.

Tầng cây tái sinh dưới tán Bạch đàn trắng chủ yếu là Bạch đàn tái sinh chồi sau khi khai thác và một số loài lá rộng còn có gốc cây mẹ sót lại như : Cà lồ, Sồi hồng, Dẻ cau, Re gừng, Vải thiều rừng, Trám,...nhưng số lượng rất ít.

Tầng cây bụi rất phát triển với sự đa dạng về loài cũng như số lượng cá thể cây, trong đó phổ biến nhất là Thầu Tấu, Dung tía, Chè đuôi lợn, Sim, Sầm xì, Bọt ếch, Quanh châu, cỏ Lào, cỏ roi ngựa, Bồ cu vẽ, Ba soi, Phèn đen,...

Tầng thảm tươi có nhiều loại cỏ ưa sáng, nhiều nhất là Guột (Té), cỏ Lào, cỏ Hoa, cỏ Tranh, Đơn buốt, cỏ lá Sả, cỏ Chè vè, cỏ Chít, Trinh nữ (xấu hổ). Độ che phủ tới 50- 100%.

Về động vật, tương tự như hệ sinh thái rừng Keo, thành phần loài và số lượng cá thể đều thấp, ít có khả năng quan sát.

Xét về giá trị của các hệ sinh thái rừng trồng đối với DLST, do sự đơn điệu về thành phần loài, cũng như sự thiếu vắng của những loài thực vật bản địa có giá trị cao, nên sức hấp dẫn của hệ sinh thái này đối với du khách là thấp. Tuy vậy, sự tồn tại của các hệ sinh thái này bên cạnh tác dụng làm phong phú thêm các hệ sinh thái cho khu vực thì bản thân chúng cũng có thể mạnh riêng. Do thành phần các loài cũng thấp, nên không gian hệ sinh thái rừng này thoáng đãng hơn, ít những loài động vật nguy hiểm, đồng thời lại tồn tại trên các dạng địa hình thấp, dễ tiếp cận, nên nó đặc biệt thích hợp cho du khách đi picnic, cắm trại...

- *Hệ sinh thái đồng ruộng*

Hệ sinh thái đồng ruộng là một hệ sinh một hệ thống quần thể hoặc các quần

thể cây trồng làm trung tâm tương tác chặt chẽ với môi trường xung quanh bao gồm: ánh sáng, không khí, nước, địa hình, đất đai, cỏ dại, côn trùng, vi sinh vật...Điểm khác nhau chủ yếu của các thành phần hợp thành hệ sinh thái đồng ruộng so với hệ sinh thái khác là quần thể cây trồng chủ đạo do con người điều khiển một cách đầy đủ, bản thân con người, gia súc cũng là thành phần hợp thành của hệ sinh thái. Ngoài ra còn có một số biện pháp điều khiển của con người có ảnh hưởng sâu sắc tới sự hợp thành của hệ sinh thái như biện pháp làm đất, bón phân, phòng chống sâu bệnh, cỏ dại, phủ đất, tưới nước và điều khiển di truyền.

Hệ sinh thái đồng ruộng ở đây, mang đặc điểm chung của hệ sinh thái nông nghiệp Việt Nam là phong phú, đa dạng về thành phần các quần thể cây trồng, vật nuôi. Khu vực Hồ Núi Cốc là một vùng có địa hình chủ yếu là đồi núi thấp xen với thung lũng, trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa nên hoạt động nông nghiệp chính của cư dân trong vùng là canh tác lúa nước, trồng màu ở thung lũng kết hợp trồng cây lương thực (như: ngô, khoai, sắn...), cây công nghiệp ngắn ngày (vùng, đậu tương...), cây công nghiệp dài ngày (Chè, cây ăn quả trên sườn đồi). Hoạt động nông nghiệp này đã tạo nên một hệ sinh thái khá phổ biến trong toàn khu vực.

Tuy vậy, nếu nhìn từ góc độ thế mạnh, thì chỉ có hệ sinh thái đồng ruộng phát triển trên dạng cảnh quan đồi núi thấp phía Đông và Đông Nam Hồ Núi Cốc (thuộc địa phận xã Tân Cương, một phần Phúc Trìu và Phúc Xuân) là đáng chú ý nhất. Với quần thể lúa nước ở thung lũng, chè và cây ăn quả trên sườn đồi, đây là hệ sinh thái đặc trưng nhất, tạo nên sắc thái riêng cho vùng đất này.

Nếu như thế mạnh của các hệ sinh thái tự nhiên là sự phong phú, đa dạng về thành phần loài có trong hệ sinh thái đó, thì trái lại điều tạo nên sự lôi cuốn đối với du khách từ hệ sinh thái đồng ruộng lại là sự đồng nhất về thành phần loài trên một diện tích rộng lớn. Đến với dạng cảnh quan phía Đông và Đông Nam Hồ Núi Cốc, trên một diện tích rộng lớn chúng ta sẽ bắt gặp một màu xanh duy nhất của lúa, chè, xen với đó là cây ăn quả nối tiếp nhau từ thung lũng lên đỉnh đồi.

- *Hệ sinh thái hồ nước ngọt*

Trong hệ sinh thái hồ nước ngọt, đáng chú ý nhất là hệ sinh thái Hồ Núi Cốc. Đây là một hồ nước nhân tạo, hình thành do việc đắp đập ngăn dòng chảy của sông Công, hồ có diện tích mặt nước trung bình là 2500 ha (mùa mưa là 2700 ha, mùa cạn là 1900 ha). Theo nghiên cứu của sở nông nghiệp và phát triển nông thôn Thái Nguyên năm 1993 [13], Hồ Núi Cốc có đặc điểm như sau:

Nhiệt độ: Nhiệt độ nước hồ có sự chênh lệch khá lớn giữa mùa hạ và mùa đông. Mùa đông, nhiệt độ nước giao động trong khoảng từ 18- 20⁰ c, mùa hè là khoảng 33- 34⁰ c, sự khác biệt về nhiệt độ giữa tầng mặt và tầng đáy là không đáng kể, trung bình khoảng 1⁰ c về mùa hè, mùa đông không có sự khác biệt.

Độ trong: Phụ thuộc vào từng địa điểm, nhưng giao động trong khoảng từ 0,7- 0,9m ở khu vực giữa hồ (có khả năng nhìn sâu), tới 1,2m ở khu vực đập chính và eo Phú Khánh. Độ trong của hồ cũng có sự biến đổi theo mùa, mùa khô nước trong hơn (0,9- 1,9m), còn mùa mưa con số này là 0,3 - 1,4m.

Độ pH: Độ pH của hồ có sự biến đổi theo mùa và theo độ sâu của hồ. Trong mùa khô, nước hồ có tính kiềm nhẹ, độ pH trung bình là 7,0 - 7,2. Trong mùa mưa, tính kiềm tăng lên, độ pH đạt 7,7 - 7,8. Nước ở tầng đáy có độ pH thấp hơn tầng mặt, thông thường là 6,6- 6,9 so với 7,0- 7,8.

Ô xy hòa tan: Tầng nước mặt có hàm lượng ô xy hòa tan cao nhất và đạt tới 7,68 mg/l, chỉ số này giảm dần theo độ cao của tầng nước. Hàm lượng ô xy hòa tan thấp nhất được ghi nhận ở tầng đáy có độ sâu 17 - 18m là 2,6 - 2,96 mg/l. Lượng ô xy hòa tan trong mùa hè thấp hơn một chút (6,8 - 7,0 mg/l) so với mùa đông (7,7 - 7,9 mg/l) ở vùng trung tâm hồ chứa. Hàm lượng ô xy hòa tan còn phụ thuộc vào từng khu vực cụ thể, thông thường vùng hạ lưu cung như đập chính thường cao hơn.

Nitrat và Phosphat: Cả năm hàm lượng Nitrat và Phosphat trong hồ đều rất thấp, thậm chí còn không phát hiện ở nhiều khu vực trong hồ. Thông thường khu vực thượng lưu và tầng đáy có hàm lượng Phosphat và Nitrat cao hơn ở các khu vực và tầng đáy còn lại.

Với những đặc điểm như vậy của Hồ Núi Cốc đã tạo nên cho hồ có những

điều kiện về thành phần động - thực vật thủy sinh rất phong phú, đa dạng. Theo kết quả điều tra sinh thái học vào thời kỳ đầu ngập nước (1977 - 1978) ở hồ chứa Núi Cốc của Phan Hữu tường, năm 1993 cho thấy:

Thực vật nổi: Có khoảng 73 giống loài, thuộc 7 ngành tảo khác nhau, nhiều nhất là Tảo lục 32 giống, tảo khuê 17 giống, tảo lam 13 giống, tảo giáp 4 giống, tảo trần 3 giống, tảo vàng 3 giống và tảo vàng ánh 1 giống. Mật độ tảo có sự biến động theo nhịp điệu mùa và đặc điểm sinh thái của từng loại tảo, nhưng nhìn chung số lượng lớn nhất xuất hiện vào mùa xuân.

Động vật nổi: có khoảng 40 giống loài, thuộc 4 nhóm khác nhau mang tính chất khu hệ miền núi. Bao gồm: nhóm ấu trùng, nhóm chân mèo, nhóm râu ngành, nhóm luân trùng. Sự phân bố về mật độ động vật nổi có những đặc tính giống như hồ chứa nước Thác Bà: vùng nước giao lưu có số lượng lớn nhất, sau đó đến vùng chân đập và đến eo ngách, thấp nhất ở vùng thượng nguồn. Bên cạnh đó, số lượng các loài động vật nổi cũng có sự biến đổi theo mùa, cao nhất tập trung vào mùa đông - xuân, thấp hơn vào mùa hè thu.

Động vật đáy: đã thống kê được 27 giống loài, trong đó côn trùng chiếm ưu thế nhất với 14 giống loài, chiếm 52%. Số lượng cá thể các loài động vật đáy có sự biến đổi theo mùa, cao nhất vào thời điểm cuối mùa xuân, đầu mùa hạ. Nhìn chung thành phần loài cũng như số lượng cá thể động vật đáy ở Hồ Núi Cốc tương đối nghèo, đây cũng là đặc điểm chung của các hồ chứa ở miền núi.

Khu hệ cá: Thành phần các loài cá tự nhiên được biết tới ở Hồ Núi Cốc thuộc 63 loài thuộc 44 giống nằm trong 13 họ, 6 bộ. Trong đó cá Chép có số lượng nhiều nhất với 48 loài, chiếm 76,2%, cá Vược có 9 loài chiếm 14,2%, cá Chuối có 2 loài, chiếm 3,2%, cá Chạch sông có 2 loài chiếm 3,2%. Bên cạnh đó Hồ Núi Cốc còn có các loại cá nuôi thả, gồm: cá Roohu, cá Mrigan, cá Mè trắng Việt Nam, cá rô phi.

Nhìn một cách tổng quát, có thể thấy Hồ Núi Cốc là một hồ nước ngọt miền núi có tính đa dạng sinh học tương đối cao, có môi trường tự nhiên khá thân thiện với con người. Bên cạnh đó, với diện tích mặt nước rộng, nhiều đảo nổi: có gần 90 hòn đảo lớn nhỏ (đảo Cò, đảo Dê, đảo Khi, đảo Bạch Đàn, đảo Trám...),

phong cảnh tự nhiên hấp dẫn, nơi đây được đánh giá là có điều kiện để phát triển tổng hợp các loại hình du lịch.

Cùng với Hồ Núi Cốc, trong khu vực nghiên cứu còn có hồ Vai Miếu, đây cũng là một hồ nước nhân tạo, được hình thành do việc đắp đập ngăn dòng chảy của suối Nguồn (là một con suối bắt nguồn từ dãy Tam Đảo). Hồ có diện tích trung bình khoảng 250 ha, thuộc địa phận xã Ký Phú (Đại Từ), nằm trong ranh giới của Vườn Quốc Gia Tam Đảo. Tuy đây là một hồ nước nhỏ nhưng do vị trí nằm ngay dưới chân dãy Tam Đảo, nên hồ có phong cảnh thiên nhiên rất hấp dẫn, đầy cuốn hút và thán phục. Đặc điểm sinh thái hồ Vai Miếu có nhiều nét tương đồng với hệ sinh thái Hồ Núi Cốc, nhưng do diện tích nhỏ nên số lượng cũng như thành phần loài xuất hiện trong hồ thấp, đáng chú ý chỉ có các loài cá tự nhiên (họ Chép).

2.2. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, SẢN XUẤT VÀ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN

2.2.1. Đặc điểm dân cư, sản xuất

Trước những năm 1930, đây là khu vực cư trú của người Dao (Mán), Sán Dìu với hoạt động kinh tế chủ yếu là nông nghiệp tự nhiên. Nhưng từ những năm 1930 trở lại đây đặc biệt trong giai đoạn 1950- 1960, một số lượng người kinh rất lớn từ khu vực Đồng bằng sông Hồng đã di cư lên, người Tày, Nùng ở khu vực Cao Bằng, Lạng Sơn xuống, làm cho địa bàn cư trú của người dân tộc bản địa thu hẹp lại và lùi sâu vào những vùng núi cao phía Tây.

Tính đến năm 2010, dân số trong khu vực là 1.149,1 nghìn người, với diện tích 3.534,4 km², mật độ dân số trung bình 325 người/km², trong đó xã có mật độ lớn nhất là Tân Thái (huyện Đại từ) 662 người/km² và thấp nhất là Phúc Tân (Phổ Yên) 90 người/km².

Là khu vực có dân số trẻ, lực lượng lao động dồi dào chiếm 51,4% dân số. Bên cạnh đó, do đặc điểm là vùng nông thôn nên xuất hiện thêm lực lượng lao động phụ cũng rất đáng kể (trẻ em gần đến tuổi lao động và người già mới qua tuổi lao động), chiếm khoảng 14% dân số. Tuy nhiên, chất lượng nguồn lao động trong khu vực này chưa cao, chủ yếu là lao động phổ thông chưa qua đào

tạo.

Về thành phần dân tộc, đa số dân cư trong vùng là người Kinh, chiếm 92% dân số, tiếp đến là người Tày chiếm 3,1%, người Nùng chiếm 1,7%, người Dao và Mường chiếm 1,3%, Sán Dìu chiếm 1,2%. Cộng đồng dân cư trong khu vực sống hòa đồng, không xuất hiện mâu thuẫn dân tộc, tình hình an ninh chính trị ổn định. Đây là điều kiện thuận lợi đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội nói chung và du lịch của khu vực nói riêng trong đó có DLST.

Hoạt động kinh tế chủ yếu của dân cư trong vùng là nông nghiệp, với mô hình canh tác phổ biến là: trồng lúa và màu ở thung lũng, trồng chè và cây ăn quả trên đồi thấp và trồng rừng trên những khu đồi cao, độ dốc lớn. Ngành chăn nuôi vẫn mang tính tự cấp tự túc, quy mô hộ gia đình, giá trị hàng hóa nhỏ bé. Tuy trong một vài năm gần đây đã xuất hiện một số trang trại gà, lợn nhưng quy mô không lớn, chưa mang lại những thay đổi đáng kể cho khu vực. Các ngành kinh tế khác như: công nghiệp, dịch vụ còn rất yếu kém.

Nền kinh tế của khu vực nhìn chung còn kém phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của người dân còn gặp nhiều khó khăn.

2.2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn

a). Văn hóa bản địa

Gắn với các hệ sinh thái tự nhiên là cộng đồng các dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mường, Sán Dìu sống quần tụ (ngoại trừ người Dao sống tương đối độc lập). Với tập quán sản xuất, sinh hoạt rất riêng, đặc trưng cho quá trình khai thác tổng hợp các điều kiện tự nhiên của lãnh thổ. Chúng ta biết rằng, cộng đồng dân cư tại khu vực, chủ yếu là những cư dân vùng Đồng bằng sông Hồng và khu vực biên giới phía Bắc di cư đến vào khoảng những năm đầu thế kỷ 20. Đặc điểm hoạt động kinh tế chủ yếu của người dân trước và sau di cư đều là sản xuất nông nghiệp. Các cộng đồng di cư mang theo những tập quán sinh hoạt, sản xuất, nền văn hóa riêng của dân tộc mình đến những vùng đất mới, trên cơ sở khai thác tổng hợp các điều kiện tự nhiên mới, trong một không gian, sinh hoạt, sản xuất mới. Qua quá trình sinh sống, sản xuất lâu dài các cộng đồng này không biệt lập với nhau mà có sự gắn kết, hòa nhập với nhau. Kết quả là khu vực có một bản sắc

văn hóa mang tính tổng hòa từ những nền văn hóa tưởng như khác biệt, nó thể hiện rõ nét trong đời sống sản xuất, sinh hoạt, tinh thần của người dân. Mỗi dân tộc có bản sắc riêng. Người Nùng có kho tàng văn hoá dân gian phong phú và có nhiều làn điệu dân ca đặc sắc như hát sli, hát then. Người Tày có hát lượn, hát đám cưới, ru con... Nơi đây còn là kho tàng lưu giữ nhiều loại nhạc cụ truyền thống của các dân tộc.

Tiêu biểu những truyền thuyết, những câu chuyện mang tính thần thoại, phản ánh tập quán sản xuất, sinh hoạt, những ước vọng trong cuộc sống của người dân bản địa xa xưa, được sáng tạo ra trong suốt tiến trình lịch sử đấu tranh, khai thác tự nhiên để hình thành nên những đặc trưng riêng cho miền đất này. Trong đó phải kể đến sự tích “Núi Cốc, Sông Công”. Chuyện kể rằng, vào thời xưa lắm, có một chàng trai mồ côi nghèo sống bằng nghề kiếm củi ven chân núi (núi Tam Đảo), tên là chàng Cốc. Một năm hạn hán mất mùa, chàng chàng đến xin ở làm thuê cho nhà quan lang giàu có. Chàng hiền lành, thật thà nên được giao cho chăn đàn trâu trong rừng. Lúc buồn, chàng chỉ có cây sáo làm bạn. Tiếng sáo khiến cho con gái quan lang - nàng Công xúc động tim đến với chàng. Biết chuyện, quan lang rất tức giận. Hắn lập mưu giết chàng Cốc, hắn sai chàng đến Lũng Phia lấy lễ vật làm đám cưới (đây vốn là khu rừng rậm có rất nhiều thú dữ). Được các loài thú giúp đỡ, chàng đã hoàn thành các điều kiện của quan lang và còn được Tiên ông ban cho chiếc lược thần. Chàng Cốc trở về chòi canh trâu nhờ tiếng sáo nhắn gửi đến nàng Công lời hò hẹn. Nàng Công lấy cặp ngựa hồng của cha vào rừng tìm người yêu. Quan lang sai người đuổi bắt. Nàng Công và chàng Cốc cùng ngồi trên ngựa hồng phóng vun vút như tên bay, mỗi khi quân của quan lang tới gần, chàng Cốc lại bẻ một răng lược ném về phía sau. Chiếc răng lược bỗng hiện thành một dãy núi ngăn bước tiến của chúng. Khi răng lược đã hết, quân của quan lang đuổi tới cùng, nàng Công than khóc và bảo chàng Cốc hãy một mình phi ngựa trốn về quê chờ ngày gặp lại. Hai người đón đau đã biệt, từ đó họ sống trong thương nhớ, chờ đợi nhau mà không có cách nào tìm gặp nhau được. Chàng Cốc đợi chờ trong tuyệt vọng. Trời đất cảm thương hóa chàng thành một quả núi sừng sững giữa trời. Nàng Công thương nhớ nước mắt

chảy thành sông, dòng nước yêu thương, thủy chung tìm về núi Cốc. Đi thuyền trên mênh mông mặt hồ, du khách sẽ được đắm chìm trong câu chuyện tình lãng mạn của Hồ Núi Cốc:

*“Nàng Công nước mắt tuôn rơi,
Biến thành dòng nước rặng ngời thủy chung.
Chàng Cốc đau đớn tột cùng,
Hoá thành núi đá, ngày trông đêm chờ.
Mỗi tình đẹp tựa bài thơ,
Khiến cho du khách lòng ngơ ngẩn lòng”.*

(Hoài Phương-Nguyễn xuân Giang)

Câu chuyện huyền thoại này đã đi vào lời một ca khúc rất hay của nhạc sĩ Phó Đức Phương - *“Huyền Thoại Hồ Núi Cốc”*.

Bên cạnh đó còn có sự tích “Chuyện tình ba cây thông” . Đây là câu chuyện mang bóng dáng sự tích “Trầu Cau” của cư dân đồng bằng Bắc Bộ, đây là biểu hiện rõ nét nhất quá trình hình thành tâm lý cộng đồng dân di cư. Họ mang theo những câu chuyện của quê hương mình đến vùng đất mới, trên cơ sở khai thác những điều kiện mới của lãnh thổ, họ đã sáng tạo ra những câu chuyện cổ tích mới phù hợp với những điều kiện mới làm phong phú thêm đời sống tinh thần của mình. Chuyện kể về một đôi vợ chồng tuổi đã cao nhưng vẫn chưa sinh được người con nào. Ngày đêm ông bà đi cầu trời khẩn phật và được ông trời thương tình cho sinh đôi hai người con trai khôi ngô, khỏe mạnh. Lớn lên hai người con rất hiếu thảo, quý trọng cha mẹ và thương yêu nhau. Ngày ngày, hai anh em thay nhau vào rừng kiếm củi, hái măng, săn bắn mang xuống bản đổi lấy gạo ngô và các vật dụng cần thiết. Trong những lần thay phiên nhau xuống bản, hai chàng trai đã cùng thầm yêu một cô gái xinh đẹp nhất vùng. Tình cảm giữa họ mỗi ngày càng thêm sâu nặng. Cô gái ấy đâu có ngờ mình đã tương tư hình bóng của hai chàng trai sinh đôi. Vì rụt rè với tình cảm nảy nở ban đầu nên họ chưa có đủ can đảm thổ lộ tình cảm. Tới một ngày, người anh không nén nổi lòng mình đã tìm cô gái và hò hẹn ngày trăng tròn sẽ gặp nhau nơi hẹn ước. Hôm sau, người em cũng xuống núi và giao ước cùng cô gái. Vì quá mừng rỡ,

ngõ chàng trai nhắc lại lời hẹn ước hôm qua, cô gái lại lại nở nụ cười ưng thuận. Ngày hẹn ước đã đến, họ bồn chồn mong ngóng, cuối cùng cả ba người cùng đứng sững, ngỡ ngàng nhìn nhau. Cô gái chột hiệu và òa lên khóc nức nở trước sự sững sờ của hai anh em sinh đôi. Động lòng thương cảm trước tiếng khóc thốn thức của cô gái, Ngọc Hoàng đã gia ân cho họ hóa thành ba cây thông để mãi mãi được ở bên nhau.

Ngày nay, những truyền thuyết này đã được cụ thể hóa bằng những công trình dịch vụ trong khu vực Hồ Núi Cốc như: Huyền thoại cung, động ba cây Thông. Những công trình này sẽ giúp du khách dễ dàng hơn trong việc tìm hiểu các giá trị văn hóa bản địa, bằng việc tạo dựng những hình ảnh trong một không gian cổ tích huyền ảo, tạo nên sức hấp dẫn với đôi du khách.

Một vấn đề cần quan tâm trong văn hóa bản địa của khu vực đó là các phiên chợ quê. Một hình thức chợ tương đối phổ biến ở các tỉnh miền núi Việt Nam. Chợ được họp theo phiên (thường từ 5- 10 phiên một tháng) vào những ngày cố định theo âm lịch. Mỗi phiên chợ thực sự là một ngày hội đối với người dân địa phương, hàng hóa chủ yếu trong những phiên chợ này là các loại nông sản, các sản phẩm của nền kinh tế địa phương như các sản phẩm: mây tre đan, nông cụ hay các loại lâm sản: mật ong rừng, thảo dược,...nhưng đặc biệt là sản phẩm Chè các loại. Khách đến chợ phần lớn là người dân địa phương, bên cạnh đó còn có đội ngũ thương lái đến từ khắp nơi trong vùng, tạo nên không khí nhộn nhịp tấp nập. Có thể thấy rằng, đây là một dạng tài nguyên DLST nhiều tiềm năng, không chỉ trên khía cạnh sức hấp dẫn đối với du khách mà còn vì mục tiêu tăng thu nhập cho cộng đồng địa phương.

Bên cạnh những phiên chợ quê dân dã, thì những lễ hội đầu xuân của cư dân trong vùng cũng có sức hút lớn đối với du khách. Đây là những lễ hội mang dáng dấp của hội làng của vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, đồng thời ở đây lại có sự giao thoa với những phong tục của đồng bào dân tộc thiểu số. Điều này được hiểu rõ nhất trong các hoạt động tế, lễ hay các trò chơi dân gian...

Giá trị văn hóa bản địa có ý nghĩa đối với du lịch còn bao gồm: phong tục, tập quán, canh tác, chế biến Chè truyền thống của cộng đồng dân cư phía Đông,

Đông Nam hồ thuộc địa phận xã Tân Cương, Phúc Trìu, Phúc xuân (Tp. Thái Nguyên). Đây là khu vực có lợi thế để phát triển loại hình DLST làng nghề. Thái Nguyên nói chung và khu vực Hồ Núi Cốc nói riêng còn nổi tiếng với đặc sản chè Tân Cương. Bên cạnh đó, một bộ phận dân cư (chủ yếu là đồng bào người Dao, Sán Dìu) sống phân tán tại các vùng hẻo lánh của xã Phúc Tân, Văn Yên, Ký Phú, họ sống hòa đồng với thiên nhiên, dựa vào thiên nhiên. Hoạt động kinh tế chủ yếu của họ là nương rẫy kết hợp khai thác và bảo vệ rừng. Do điều kiện đường xá, đi lại còn hết sức khó khăn nên việc giao lưu với đồng bào người Kinh của các dân tộc này còn nhiều hạn chế. Tuy nhiên, sự cách biệt đó đã tạo nên những nét độc đáo của cộng đồng dân cư nơi đây, đó là tập quán sản xuất, sinh hoạt như: lối canh tác theo kiểu “chọc lỗ bỏ hạt” vẫn còn được duy trì, khai thác những sản phẩm từ rừng vẫn là nguồn thu nhập chủ yếu của họ (mật ong rừng, than củi...), cùng với đó là tập tục về cư trú: họ xây dựng nhà trên những sườn núi, đồi cao, vật liệu chủ yếu là gỗ rừng, mái lợp lá cọ...

Một giá trị đặc biệt của cộng đồng bản địa là những phương thức chữa bệnh, những bài thuốc cổ truyền với nguồn dược liệu tự nhiên được lấy từ chính những cánh rừng địa phương vẫn còn được lưu truyền. Đây được coi là thế mạnh trọng tâm đối với việc phát triển DLST dựa trên hệ sinh thái này.

b). Các di tích lịch sử

Thái Nguyên nói chung và khu vực Hồ Núi Cốc nói riêng, là một vùng đất giàu truyền thống cách mạng, một vùng “địa linh nhân kiệt”. Trong khu vực có nhiều di tích lịch sử quan trọng, có di tích đã được xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia, trong đó phải kể tới:

❖ Khu di tích Núi Văn, Núi Võ

Quần thể di tích lịch sử Núi Văn, Núi Võ, nằm dưới chân núi Tam Đảo thuộc hai xã Văn Yên, Ký Phú (huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên), cách thành phố Thái Nguyên 30km về phía Tây. Một di tích gắn liền với tên tuổi và quê hương của danh tướng Lưu Nhân Chú với những đóng góp kiệt xuất cho công cuộc kháng chiến chống giặc Minh thế kỉ 15 và triều đại nhà Lê.

Khu di tích Núi Văn, Núi Võ được nhà nước xếp hạng di tích cấp quốc gia.

Núi Văn là ngọn núi đá vôi nằm trên đất Ký Phú và Văn Yên. Từ phía Đông nhìn lại, nó trông tựa hình chiếc Mũ cánh buồm của quan văn ngày xưa. Lưng chừng núi có hang rộng và sâu. Tương truyền, hang núi Văn là nơi những ngày đầu từ núi rừng Lam Sơn trở về, Lưu Nhân Chú thường hội họp, luận bàn việc nước. Để tưởng nhớ công ơn Lưu Nhân Chú và giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ hôm nay, huyện Đại Từ đã cho xây dựng đền thờ danh tướng Lưu Nhân Chú ngay phía Nam núi và ngày nay, cứ đầu xuân năm mới, nhân dân Đại từ lại mở hội Núi Văn- Núi Võ để tưởng nhớ người anh hùng của quê hương.

Cách núi Văn chừng 1km về phía Đông là núi Võ. Đây là khối núi đá vôi từ xa nhìn tới rất giống hình mũ trụ của quan võ thuở xưa. Núi Võ nằm trên đất xã Văn Yên, có những vách đá cao dựng đứng. Phía Đông có hang đá nhỏ, nhân dân nơi đây cho biết, từ xưa ở đây đã có đền thờ Lưu Nhân Chú. Một ngôi đền nhỏ trong vách đá thờ người anh hùng ngay tại nơi đã sinh thành ra ông, phong cảnh thắm đượm nét thiêng liêng.

Ngoài ra về phía Đông Núi Võ chừng 200m là di tích núi Quân Ngựa, là nơi Lưu Nhân Chú và đội kị binh của ông thường luyện tập ngựa, tập đánh trận bằng kị binh. Cách chừng một cây số về phía Tây, một quả núi đất- núi xem, Lưu Nhân Chú và những chỉ huy thân tín thường ngồi xem kị binh tập trận trên cánh đồng, thi chạy, thi cưỡi ngựa để cắm cờ, giành cờ từ đỉnh núi Cắm Cờ. Ở Bắc xã Văn Yên, giáp với xã Mỹ Yên còn có một ngọn núi rất gần gũi, thiêng liêng đối với dòng tộc họ Lưu đó là núi Miếu. Đây là nơi đặt miếu thờ ông tổ của dòng họ Lưu: Lưu Công Thụy Huyền Nghi.

Dấu tích cùng với truyền thuyết đẹp gắn với danh tướng Lưu Nhân Chú và đội nghĩa binh của ông sống mãi trong tâm thức của người dân Thuận Thượng xưa (Văn Yên, Ký Phú ngày nay cũng còn đó). Tất cả đã tạo dựng nên một khu di tích lịch sử Núi Văn, Núi Võ...trên quê hương Lưu Nhân Chú để đời đời con cháu chiêm ngưỡng, phụng thờ.

❖ *Khu di tích lịch sử 27-7 (Địa điểm công bố ngày thương binh liệt sĩ toàn quốc 27/07/1947)*

Nằm cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 30 km về phía Tây Bắc, tại xã

Hùng Sơn (huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên), đó là khu di tích đã được nhà nước tôn tạo và xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia ngày 17/07/1977, với diện tích 3000m² gồm: Nhà lưu niệm, hồ Sen, Bia đá- là tảng đá vân mây hình trụ, chóp nhọn, cao hơn 3m, rộng gần 3m, nặng gần 7 tấn. “Nơi đây ngày 27/07/1947, 300 cán bộ, bộ đội và đại diện các tầng lớp nhân dân địa phương họp mặt nghe công bố thư Bác Hồ, ghi nhận sự ra đời ngày thương binh liệt sĩ của nước ta”. Hàng năm cứ đến ngày 27/07 là một dịp cho đồng bào ta bày tỏ lòng biết ơn những người đã ngã xuống, đã hi sinh một phần xương máu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và Chủ Nghĩa Xã Hội.

❖ *Điểm di tích Gò Pháo*

Đây là điểm di tích gắn liền với cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên (năm 1917), do Dương Ngọc Quyên và Trịnh Văn Cấn (Đội Cấn) lãnh đạo. Thuộc địa phận xóm Đội Cấn, xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên, cách trung tâm thành phố 15km về phía Tây, theo tỉnh lộ 253 (đường Tân Cương). Tương truyền sau khi bị giặc Pháp đẩy lui khỏi khu vực tỉnh lỵ Thái Nguyên, nghĩa quân “Nam binh phục quốc” dưới sự chỉ huy của Đội Cấn đã lùi về phía Tây, đắp gò, xây lũy, kháng cự địch trong hơn 3tháng trước khi bị thất bại hoàn toàn.

Hiện nay, do tác động của thời gian, cùng sự thiếu quan tâm, hiểu biết của các cấp cấp chính quyền địa phương nên điểm di tích này gần như không còn tồn tại. Bên cạnh đó, việc thiếu những cứ liệu lịch sử chính thống, đã gây khó khăn cho việc xác định vị trí, quy mô và ý nghĩa lịch sử của cứ điểm di tích này.

Tuy vậy, việc khôi phục và tôn tạo điểm di tích này là cần thiết. Nó sẽ góp phần khơi dậy niềm tự hào dân tộc, giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ Tân Cương nói riêng và Thái Nguyên nói chung. Đồng thời nó còn góp phần làm phong phú thêm hệ thống tài nguyên du lịch trong vùng.

c). *Các công trình kiến trúc tâm linh*

Dân cư trong khu vực hầu như không theo tôn giáo, nhưng cũng giống như đại bộ phận người dân Việt Nam, đời sống tâm linh của họ chịu ảnh hưởng sâu sắc của tín ngưỡng truyền thống (tục thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng đa thần...) và phật giáo. Bên cạnh đó, còn một bộ phận đồng bào theo công giáo, sống

thành từng làng riêng biệt (Hồng Thái, Nhà Thờ - Tân Cương, Lai Thành, Phúc Triu...). Chính sự phong phú trong đời sống của cộng đồng địa phương là cơ sở để hình thành nên các công trình kiến trúc tâm linh, điều này cũng có ý nghĩa lớn đối với du lịch.

Đáng chú ý nhất là chùa Yna, là một ngôi chùa làng, thuộc địa phận xóm Yna, xã Tân Cương, ngôi chùa có lịch sử gần 100 năm, chùa mới được trùng tu, tôn tạo năm 2000. Hội chùa Yna được tổ chức vào ngày mùng 10, và ngày 11 tháng giêng hàng năm với nhiều hoạt động tế lễ độc đáo.

Cách chùa Yna khoảng 2,5 km về phía Bắc là nhà thờ Gò Pháo (nhà thờ Phúc Triu), đây là một công trình kiến trúc tương đối đồ sộ. Năm 1938, bà con giáo dân tổ chức xây dựng lên được ngôi nhà nguyện bằng tranh nứa gọi là nhà thờ Gò Pháo để sớm tối bà con đến cầu nguyện, mới được xây dựng lại. Toàn bộ khuôn viên nhà thờ có diện tích trên 1ha, được kết hợp hài hòa với phong cảnh thiên nhiên xung quanh.

Bên cạnh đó, trong khu vực còn có nhiều đền, miếu vô quy mô khác nhau, phản ánh rõ nét tín ngưỡng đa thần của người Việt Nam. Trong đó, ngôi miếu cổ nằm ngay dưới chân đập hồ Vai Miếu là một công trình kiến trúc có ý nghĩa lớn đối với du lịch. Ngôi miếu cổ này mới được người dân địa phương trùng tu và tôn tạo năm 1993, tuy có quy mô nhỏ, nhưng do vị trí khá đặc biệt cùng với đó là những huyền thoại về ngôi miếu này vẫn còn được lưu truyền, làm cho nó có sức hấp dẫn đặc biệt đối với du khách.

2.3. CƠ SỞ HẠ TẦNG CỦA KHU VỰC

2.3.1. Giao thông

Hiện nay, khu vực Hồ Núi Cốc và những vùng phụ cận có hệ thống giao thông như sau: Từ trung tâm thành phố Thái Nguyên đến Hồ Núi Cốc bằng tỉnh lộ 253, đến ngã ba Đán, tuyến vào hồ được chia thành hai đường:

+ Tuyến từ ngã ba Đán (TL260) vào phía Đông Bắc Hồ Núi Cốc (khu du lịch Hồ Núi Cốc), đây là tuyến ngắn nhất, đã được nâng cấp, chất lượng đường tốt (kết cấu bê tông nhựa), lòng đường rộng 14m

+ Từ ngã ba Đán vào phía Nam Hồ Núi Cốc (Khu nhà nghỉ Nam Phương -

đập chính) theo tỉnh lộ 253, dài 14 km, đường mới được nâng cấp, mặt đường trải nhựa, lòng đường rộng 7,5m. Tuyến này cắt qua hệ sinh thái đồng ruộng (lúa+ chè) thuộc địa phận xã Tân Cương (một điểm có giá trị sinh thái cao).

Tuyến tỉnh lộ 261, từ ngã tư Phổ Yên (trên quốc lộ 3), chạy dọc theo rìa phía Tây của khu vực Hồ Núi Cốc nối với thị trấn Đại Từ trên quốc lộ 37. Đây là tuyến hành lang huyết mạch của các xã phía Tây hồ, tuyến đường này cắt qua nhiều hệ sinh thái có giá trị DLST: hệ sinh thái hồ Gò Vai Miếu với quần thể di tích Núi Văn, Núi Võ (địa phận xã Ký Phú), hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm đại núi thấp (thuộc VQG Tam Đảo). Bên cạnh đó tuyến đường này cũng nối với hệ sinh thái Hồ Núi Cốc bằng các đường liên xã cắt ngang địa phận các xã Phúc Tân, Vạn Thọ, tuy nhiên, chất lượng các tuyến đường này rất thấp.

Tuyến từ cầu Huy Ngạc (thị trấn Đại Từ) đến khu du lịch Hồ Núi Cốc, dài 10 km, đoạn đường mới được nâng cấp, tuy vậy nhưng lòng đường còn tương đối hẹp (7,5 m), chất lượng mặt đường không cao.

Tuyến đường ven hồ, từ đoàn 16 đến khu nghỉ dưỡng Nam Phương dài 6km mới được hoàn thành. Đây là con đường có ý nghĩa rất lớn đối với việc khai thác tiềm năng của Hồ Núi Cốc cho mục đích du lịch. Đường được thiết kế chạy sát mép nước hồ, cắt ngang qua nhiều hệ sinh thái điển hình trong khu vực (các hệ sinh thái rừng nhân sinh, đồng ruộng, Hồ Núi Cốc,...), tạo điều kiện khai thác tổng hợp các hệ sinh thái trong một không gian hẹp. Lòng đường rộng 6m, hè rộng 1,5m, mặt đường được trải nhựa.

Ngoài ra còn có hệ thống các đường liên xã, liên thôn, phần lớn đã được bê tông hóa, đặc biệt khu vực phía Bắc, Đông và Nam hồ. Riêng khu vực phía Tây hồ thuộc địa phận xã Phúc Tân, điều kiện giao thông còn hết sức khó khăn, khả năng tiếp cận thấp, điều đó cũng gây trở ngại đối với hoạt động du lịch.

2.3.2. Hệ thống điện, thông tin liên lạc

Hệ thống điện của khu vực Hồ Núi Cốc được lấy từ hai nguồn chính là trạm 35/10 KV Đại Từ, công suất trạm 1 x 1.800 KVA và trạm 35/6 KV Thịnh Đán, công suất trạm 2 x 7.500 KVA. Đường dây trong khu vực có các tuyến: 110KV- Cao Ngạn- Thác Bà, với chiều dài 56 km, tiết diện AC- 185. Tuyến 10 KV từ

Đại Từ- Núi Cốc, tiết diện AC 70. Tuyến 6 KV được lấy từ trạm trung gian Đán cấp điện cho khu vực phía Nam hồ. Các trạm biến áp 10/0,4 KV; 6/0,4 KV gồm có: Đoàn 16 (180 KVA), Công đoàn (250 KVA), Thủy sản (180 KVA), khu du lịch phía Nam (320 KV), trạm bơm (50 KVA). Lưới hạ thế trong vùng chủ yếu là loại dây tiết diện AC 70- AC 35, đi nổi trên các cột bê tông K và H.

Nhìn chung lưới điện của khu vực Hồ Núi Cốc tương đối hoàn thiện, tạo điều kiện cho việc phát triển mạnh các loại hình dịch vụ, du lịch. Tuy nhiên, trong một vài năm trở lại đây, do tình trạng thiếu điện chung của cả nước. Nguồn điện trong khu vực thường xuyên bị quá tải, đặc biệt trong mùa hè - mùa du lịch, dẫn đến tình trạng cắt điện luân phiên. Điều này gây cản trở không nhỏ đến hoạt động sản xuất, sinh hoạt nói chung và du lịch nói riêng.

Mạng lưới thông tin liên lạc tại khu vực trong những năm gần đây đã được cải thiện đáng kể. Tại tất cả các xã đều có bưu điện văn hóa, mạng lưới điện thoại cố định (có dây và không dây), di động được phủ khắp. dịch vụ internet cũng được triển khai đến các xã. Tất cả các xã đều được phủ sóng truyền thanh, truyền hình. Đây là cơ sở thuận lợi đối với ngành du lịch nói chung và DLST nói riêng.

2.3.3. Hệ thống cấp, thoát nước

Nguồn nước: nước sử dụng tại các khu dân cư trong khu vực chủ yếu là nước hồ, nước giếng khơi, giếng khoan. Nhìn chung, nguồn nước trong khu vực rất dồi dào, đáp ứng tốt cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của cư dân trong vùng và các hoạt động du lịch. Tuy nhiên, các nguồn nước này đều được sử dụng một cách trực tiếp, không qua xử lý nên chưa đảm bảo vệ sinh. Do vậy, cần phải có kế hoạch xây dựng các nhà máy cấp nước sạch cho sinh hoạt và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch trong khu vực.

Hiện tại, hệ thống thoát nước chưa được chú trọng, khu du lịch chưa có hệ thống xử lý chất thải tập trung. Nước thải từ các khu dịch vụ, đặc biệt các nhà hàng xả trực tiếp xuống hồ, hoặc ngấm thẳng xuống đất. Đây là một nguồn gây ô nhiễm rất lớn do vậy cần có kế hoạch thu gom xử lý rác thải trước khi xả ra môi trường.

2.4. CÁC ĐIỂM DU LỊCH TIỀM NĂNG TRONG KHU VỰC

2.4.1. Điểm Du lịch sinh thái Núi Pháo

Đây là dãy núi nằm ở phía Bắc và Đông Bắc Hồ Núi Cốc, dài trên 7 km, rộng trung bình 3,5 km, gồm nhiều đỉnh núi nối liền nhau có độ cao trung bình 300-500m (Núi Pháo, Núi Chéo Vành,...), nằm chủ yếu trong địa phận xã Tân Thái. Dãy núi Pháo có lợi thế là sự tồn tại của nhiều hệ sinh thái, trong đó đáng chú ý nhất là hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm thường xanh đai núi thấp (trên các đỉnh), hệ sinh thái rừng tái sinh tự nhiên, hệ sinh thái rừng trồng, thêm vào đó là dạng địa hình đồi núi với mức chia cắt lớn, tạo nên sự đa dạng về cảnh quan.

Với lợi thế như vậy, điểm du lịch Núi Pháo có thể phát triển các loại hình Du lịch sinh thái như: leo núi, ngắm cảnh, học tập, nghiên cứu các hệ sinh thái rừng tự nhiên, nhân sinh.

Đối với loại hình du lịch leo núi: Đây là loại hình du lịch còn khá mới mẻ ở Việt Nam, phù hợp với những du khách ưa mạo hiểm, thích phiêu lưu, khám phá tự nhiên. Đối tượng chủ yếu là những người ở lứa tuổi thanh niên đến trung niên, có yêu cầu cao về thể lực. Do vậy khách du lịch đến với loại hình du lịch này còn ít, hiện mới chỉ có một số ít khách du lịch nước ngoài quan tâm. Trong tương lai gần, khi điều kiện sống của người Việt Nam được nâng cao thì đây sẽ là loại hình du lịch nhiều tiềm năng.

Loại hình du lịch kết hợp học tập, nghiên cứu: Đối tượng du khách chủ yếu là học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, các cán bộ khoa học. Có vị trí cách không xa trung tâm thành phố Thái Nguyên (15 km)- trung tâm văn hóa giáo dục, khoa học của cả vùng Đông Bắc. Do vậy, nơi đây là nguồn khách rất tiềm năng đối với loại hình du lịch này.

Khả năng tiếp cận với dạng cảnh quan này cũng khá dễ dàng, hầu hết đều có đường mòn đến sát chân núi. Từ khu du lịch Hồ Núi Cốc có thể men theo suối Cái khoảng 5 km, hoặc xuất phát tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thái (cách khu du lịch 1km) đi theo đường dân sinh (phần lớn đã được bê tông hóa) khoảng 3km, du khách sẽ tiếp cận được sườn phía Nam của dãy Núi Pháo ở độ cao khoảng 100m. Trên tuyến đường này du khách sẽ bắt gặp cảnh sinh hoạt, sản xuất của

cộng đồng các dân tộc địa phương (người Kinh, Tày, Nùng,...) với những nương chè, nương ngô xanh mướt, trải rộng từ sườn đồi này sang sườn đồi khác, bên dưới thung lũng là những cánh đồng lúa, lẫn khuát rong tán cây rừng là những nóc nhà, đầu đó trên sườn đồi dưới thung lũng là những chú mục đồng đang chơi đùa hồn nhiên. Những điều đó đã tạo nên khung cảnh thanh bình yên ả của miền sơn cước... Từ đây du khách sẽ bước vào cuộc hành trình leo núi thực sự để chinh phục những đỉnh núi cao 400- 500m, với nhiều thách thức không dễ vượt qua. Để đến đỉnh núi, du khách sẽ phải theo các con “đường mòn” của những người thợ rừng, luồn lách dưới những tán cây của hệ sinh thái rừng trồng đã bước vào thời kỳ trưởng thành với quần thể thực vật ưu thế Bạch đàn và Keo. Tại đây du khách sẽ có cơ hội để tìm hiểu, nghiên cứu quá trình tái sinh của thảm thực vật tự nhiên dưới tán rừng trồng. Trong tầng thảm tươi, tầng cây bụi đã xuất hiện những loài bản địa có giá trị (Lim xanh, Lát hoa, Kháo vàng...), cùng các họ giầy leo - một đặc trưng của hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm. Các động vật chủ yếu có thể quan sát được chủ yếu là chim và côn trùng... Đi dần lên cao, du khách sẽ bỏ lại những cánh rừng trồng để tiếp cận hệ sinh thái rừng tái sinh tự nhiên, và hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm thường xanh với nhiều loài động, thực vật bản địa có sức lôi cuốn đối với du khách. Khi lên đến đỉnh núi Pháo (450m) du khách sẽ được đền đáp một cách xứng đáng. Phóng tầm mắt ra xa về phía Nam, Hồ Núi Cốc hiện ra như một dải lụa mềm mại, vắt ngang trên nền xanh của núi rừng Thái Nguyên.

Thời điểm đón khách tốt nhất tại điểm du lịch này là mùa hè, mùa thu. Đây là giai đoạn lớp phủ thực vật trong khu vực sinh trưởng mạnh mẽ nhất, toàn vùng được khoác lên mình một màu xanh quyến rũ của núi rừng, đồng ruộng. Tuy vậy, do ảnh hưởng tiêu cực của lượng mưa, nhiệt độ có thể gây nên tình trạng gián đoạn đối với hoạt động du lịch.

2.4.2. Điểm du lịch sinh thái làng nghề phía Đông Hồ Núi Cốc

Xưa nay, nói đến trà Việt, người ta nghĩ ngay đến trà Thái Nguyên. Dù diện tích trồng chè chỉ đứng thứ 2 cả nước (sau Lâm Đồng), nhưng Thái Nguyên nằm trong vùng chè lâu đời của Việt Nam, với sản phẩm chè có hương vị đặc trưng

mà không nơi nào khác có được. Chè Thái Nguyên luôn được tôn vinh là "đệ nhất danh trà" của đất nước.

Làng nghề phía đông Hồ Núi Cốc là khu vực thuộc địa phận xã Tân Cương, một phần xã Phúc Trìu và Phúc Xuân (gọi chung là Tân Cương). Dạng địa hình chủ yếu là đồi núi thấp (dưới 100m) xen chung với thung lũng. Dân cư trong vùng đa phần là người Kinh, số còn lại thuộc các dân tộc Tày, Nùng, Sán Dìu, cộng đồng dân cư nơi đây có lịch sử trên 100 năm. Có hai tôn giáo đáng chú ý là Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo với khoảng 7% đồng bào theo đạo, phần đông người dân không theo tôn giáo nào, nhưng chịu ảnh hưởng sâu sắc của tín ngưỡng dân tộc, với tục thờ cúng tổ tiên, các hoạt động lễ tết...Hoạt động kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, với hai loại cây chính là chè và lúa nước. Chính những đặc điểm trên đã tạo cho khu vực này về một loại hình du lịch sinh thái đặc biệt, đó là du lịch làng nghề (làng nghề chè truyền thống).

*"Không hện trước thế mà bắt chọt
Chè Tân Cương khao khát vô chừng"*

Đến với làng nghề chè truyền thống Tân Cương, du khách sẽ rất thích thú khi được vào tận đồi chè, ngắm nhìn những vạt chè xanh non mơn mớn, trái dài, đồi này nối tiếp đồi kia. Đồng thời du khách còn có thể trực tiếp cùng người dân hái chè, sao chè và tìm hiểu từ khâu chăm sóc đến khâu chế biến thành phẩm. Có thêm kiến thức về thẩm nhận chất lượng các loại chè. Từ những búp chè xanh non được người dân hái về, trải qua bao công đoạn sao, vò mới trở thành những cánh chè nổi tiếng khắp trong và ngoài nước - đặc sản chè Tân Cương (Thái Nguyên). Chất lượng của chè không chỉ phụ thuộc vào những điều kiện chăm sóc, mà thời tiết khi thu hoạch cũng ảnh hưởng không nhỏ đến điều kiện thời tiết búp chè. Nếu chè được thu hoạch trong những ngày mưa, thì màu sắc, hương vị của cánh chè sẽ không đảm bảo. Nhưng nếu chè được chăm sóc tốt, lại được thu hoạch trong những ngày nắng đẹp sẽ tạo nên một sản phẩm chè tuyệt hạng. Chè ngon là loại có cánh nhỏ, màu xanh đen, mùi hương cốm, nước chè màu xanh, chát ở đầu lưỡi nhưng lại ngọt ở cổ họng...

Chè Tân Cương có hương thơm tự nhiên, đậm đà bởi vị ngọt chát mà chỉ có

đất Tân Cương mới tạo nên được. Chưa rõ chính xác từ khi nào cây chè xuất hiện ở Thái Nguyên, nhưng theo người dân ở vùng chè Tân Cương kể lại thì nghề chè đã tồn tại trong đời sống của cha ông họ từ hàng trăm năm về trước. Theo sách “Đại Nam nhất thống chí, 1882” có ghi về các loại sản vật mà Thái Nguyên cống cho triều đình, trong đó có đoạn viết: “Chè Nam: Sản ở các huyện Phú Lương, Đồng Hỷ, Đại từ, Phổ Yên, vị ngon hơn chè ở các nơi khác” [5]. Từ đầu thế kỷ XX, đã thấy ở Thái Nguyên, Hà thành và nhiều tỉnh thành trong cả nước những sản phẩm mang hiệu chè Tân Cương - Chè Thái, với hương thơm, vị ngọt thanh tao chỉ có một đã trở thành nỗi nhớ của các bậc trưởng lão, đã thành món quà thơm thảo cho tình bạn bè khi gặp gỡ nhau.

“Chè Thái Nguyên ngọt giọng

Ám lòng khách tri âm”

Du lịch làng nghề chè Tân Cương, du khách không chỉ được tìm hiểu cách thức, chăm sóc, chế biến và thưởng thức vị ngon của chè mà còn được biết thêm nhiều về những nét văn hóa độc đáo của miền đất này. Đáng chú ý nhất là những công trình kiến trúc, các lễ hội phản ánh đời sống, tín ngưỡng của cộng đồng địa phương.

Đến với Tân Cương, du khách có thể kết hợp giữa loại hình du lịch làng nghề với du lịch tâm linh. Nếu là tín đồ của Đạo Phật, du khách sẽ được thấp nhang để tỏ lòng thành kính của mình với Đức Phật tại ngôi chùa làng có tên Yna. Đây là ngôi chùa mới được trùng tu, mở rộng, chùa tọa lạc trên một ngọn đồi nằm giữa cánh đồng, thuộc địa phận xóm Yna- xã Tân Cương, cách tỉnh lộ 253 khoảng 1km về phía Bắc. Hội chùa Yna thường được tổ chức vào ngày mùng 10- 12 tháng Giêng hàng năm. Vào dịp này, nhân dân địa phương, phật tử thập phương nô nức tụ hội về đây với nhiều hoạt động tế lễ, tạo nên không khí rất náo nhiệt. Còn nếu du khách là người Công giáo, nhà thờ Gò Pháo là một địa điểm hành lễ rất lý tưởng. Nhà thờ là một công trình kiến trúc rất đồ sộ, mới được xây dựng lại trên một khuôn viên rộng 1ha, với tòa đại sảnh có thể chứa tới 200 người. Bên cạnh đó, vào những ngày đầu xuân, các làng trong khu vực thường tổ chức hội làng, tiêu biểu như lễ hội làng Giuộc, xóm Chợ cũng là

những hoạt động sinh hoạt cộng đồng ẩn chứa nhiều yếu tố tâm linh thể hiện rõ nét đời sống tinh thần của cư dân bản địa.

Ngoài ra du khách còn có thể mua cho gia đình, bạn bè và người thân những món quà lưu niệm, những sản vật núi rừng tại những phiên chợ quê, được họp theo hình thức “chợ phiên” trong khu vực: chợ Tân Cương, Hom Giỏ, Phúc Triu...

Theo kế hoạch, sắp tới lần đầu tiên sẽ tổ chức Festival trà Quốc tế tại Thái Nguyên(T11/2011). Festival Trà Quốc tế lần này sẽ được tổ chức tại Tp Thái Nguyên và Khu du lịch Hồ Núi Cốc. Festival trà Quốc tế lần này cũng là dịp để bạn bè quốc tế hiểu hơn về văn hóa và con người Việt Nam, thu hút các nhà đầu tư trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là phát triển cây chè và sản phẩm trà, đồng thời góp phần làm cho hoạt động du lịch phát triển.

2.4.3. Điểm du lịch phía Bắc Hồ Núi Cốc

Nằm ở vị trí phía Bắc Hồ Núi Cốc, thuộc địa phận xã Tân Thái (huyện Đại Từ) - Khu du lịch Hồ Núi Cốc, cách trung tâm thành phố Thái Nguyên khoảng 16km theo tỉnh lộ 260. Khu vực này có địa hình chủ yếu là đồi núi thấp, với hai hệ sinh thái đặc trưng: Hệ sinh thái Hồ Núi Cốc và Hệ sinh thái rừng nhân sinh được bảo vệ và phát triển khá mạnh với quần thể thực vật ưu thế là Keo và Bạch Đàn. Khu du lịch Hồ Núi Cốc là một quần thể hài hòa giữa đất trời, mây nước, những bản làng quê kiêu...Những ngôi nhà nghỉ, những khách sạn, nhà hàng, các khu vui chơi giải trí...nằm rải rác, thoát ần, thoát hiện bên sườn đồi, men theo những khúc đường quanh co uốn lượn ven hồ. Bên những cây đại thụ bắt rễ dưới chân núi là những luống hoa, cây cảnh, dẫn lối du khách men theo sườn núi. Theo những lối mòn ấy, du khách sẽ bắt gặp những ngôi nhà nho nhỏ, lọt giữa khuôn viên xinh xắn của cư dân vùng hồ. Một lợi thế rất lớn mà điểm du lịch này có được chính là sự quan tâm, đầu tư lớn của tỉnh, của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Vì vậy, tại đây đã hình thành nên một hệ thống cơ sở hạ tầng, dịch vụ du lịch tương đối hoàn thiện: Hệ thống khách sạn, nhà nghỉ, các nhà hàng phục vụ ăn uống, các công trình dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí...Đây là điểm du lịch có khả năng phát triển tổng hợp và đa dạng các loại hình du lịch

như: nghỉ dưỡng, thể thao, ngắm cảnh, dã ngoại, hội nghị, hội thảo... Vấn đề đặt ra cho điểm du lịch này là hướng hoạt động du lịch hiện tại theo các nguyên tắc của DLST, nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững và phát triển cộng đồng.

2.4.4. Điểm du lịch phía Nam Hồ Núi Cốc

Nằm ở phía Nam Hồ Núi Cốc, thuộc địa phận xã Phúc Trìu (Thành phố Thái Nguyên), cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 17km theo tỉnh lộ 253 (đường Tân Cương). Xét về điều kiện tự nhiên, khu Nam phương cũng giống như khu du lịch Hồ Núi Cốc, tuy nhiên mức độ đầu tư cho điểm du lịch này còn hạn chế nên phong cảnh thiên nhiên nơi đây còn tương đối hoang sơ. Chỉ có trên chục nhà nghỉ mini và vài ba nhà hàng đặc sản nằm ven theo mép hồ, ẩn hiện dưới tán rừng Keo, Bạch Đàn. Điểm du lịch này rất thích hợp với loại hình du lịch nghỉ cuối tuần cho gia đình hoặc nhóm gia đình với số lượng người không lớn, và du lịch cắm trại, dã ngoại, khám phá tìm hiểu các hệ sinh thái tự nhiên (rừng, hồ...).

Đến với khu Nam phương, du khách sẽ được tận hưởng bầu không khí trong lành, thoáng mát, yên tĩnh, được thả hồn mình trong cảnh sắc thiên nhiên tuyệt đẹp với trời mây non nước hữu tình, được đắm mình trong làn nước hồ trong xanh, mát lạnh. Đây thực sự là điểm lý tưởng để du khách chút bỏ những lo toan mệt nhọc của cuộc sống nơi phố phường bận rộn, trở về với thiên nhiên cỏ cây, để tận hưởng cảm giác thanh bình, với những thú vui bình dị như câu cá, ngắm cảnh, thả bộ trên những sườn đồi, dưới tán rừng Keo, rừng Bạch Đàn, ngắm nhìn mặt hồ trong xanh phẳng lặng, được thưởng thức những món đặc sản nơi thôn dã được chế biến từ những sản vật địa phương: gà đồi, cá mè hồ, cơm gạo Bao thai, ngô nếp... thêm vào đó là một vài chén rượu được chưng cất từ chất men lá - một phương thức truyền thống của đồng bào dân tộc ít người.

Mặt khác, điểm du lịch Nam phương còn nằm liền kề với điểm du lịch làng nghề chè truyền thống Tân Cương, đây là điều kiện thuận lợi cho khu Nam phương đa dạng hóa các loại hình du lịch, dịch vụ, tăng sức hấp dẫn đối với du khách.

Khả năng tiếp cận với điểm du lịch này là rất thuận lợi, từ trung tâm thành

phố Thái Nguyên, đi theo tỉnh lộ 253 hướng Tân Cương khoảng 17 km, hoặc theo tỉnh lộ 260 (ngã ba Đán, rẽ đường Hồ Núi Cốc), du khách đều có thể đến được khu Nam phương. Các tuyến đường đều đã được trải nhựa, mặt đường rộng, mật độ giao thông thấp.

2.4.5. Điểm du lịch trên các đảo lòng hồ

Trong khu vực Hồ Núi Cốc, có tới 89 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó có một số đảo có diện tích lớn, có khả năng phát triển du lịch sinh thái, đó là các đảo: Đảo Núi Cái, Đảo Dê, Đảo Cò, Đảo Long hội, Đảo Kim Bảng. Trên các đảo này, đang tồn tại hệ sinh thái rừng trồng, tuy nhiên các loài thực vật tự nhiên phát triển rất mạnh, và đang có quá trình chuyển tiếp giữa hệ sinh thái rừng trồng và hệ sinh thái rừng tái sinh tự nhiên với các quần thể chủ yếu: Tre, nứa và các loại cây bụi (sim, mua), các loại dây leo... Đặc biệt trên Đảo Cò, có một số lượng rất lớn các loài chim, nhiều nhất là Cò trắng, Cò lửa. Tuy chưa có số lượng tính toán chính thức, nhưng theo ước tính, số lượng cá thể Cò có thể lên tới hàng nghìn con.

Thực tế hiện nay, trên Đảo Núi Cái - hòn đảo lớn nhất, có diện tích trên 308 ha đã được đầu tư xây dựng một khu trưng bày các sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ 90 làng nghề truyền thống trên cả nước. Dừng chân lên đảo, du khách phải leo 108 bậc lên tới Nhà Cổ, nơi đây trưng bày hơn 1000 hiện vật, điều đặc biệt là tất cả những hiện vật ở đây đều là các sản phẩm làng nghề được đưa đến từ hơn 90 làng nghề truyền thống trên khắp đất nước.

Cách Núi Cái không xa, du khách có thể nhìn thấy rất rõ một con đập kéo dài - đây là đập chính của hồ, dài 500m. Đây cũng là công trình thủy lợi lớn nhất Thái Nguyên.

2.4.6. Điểm du lịch núi Thần Lăn

Đây là dãy núi nằm ôm sát bờ Tây của Hồ Núi Cốc, kéo dài khoảng 12 km theo hướng Tây Bắc- Đông Nam, rộng trung bình từ 2- 2,5km, gồm nhiều đỉnh núi cao trung bình 300- 500m nối tiếp nhau. Về đặc điểm sinh thái, dãy Thần Lăn có nhiều điểm giống với dãy Núi Pháo ở phía Bắc. Nhưng do điều kiện giao thông khó khăn, địa hình hiểm trở, cư dân thưa thớt, nên cảnh quan tự nhiên nơi

đây có phần hoang vắng hơn. Chỉ có một số ít hộ gia đình người dân tộc thiểu số sống ven những con đường mòn vào sâu trong núi đến sát bờ hồ. Họ sinh sống chủ yếu bằng nghề đánh cá, trồng và khai thác rừng.

Với điều kiện như vậy, khu vực này có lợi thế về các loại hình du lịch thể dục, thể thao: leo núi, bơi thuyền, dã ngoại, cắm trại, khám phá tự nhiên, du lịch chữa bệnh và loại hình du lịch làng bản dân tộc...Tuy nhiên, điểm du lịch này chỉ thích hợp với những du khách thích phiêu lưu, có thể lực tốt và khả năng hoạt động độc lập cao. Bởi để tiếp cận với điểm du lịch này du khách sẽ phải trải qua những đoạn đường khá hiểm trở, hơn nữa điều kiện cơ sở vật chất phục vụ du lịch hiện tại chưa có.

Đến với điểm du lịch này, du khách sẽ được thử thách sự bền bỉ của ý chí, sự dẻo dai của thể lực trước những trở ngại của thiên nhiên. Từ khu Nam phương du khách sẽ phải hành trình theo những con đường mòn hiểm trở ven bờ hồ mà hầu như không có phương tiện giao thông hiện đại nào có thể tiếp cận được. Sau 10- 20km (tùy theo mùa mưa, mùa khô), du khách sẽ đến được khu vực Cầu đất - vùng đất bán ngập nước danh giới giữa đảo Núi Cái và dãy núi Thần Lăn. Du khách cũng có thể lựa chọn cách đơn giản hơn là ngồi xuống máy hoặc tàu du lịch. Từ đây du khách sẽ bước vào chinh phục những đỉnh núi cao nhất của dãy núi Thần Lăn ở độ cao 450- 480m. trong suốt hành trình, du khách sẽ có cơ hội chiêm ngưỡng phong cảnh thiên nhiên vô cùng hấp dẫn, một bên là núi rừng trùng điệp, một bên là mặt hồ phẳng lặng trong xanh với những cơn gió dịu mát, như xua hết những mệt nhọc âu lo. Lên tới đỉnh núi, phóng tầm mắt ra xa về phía Đông, toàn bộ Hồ Núi Cốc hiện ra như một chiếc gương khổng lồ đặt trên thảm xanh của núi rừng Thái Nguyên. Xa hơn nữa về phía Tây, là dãy núi Tam Đảo hùng vĩ, như một bức tường thành chạy dài từ Bắc xuống Nam, được phủ lên mình màu xanh huyền bí của núi rừng.

2.4.7. Điểm du lịch sinh thái hồ Vai Miếu và sườn Đông dãy Tam Đảo

Từ dãy núi Thần Lăn, về phía Tây khoảng 3km theo đường chim bay, hoặc từ ngã tư Phố Yên theo tỉnh lộ 261 hướng Đại Từ và ngược lại khoảng 17 km, du khách sẽ bắt gặp một đập nước dài vắt ngang lưng trùng núi, ngay sát chân

dãy Tam Đảo. Đó chính là con đập chính của hồ Vai Miếu- một hồ nước nhân tạo. Tuy là một hồ nước nhỏ, diện tích trung bình khoảng 250 ha, nhưng hồ lại có tiềm năng du lịch sinh thái lớn. Nhờ lợi thế về điều kiện tự nhiên: hồ có chất lượng nước tốt, hầu như chưa chịu tác động gì đáng kể từ các hoạt động kinh tế của con người, hồ có nhiều vũng ăn sâu vào núi với nhiều thác nước tự nhiên. Đặc biệt hơn là hồ lại tựa lưng vào dãy Tam Đảo - một dãy núi cao (nhiều đỉnh cao trên 1000m), với một hệ sinh thái phong phú đa dạng về thành loài động vật, thực vật quý hiếm, trong đó có nhiều loài đặc hữu.

Đến với điểm du lịch này, du khách sẽ được lên những chiếc thuyền nan (2- 3 khách/1 thuyền), với hai mái chèo tay của ngư dân trong vùng, họ cũng là những chuyên gia thực sự về miền đất quê hương mình. Lướt nhẹ trên mặt hồ trong xanh, tĩnh lặng, ngắm nhìn phong cảnh hùng vĩ của dãy Tam Đảo, thuyền sẽ đưa du khách vào sâu trong núi theo những góc ngách của hồ, hai bên là những sườn núi dựng đứng được phủ lên mình bởi những thảm thực vật tự nhiên đang hồi sinh, đâu đó trên sườn núi vẫn còn những nương ngô, nương lúa của đồng bào người Dao sinh sống trong vùng đệm của VQG Tam Đảo. Đi sâu tiếp vào núi, du khách sẽ được chiêm ngưỡng vẻ đẹp kỳ vĩ của tự nhiên, từ trên cao một dòng nước tung bọt trắng xóa lao nhanh xuống mặt hồ phá tan không khí trầm lặng âm u của núi rừng- một thác nước hùng vĩ hiện ra trước mặt du khách. Hòa lẫn trong âm thanh của ngọn thác là tiếng hót véo von của những đôi chim chích chòe đang vào mùa làm tổ, tiếng hót gọi đàn của bầy Chào Mào vừa rời tổ, hay tiếng kêu của một chú nai con lạc mẹ... Tất cả tạo nên một khung cảnh sống động rộn ràng của núi rừng.

Nếu du khách là người thích phiêu lưu và có nhiều thời gian, sẽ có một loại hình du lịch làm cho du khách thích thú- đó là chinh phục những ngọn núi của dãy núi Tam Đảo và khám phá hệ sinh thái rừng tự nhiên nơi đây.

Khi trở về, du khách sẽ được thưởng thức các món ăn dân dã tại những quán lá do người dân địa phương mở ra, món ăn được chế biến từ chính những sản vật địa phương, mang hương vị của ruộng đồng, sông núi, đặc biệt là món cá Chép hồ.

2.4.8. Điểm di tích lịch sử quần thể Núi Văn, Núi Võ

Cách hồ Vai Miếu 3km về phía Bắc theo tỉnh lộ 261 là quần thể di tích lịch sử cấp quốc gia Núi Văn, Núi Võ. Đến đây, du khách sẽ có cơ hội hiểu biết thêm về những sự kiện quan trọng trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh của nhân dân ta, biết thêm về một vị anh hùng có công với sự nghiệp của triều Lê sơ danh tướng Lưu Nhân Chú. Ông là người con sinh ra trên đất Đại Từ- Thái Nguyên, ông từng tham gia hội thề Lũng Nhai năm 1416, kết nghĩa anh em với Lê Lợi. Những năm 1425 - 1427, Lưu Nhân Chú đã chỉ huy nhiều cuộc khởi nghĩa chống giặc Minh, tiêu biểu là chiến tích năm 1427 tại ải Chi Lăng chém tướng giặc Liễu Thăng, đánh tan 10 vạn quân viện binh. Ông cùng với hoàng tử Tử Tế (con trai của Lê Lợi) xây thành Đông Quan và cũng chính ông cũng là xử giả đàm phán, buộc Vương Thông rút quân về nước để Đại Việt được thái bình. Năm 1485, ông được vua Lê Thánh Tông truy phong tước “Thái phó vinh Quốc công”.

Du lịch văn hóa lịch sử hiện nay đang là một nhu cầu bức thiết, đặc biệt đối với thế hệ trẻ, nhằm giáo dục cho họ về lịch sử dân tộc, về những truyền thống tốt đẹp của ông cha ta, tạo nên một thế hệ con người Việt Nam mới phát triển toàn diện. Không những vậy, du lịch văn hóa lịch sử còn là một cách để quảng bá hình ảnh của đất nước Việt Nam giàu truyền thống với bạn bè quốc tế.

Bên cạnh di tích núi Văn, núi Võ đã được nhà nước xếp hạng, vẫn còn các di tích khác ghi dấu các giai đoạn trong con đường binh nghiệp của vị danh tướng triều Lê: Núi quần Ngựa, núi Xem, núi Cẩm Cờ...

Đến với quần thể di tích núi Văn, Núi Võ du khách sẽ được thăm hang động núi Văn- một dạng địa hình Kart phổ biến ở miền núi phía Bắc, nhưng lại là duy nhất trong khu vực Hồ Núi Cốc, được thắp hương tưởng nhớ người anh hùng dân tộc tại đền thờ được xây dựng ngay dưới chân hai ngọn núi nổi tiếng. Đặc biệt vào các ngày mùng 4, mùng 5, tháng 2 hàng năm, nhân dân địa phương lại tổ chức lễ hội Núi Văn, Núi Võ để tưởng nhớ công ơn của vị danh tướng này.

2.4.9. Điểm du lịch di tích lịch sử 27/7

" Dù ai đi đông về tây,

Hai bảy, tháng bảy nhớ ngày thương binh"

Nằm cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 30km về phía Tây Bắc, tại xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, đó là khu di tích đã được nhà nước tôn tạo và được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia ngày 17/07/1997. Với diện tích 3000m² gồm: Nhà lưu niệm, Bia là tảng đá vân mây trắng hình trụ, chóp nhọn, cao hơn 3m, rộng gần 3m, nặng gần 7 tấn: “Nơi đây ngày 27/7/1947, 300 cán bộ, bộ đội và đại diện các tầng lớp nhân dân địa phương họp mặt nghe công bố thư Bác Hồ, ghi nhận sự ra đời ngày Thương binh liệt sỹ ở nước ta”. Hàng năm cứ đến ngày 27/7 là một dịp cho đồng bào ta bày tỏ lòng hiếu nghĩa, nhớ ơn công lao của các thương binh liệt sỹ.

CHƯƠNG 3: HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI KHU VỰC HỒ NÚI CỐC

3.1. HOẠT ĐỘNG DU LỊCH

Trong những năm gần đây, đặc biệt từ sau 2003 đến nay, được sự quan tâm của các cấp chính quyền, ngành du lịch Thái Nguyên đã có những bước tiến vững chắc. Số lượng du khách đến Thái Nguyên ngày một đông, doanh thu từ du lịch, cũng như việc thu hút đầu tư vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng du lịch đều có tốc độ tăng trung bình trên 30%/năm. Du lịch ngày càng có vai trò quan trọng hơn trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Đặc biệt, trong năm 2007, Thái Nguyên được chọn làm địa điểm tổ chức “Năm du lịch quốc gia” với chủ đề “Về Thủ đô gió ngàn chiến khu Việt Bắc”, số lượng khách du lịch đến Thái Nguyên đã tăng vọt. Năm 2006 có 674.430 lượt khách, đến năm 2007 tăng lên tới 1.200.000 lượt khách. Sự phát triển của ngành du lịch Thái Nguyên có thể được khái quát qua bảng số liệu:

Bảng 3.1: Một số chỉ số phát triển ngành Du lịch Thái Nguyên giai đoạn 2008-2011.

Chỉ số Năm	Lượt khách			Doanh thu (tỷ đồng)
	Tổng số	Nội địa	Quốc tế	
2008	1.340.000	1.310.000	30.000	639,4
2009	1.355.500	1.324.500	31.000	800
2010	1.470.000	1.437.500	32.500	925,6
6th/2011	660.000	649.210	10.790	459

Nguồn: Số liệu phòng Du lịch - Sở VH-TT&DL Thái Nguyên

Trong xu thế phát triển chung đó, Du lịch hồ Núi Cốc nói riêng cũng đạt được kết quả đáng khích lệ. Được xác định là trọng điểm du lịch của cả tỉnh, Hồ Núi Cốc có được lợi thế về chính sách ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, cùng với những thế mạnh vốn có, nơi đây nhanh chóng trở thành điểm du lịch hấp dẫn, phần lớn du khách đến Thái nguyên đều tới thăm Hồ Núi Cốc.

3.1.1. Khách du lịch

Qua số liệu thống kê của Ban quản lý khu du lịch Hồ Núi Cốc trong giai đoạn từ năm 2008 đến hết năm 2010 và 6 tháng đầu năm 2011, cho chúng ta một số nhận định về khách du lịch Hồ Núi Cốc.

❖ Số lượng khách:

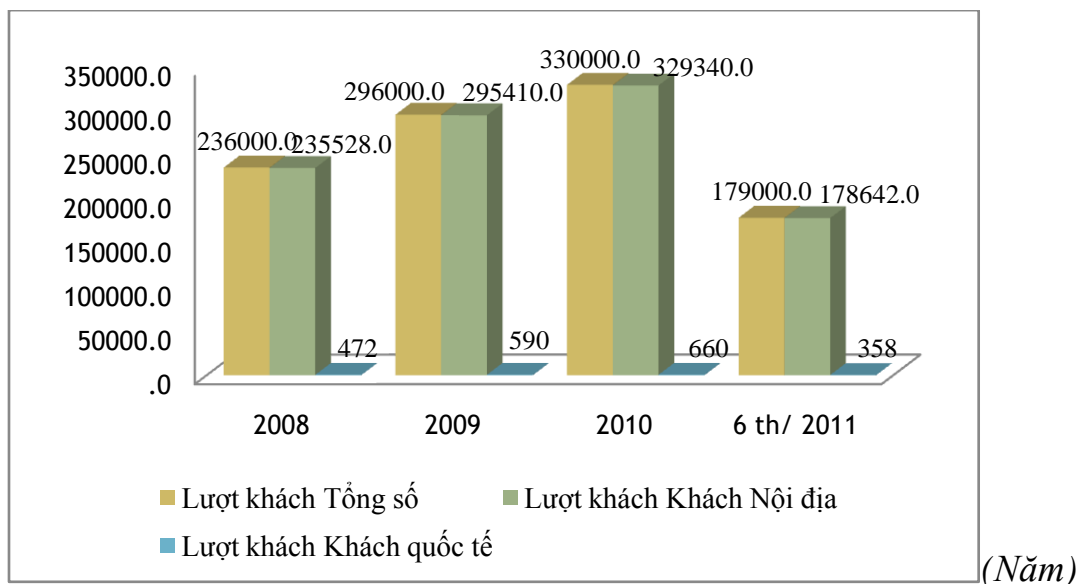
Hiện nay, số lượng du khách đến với khu du lịch Hồ Núi Cốc đang tăng lên nhanh chóng.

Bảng 3.2: Lượng khách du lịch Hồ Núi Cốc giai đoạn 2008-2010

Chỉ số Năm	Lượt khách		
	Tổng số	Khách Nội địa	Khách quốc tế
2008	236.000	235.528	472
2009	296.000	295.410	590
2010	330.000	329.340	660
6 th/ 2011	179.000	178.642	358

Nguồn: Ban quản lý khu du lịch Hồ Núi Cốc, Thái Nguyên.

(Lượt khách)



Hình 3.2: Biểu đồ lượng khách khu du lịch Hồ Núi Cốc

Về cơ cấu nguồn khách, khách du lịch đến với Hồ Núi Cốc chủ yếu là khách nội địa, chiếm khoảng 99,8%. Trong khi đó khách quốc tế chỉ chiếm tỉ lệ rất thấp, khoảng 0,2%. Đối tượng khách nước ngoài đến Hồ Núi Cốc chủ yếu là những nhà khoa học, những doanh nhân kết hợp công việc và nghỉ ngơi, rất ít

người đến với mục đích du lịch thuần túy. Điều đó cho thấy, hình ảnh Hồ Núi Cốc chưa được quảng bá mạnh mẽ, chưa tạo nên được sức hút lớn đối với du khách nước ngoài. Còn đối với du khách nội địa, nguồn khách chủ yếu vẫn là từ những đô thị trong tỉnh như: thành phố Thái Nguyên, Sông Công, Phổ Yên và các vùng lân cận...tiếp đó là Hà Nội và các tỉnh Đồng Bằng Bắc Bộ (Thái Bình, Nam Định, Hải Phòng, Hải Dương...), Đông Bắc (Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Cạn...).

Khách nội địa, chủ yếu là học sinh, sinh viên, viên chức, giao viên, nông dân, những người có mức thu nhập không cao. Hình thức du lịch chủ yếu là du lịch tự do, không có sự liên hệ với các doanh nghiệp lữ hành, các tổ chức kinh doanh du lịch. Họ đến Hồ Núi Cốc với mục đích nghỉ cuối tuần, tham quan kết hợp học tập, nghiên cứu. Thời gian lưu trú của du khách ngắn, trên 70% là đi về trong ngày, số còn lại có số ngày trung bình 1- 2 ngày. Nhu cầu nghỉ qua đêm phần lớn thuộc về những du khách đi theo gia đình hoặc nhóm gia đình. Khách du lịch đến với Hồ Núi Cốc mới chỉ tập trung trong khu du lịch phía Bắc, khu du lịch nghỉ dưỡng Nam Phương và các địa điểm khác hầu như chưa được khai thác. Đây là sự lãng phí rất lớn nguồn tài nguyên của địa phương, vấn đề cần đặt ra đối với ngành du lịch của tỉnh là cần có chiến lược đầu tư, khai thác hiệu quả, tổng hợp các thế mạnh của Hồ Núi Cốc và vùng lân cận. Phần lớn các loại hình dịch vụ du lịch trong khu du lịch Hồ Núi Cốc ít chịu ảnh hưởng của sự thay đổi mùa (ngoại trừ công viên nước), nhưng nhìn chung khách du lịch vẫn tập trung đông vào mùa hè. Thể hiện một phần qua bảng:

Bảng 3.3: Lượng khách sử dụng dịch vụ tàu, thuyền đi tham quan hồ.

Đơn vị tính: 1000 người

Tháng \ Lượt khách	Tháng												TB/ năm
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
2009	5,2	0,8	1,1	8,39	9,5	10,7	11,6	10,2	11,1	5,6	4,34	3,47	6,83
2010	5,5	1,0	1,5	8,0	9,9	10,2	11,2	10,0	11,9	4,6	5,2	4,2	6,93

Nguồn: Ban quản lý khu du lịch Hồ Núi Cốc, Thái Nguyên

Trong các tháng 4, 5, 6, 7, 8, 9 chiếm khoảng 80% tổng số khách du lịch của

cả năm. Và thời gian tập trung khách đông nhất thường là các ngày cuối tuần, các dịp lễ tết (như: 30/4; mừng 1/5; mừng 2/9).

So sánh số lượng khách du lịch của tỉnh Thái Nguyên với khách của Hồ Núi Cốc ta thấy, khoảng 17-28% du khách đến Thái Nguyên là đến Hồ Núi Cốc. Điều này cho thấy công tác xúc tiến quảng bá hình ảnh du lịch Hồ Núi Cốc ra bên ngoài chưa được tốt. Hồ Núi Cốc là một trung tâm du lịch của tỉnh nhưng nó còn xuất hiện quá ít trong các tour của các công ty lữ hành ngoài tỉnh. Đây cũng là điểm yếu kém chung của ngành du lịch Thái Nguyên trong những năm vừa qua.

3.1.2. Doanh thu từ hoạt động du lịch

Cùng với số lượng du khách tăng lên nhanh chóng thì doanh thu từ hoạt động kinh doanh du lịch trong khu vực cũng tăng đáng kể. Thể hiện qua bảng:

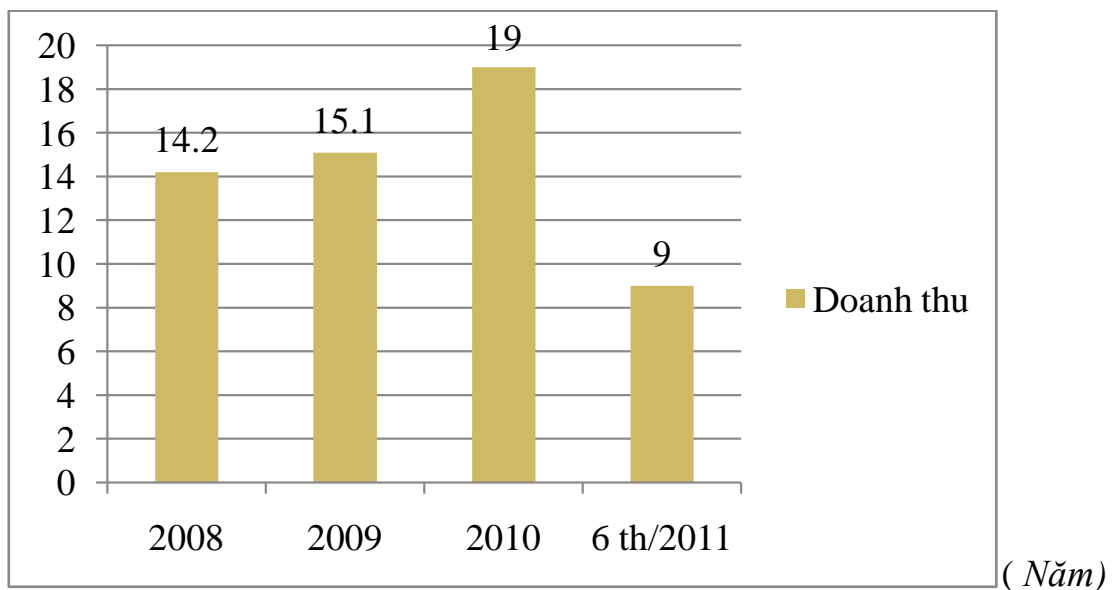
Bảng 3.4: Doanh thu Du lịch Hồ Núi Cốc (Đơn vị tính: Tỷ đồng).

Năm	2008	2009	2010	6 th/2011
Doanh thu	14,2	15,1	19,0	9

Nguồn: Phòng Du lịch- Sở VH-TT&DL Thái Nguyên

Qua bảng số liệu trên ta có biểu đồ:

(Tỷ đồng)



Hình 3.2: Biểu đồ doanh thu Du lịch Hồ Núi Cốc (2008- 6 tháng đầu 2011)

Ta thấy doanh thu du lịch của Hồ Núi Cốc tăng. Năm 2009 so với 2008 tăng 0,9 tỷ đồng (tăng 6,3%). Năm 2010 so với 2009 tăng 3,9 tỷ đồng (tăng 25,8%).

Đây là kết quả của những dự án đầu tư nhằm mục đích đa dạng hóa các loại hình dịch vụ Du lịch: công viên nước, huyền thoại cung, sân khấu nhạc nước... Tuy vậy, chúng ta cũng cần thấy những yếu kém trong hoạt động kinh doanh du lịch Hồ Núi Cốc. Doanh thu trung bình trên một đầu khách vẫn thấp, khoảng 60.000-80.000/lượt khách. Nguyên nhân của thực trạng này là do đặc điểm của khách du lịch Hồ Núi Cốc, chủ yếu là người có thu nhập thấp (học sinh, sinh viên, nông dân, viên chức, giao viên...). Bên cạnh đó, nguyên nhân không kém phần quan trọng là sự đơn điệu trong hoạt động du lịch, các hình thức dịch vụ chưa có sức hấp dẫn lớn đối với du khách và giá cả còn quá cao so với thu nhập của phần đông du khách.

3.1.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

a). Cơ sở lưu trú

Hệ thống các cơ sở lưu trú là thành phần quan trọng của ngành du lịch, của mỗi lãnh thổ du lịch. Hiện nay, tại khu vực Hồ Núi Cốc có một số đơn vị đăng ký chính thức kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, khách sạn, đó là: Công ty Cổ phần khách sạn du lịch công đoàn Hồ Núi Cốc; Đoàn 16- Quân khu I; Khách sạn Mỏ Việt Bắc, với tổng số trên 300 phòng từ 3 sao đến bình dân. Bên cạnh đó còn khá nhiều nhà nghỉ, nhà trọ của người dân địa phương hoạt động mạnh trong những tháng cao điểm của mùa du lịch.

Trong đó, riêng Công ty Cổ phần khách sạn du lịch công đoàn Hồ Núi Cốc có tới 250 phòng (có 52 phòng đạt tiêu chuẩn 3 sao, 32 phòng 2 sao, 86 phòng 1 sao, và 80 phòng nghỉ bình dân); Khu nhà nghỉ Đoàn 16 - Quân khu I rộng 15 ha, có tổng 30 phòng, gồm có: 1 nhà nghỉ 3 tầng (15 phòng), 5 biệt thự mini (5 phòng), và một số nhà nghỉ nhỏ khác (10 phòng). Khách sạn Mỏ Việt Bắc (30 phòng). Khách sạn Hồ Núi Cốc (40 phòng). Khu du lịch Nam Phương rộng 7,5 ha, có 6 biệt thự mini.

Nhìn chung, kiến trúc của phần lớn các khách sạn, nhà nghỉ chưa được thiết kế phù hợp với phong cảnh thiên nhiên xung quanh, chưa đáp ứng được yêu cầu cơ bản trong xây dựng Du lịch sinh thái (ngoại trừ những nhà nghỉ mini, khách sạn Ba cây Thông). Khu vực khách sạn, nhà nghỉ hoàn toàn không có khu vực

xử lý chất thải riêng, nước thải xả trực tiếp xuống hồ. Đây là nguy cơ tiềm ẩn những nguy hại nghiêm trọng đối với môi trường sinh thái của Hồ Núi Cốc.

Tuy số lượng du khách đến với Hồ Núi Cốc tương đối lớn, nhưng do nhu cầu nghỉ qua đêm thấp, nên công suất sử dụng phòng mới ở mức độ trung bình, khoảng 65- 68%. Tuy vậy, do số lượng khách tập trung theo mùa khá lớn nên trong mùa du lịch vẫn diễn ra tình trạng quá tải, đặc biệt là với loại phòng từ 1 sao đến bình dân. Theo số liệu thống kê của Công ty Cổ phần khách sạn du lịch Hồ Núi Cốc, trong tháng 7, 8/2010 số lượng phòng trong khu du lịch chỉ đáp ứng được khoảng 85% cầu phòng ở cho du khách (vào những dịp cuối tuần). Số du khách còn lại phải nghỉ trong những nhà nghỉ tạm do người dân địa phương mở ra, đây thực sự là hướng gợi mở cho các nhà quản lý du lịch, hướng quan tâm và cơ hội tìm kiếm lợi ích từ hoạt động du lịch cho cộng đồng địa phương. Nhưng vấn đề đặt ra là các nhà quản lý cần có những chính sách đồng bộ như: Tập huấn, trang bị nghiệp vụ chuyên môn cho các hộ kinh doanh du lịch, đồng thời có kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho du khách...

b). Cơ sở dịch vụ vui chơi giải trí

Trong những năm gần đây, cơ sở vật chất, vui chơi giải trí đã được phát triển khá mạnh, góp phần làm phong phú thêm các loại hình dịch vụ, phục vụ du lịch.

Huyền thoại cung: là một công trình du lịch văn hóa, được xây dựng trên diện tích 3000m², nhìn từ ngoài công trình này giống như một dãy núi, với hệ thống hang động nhân tạo phía trong. Phía bên ngoài là tượng nàng Công - chàng Cốc, trong cung là một dòng suối nhân tạo chảy vòng vào quanh động, sẽ đưa du khách qua các hình ảnh tái hiện về sự tích nàng Công - chàng Cốc, thông qua các tác phẩm bên bờ suối và trên vách động. Giá vé vào động 15.000 đồng/lượt/10 phút.

Công viên nước Hồ Núi Cốc: rộng 3,4 ha với thiết kế độc đáo, nhiều công trình dịch vụ hấp dẫn: Vườn cau ao cá, tích Tề Thiên Đại Thánh, bể bơi 350m² (có khu vực giành cho trẻ em), đường trượt 8 làn, tượng cá chép (bụng chứa được 200 người tắm cùng một lúc), tượng cá heo...Giá vé 30.000 đồng/1 lượt khách.

Sân khấu nhạc nước: Đây là một loại hình nghệ thuật mới, là sự kết hợp giữa âm nhạc, nước và khoa học kỹ thuật hiện đại. Được đánh giá là một trong những sân khấu nhạc nước hiện đại nhất Việt Nam, khánh thành đầu năm 2007, với tổng số vốn đầu tư trên 15 tỷ đồng. Công trình được xây dựng trên diện tích rộng 1ha, gồm hơn 100 loại hình biểu diễn với cột nước cao trên 40m. Phục vụ du khách 3lần/1 ngày, giá vé 20.000 đồng/lượt.

Động thế giới cổ tích - âm phủ: với nhiều hình tượng phỏng theo các câu chuyện cổ tích nổi tiếng (Thạch Sanh, Tấm Cám...), đặc biệt các nhà kiến trúc đã dựng nên khung cảnh địa ngục với tư tưởng chủ đạo là cái ác sẽ bị trừng phạt. Đây là công trình có ý nghĩa giáo dục rất lớn đối với du khách, nhất là đối với du khách nhỏ tuổi về giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, đồng thời hướng du khách đến cuộc sống tốt đẹp hơn. Giá vé 10.000 đồng/lượt khách.

Khu động vật hoang dã: Có diện tích trên 1 ha, với nhiều loại động vật hoang dã bản địa và nhập nội (Trăn đất, Trăn mắc võng, cá sấu Cu Ba, hươu sao, Khỉ, Sóc, Đà Điểu...) được nuôi dưỡng bảo vệ nghiêm ngặt. Đây là điểm hấp dẫn đối với du khách “nhí”. Giá vé 10.000 đồng/1 lượt khách.

Đảo văn hóa Núi Cối: là hòn đảo lớn nhất và đẹp nhất trong tổng số 89 hòn đảo trong khu vực Hồ Núi Cốc. Trên đảo là những công trình kiến trúc lớn, được xây dựng bởi những nghệ nhân tài hoa trong cả nước. Từ chân đảo, dẫn lên khu trung bày cao hơn 80m là 108 bậc đá, dọc hai bên bậc đá là những sản phẩm của các làng nghề truyền thống Việt Nam, với những chân đèn lồng thời nhà Mạc, những bức phù điêu bằng đá nung,...Khu trưng bày gồm trên 2100 hiện vật cổ: hoành phi cổ, các bức thư pháp nổi tiếng, những tác phẩm nghệ thuật đặc sắc, độc đáo, thể hiện trên nhiều chất liệu như: đồng, đá, gỗ, mây tre đan,...trong ngôi nhà cổ 6 gian, có niên đại hơn 200 năm... Vé đảo là 25/1 lượt khách.

Trung tâm giải trí Núi Cốc vàng, được xây dựng trên diện tích 2500 m² với vốn đầu tư trên 6 tỷ đồng, khánh thành và đi vào hoạt động tháng 6/2007. Trung tâm giải trí với nhiều trò chơi hấp dẫn: xe đung, đấm bốc, cưỡi ngựa, đua xe,...đang là một địa điểm nhiều khách nhất trong khu (45% khách). Giá vé là 25.000 đồng/10 phút/1 lượt khách.

Bến tàu phục vụ khách du lịch lòng hồ, với đội tàu gần 20 chiếc, tàu có từ 2 - 60 chỗ, phục vụ 4 tuyến tham quan các đảo khác nhau trong hồ. Giá thuê mỗi tàu khoảng từ 400.000 - 650.000 đồng/ 1 chuyến/1,5 giờ. Tùy theo trọng tải của từng tàu. Tại đây cũng tổ chức bán vé cá nhân cho khách tham quan lòng hồ 20.000 đồng/lượt, nhưng loại này rất bất tiện vì phải chờ gom đủ số khách (khoảng 50- 60 người), do vậy, du khách có thể phải đợi hàng giờ hoặc hơn.

Ngoài ra, trong khu vực còn có nhiều các công trình giải trí, dịch vụ khác: công viên 12 con giáp, sân tennis, tàu điện (chiều dài đường ray 400 m), động chuyện tình Ba Cây Thông, dịch vụ xông hơi, vật lý trị liệu...

c). Cơ sở dịch vụ nhà hàng, điểm bán đồ lưu niệm

Về dịch vụ ăn uống: Trong khu vực Hồ Núi Cốc hiện nay có khá nhiều các cơ sở dịch vụ ăn uống từ bình dân đến cao cấp, với quy mô phục vụ từ 10 bàn đến 50 bàn khách như: Nhà sàn Giang Nam, nhà hàng Thọ Nguyệt, nhà hàng Hồng Nhung, nhà hàng Phương Hương, nhà hàng Chính Hằng, nhà hàng Hương Hồ, Nhà hàng Đảo Văn Hóa, nhà hàng Nàng Công...

Hầu hết các nhà hàng đều nằm ven bờ hồ, có khung cảnh tự nhiên thoáng đãng, mát mẻ, đội ngũ nhân viên phục vụ tận tình, có chuyên môn, mức độ đáp ứng nhu cầu của khách khá tốt. Tuy nhiên, khả năng giao tiếp phục vụ khách quốc tế không cao.

Bên cạnh việc phục vụ các món ăn, các nhà hàng đều có dịch vụ cho thuê địa điểm, dụng cụ (chiếu, bạt, nhà sàn, củi, sân bãi...) để các nhóm du khách có thể tự tổ chức ăn uống, cắm trại...

Các điểm bán đồ lưu niệm: Hiện nay, trong khu du lịch Hồ Núi Cốc có khoảng trên chục điểm bán đồ lưu niệm với quy mô khác nhau. Lớn nhất là khu Chợ tình - Quà lưu niệm, nằm ngay trên lối vào khu du lịch, công viên 12 con giáp. Ngoài ra, ở hầu hết các nhà hàng, khách sạn đều có những khu vực phục vụ nhu cầu mua sắm của khách du lịch. Mặc dù các điểm bán hàng khá nhiều nhưng có một nhận định chung là mặt hàng bày bán còn khá đơn điệu (chủ yếu là quần áo, mũ, ô dù...), những mặt hàng có xuất xứ tại địa phương còn ít (sản phẩm mây tre đan, nông sản (măng ớt ngâm...), dược liệu...

Một điểm bất cập khác là các khu vực bán hàng có thiết kế xấu, không phù hợp, hài hòa với phong cảnh tự nhiên của khu vực. Không tạo được sức hấp dẫn đối với du khách, thái độ, trang phục của nhân viên bán hàng chưa chuyên nghiệp, gây ấn tượng không tốt đối với khách hàng.

3.1.4. Đặc điểm nguồn nhân lực phục vụ du lịch

Tại khu du lịch Hồ Núi Cốc hiện nay, số lao động làm việc thường xuyên (có hợp đồng) là 178 người. Bên cạnh đó còn có lực lượng lao động làm việc theo thời vụ (tùy theo số lượng khách), số lượng này có thể lên đến 250 người.

Trình độ chuyên môn của lực lượng lao động không cao. Có 10% trình độ đại học, 35% trình độ cao đẳng và trung cấp, số còn lại là lao động phổ thông, làm việc chủ yếu ở các bộ phận phục vụ.

Trình độ ngoại ngữ của đại bộ phận lao động thấp, chỉ có 12 hướng dẫn viên là có khả năng đáp ứng nhu cầu tiếp đón khách nước ngoài.

3.1.5. Hiện trạng khai thác các tuyến, điểm du lịch của khu vực Hồ Núi Cốc

Cho đến thời điểm hiện tại, du lịch Hồ Núi Cốc mới tập trung vào hai địa điểm chính: Khu du lịch Hồ Núi Cốc (thuộc địa phận xã Tân Thái, huyện Đại Từ) và khu du lịch Nam Phương (xã Phúc Trìu, TP Thái Nguyên) và các tuyến du lịch ngắm cảnh trên hồ kết hợp tham quan các đảo nổi bằng tàu du lịch.

Đối với địa điểm du lịch phía Bắc (Khu du lịch Hồ Núi Cốc), là khu vực được tập trung đầu tư mạnh về cơ sở hạ tầng, vật chất, phục vụ đa dạng các loại hình du lịch: nghỉ dưỡng, du ngoạn hồ, cắm trại, tắm hồ, tìm hiểu văn hóa bản địa, tham quan vườn thú và rất nhiều các loại hình dịch vụ giải trí khác... Đây là điểm tập trung khách chủ yếu, với đa dạng các thành phần khách và cũng là nguồn thu nhập chính của du lịch Hồ Núi Cốc.

Trong khi đó, Khu nghỉ dưỡng Nam Phương (nằm cạnh đập chính), vẫn chỉ ở dạng tiềm năng, khi mức độ đầu tư cũng như số lượng khách đến nơi đây vẫn còn hạn chế. Tại nơi đây mới chỉ có một số ít các nhà nghỉ mini, nhà hàng, phục vụ các món ăn đặc sản, các loại hình dịch vụ khác hầu như chưa có. Đối tượng khách đến với khu du lịch Nam Phương chủ yếu là những du khách có thu nhập cao (doanh nhân và khách nước ngoài), tuy nhiên, do số lượng hạn chế, thời gian

lưu lại ngắn nên thu nhập vẫn chưa đáng kể và chưa có sức hút đối với các nhà đầu tư.

Tuyến du lịch lòng hồ kết hợp tham quan đảo nổi bằng tàu du lịch, đây được đánh giá là tuyến du lịch có nhiều tiềm năng, tuy nhiên do chi phí cao so với đa phần khách du lịch đến với Hồ Núi Cốc nên số lượng khách tham gia tuyến du lịch này cũng rất hạn chế. Cho đến nay, Khu du lịch Hồ Núi Cốc đang khai thác 3 tuyến tham quan các đảo lòng hồ bằng tàu cao tốc và tàu thường:

Tuyến Khách sạn - Đảo Cò - Đền Bà Chúa thượng ngàn- Khách sạn.

Tuyến Khách sạn - Đảo Sim - Đảo Mâm xôi - Đảo hang Rắn - Đảo Long hội- đập chính.

Tuyến khách sạn Đảo Cò - Đảo Sim - Đảo văn hóa.

Thời gian mỗi tuyến khoảng 50 phút- 2,5 giờ.

Bên cạnh đó, tuyến du lịch theo tỉnh lộ 261 (ngã tư Phở Yên, thị trấn Đại Từ) cũng đã phân nào được khai thác. Nhưng quy mô và hiệu quả du lịch còn hết sức nhỏ bé. Các điểm du lịch nhiều tiềm năng như quần thể di tích Núi Văn, Núi Võ, hồ Vai Miếu mới chỉ được người dân địa phương và các xã lân cận biết tới và họ cũng chính là những du khách.

3.2. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH THEO NGUYÊN TẮC CỦA DU LỊCH SINH THÁI

3.2.1. Khả năng đáp ứng nhu cầu du khách

Chất lượng du lịch được thể hiện qua việc đáp ứng nhu cầu tham quan và các nhu cầu khác (nhu cầu chính đáng) của du khách. Vấn đề này được tổng hợp trên cơ sở điều tra ý kiến của du khách về: mức độ hài lòng và nhu cầu đối với các loại hình du lịch. Tuy nhiên, trên thực tế thì việc đánh giá, hỏi ý kiến của du khách nước ngoài gặp khó khăn do số lượng khách này quá ít. Do vậy, việc đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu du lịch, chúng ta chỉ phân tích ý kiến của khách du lịch nội địa

❖ *Mức độ hài lòng của khách du lịch (nội địa)*

Bảng 3.5: Mức độ hài lòng của khách du lịch nội địa

Mức độ	Số lượng (phiếu)	Tỉ lệ %
Hài lòng	9,0	9,3
Tương đối hài lòng	68,0	70,1
Bình thường	15,0	15,5
Tương đối thất vọng	3,0	3,1
Hoàn toàn thất vọng	2,0	2,0
Tổng số	97,0	100

Nguồn: Ban quản lý khu du lịch Hồ Núi Cốc, Thái Nguyên.

Như bảng trên cho chúng ta thấy mức độ hài lòng của khách du lịch khi đến Hồ Núi Cốc. Trong đó gần 80% khách được hỏi cảm thấy hài lòng và tương đối hài lòng, còn lại ở mức bình thường, tương đối thất vọng và thất vọng hoàn toàn. Có nhiều ý kiến thể hiện sự đánh giá về chất lượng du lịch chưa cao, giá cả các dịch vụ quá cao, còn nhiều loại phí trong khu du lịch (vé vào cửa, huyền thoại cung, động cổ tích - âm phủ, vườn thú, công viên nước, nhạc nước...). Lại có ý kiến bày tỏ sự thất vọng về cảnh quan tự nhiên, kiến trúc của khu dịch vụ, sự quá tải của các điểm dịch vụ, chất lượng môi trường, sự đơn điệu, chất lượng thấp của các mặt hàng được bày bán...

Có hai nhóm ý kiến thể hiện hai nhu cầu du lịch khác nhau, một nhóm quan tâm nhiều hơn đến việc thỏa mãn các dịch vụ du lịch (chiếm 60%), nhóm còn lại quan tâm đến kinh nghiệm du lịch và bảo vệ môi trường (chiếm 38%), còn lại khoảng 2% không có sự quan tâm đến những gì mình được thụ hưởng khi đi du lịch Hồ Núi Cốc.

❖ *Nhu cầu du lịch tại Hồ Núi Cốc*

Phần lớn khách du lịch đều thừa nhận rằng yếu tố hấp dẫn để đến thăm Hồ Núi Cốc là: Phong cảnh thiên nhiên; khí hậu trong lành, mát mẻ; tránh nơi ồn ào, đông đúc; các món đặc sản. Các yếu tố còn lại ít thu hút sự quan tâm của du khách (Tìm hiểu động - thực vật; tìm hiểu văn hóa bản địa; tham quan di tích lịch sử văn hóa; Kiến trúc khách sạn, nhà hàng; Các loại hình dịch vụ hấp dẫn; lí

do khác...). Yếu tố hấp dẫn du khách nhất là phong cảnh thiên nhiên, trời mây non nước Hồ Núi Cốc, nhưng thực tế khách du lịch đến Hồ Núi Cốc chỉ được ngắm Hồ từ trên bờ. Do vậy, cần có kế hoạch mở thêm nhiều tuyến du lịch ngắm hồ, với giá cả hợp lý để thu hút nhiều du khách hơn nữa đến với Hồ Núi Cốc.

3.2.2. Hoạt động giáo dục môi trường

Một trong những tiêu chuẩn để phân biệt Du lịch sinh thái với các loại hình du lịch thông thường khác, chính là đề cao vai trò giáo dục và thuyết minh về môi trường. Tiêu chuẩn này thể hiện ở chỗ, khách du lịch phải có được những thông tin khá đầy đủ và đảm bảo tính thực tế trước khi đến tham quan, được hướng dẫn, thuyết minh về môi trường thiên nhiên và các giá trị của khu vực diễn ra các hoạt động du lịch.

Đến nay, phần lớn khách du lịch đến với Hồ Núi Cốc đều không được cung cấp các thông tin chính và những hiểu biết cơ bản về khu vực hồ. Thông tin về Hồ Núi Cốc đến với du khách chủ yếu qua bạn bè, người thân bằng “truyền miệng” và một phần từ các phương tiện thông tin khác (báo chí, sách vở...), hay chính từ lần du lịch trước của du khách.

Các nguồn thông tin từ sơ đồ chỉ dẫn các tuyến điểm, điểm tham quan, các tờ gấp giới thiệu về khu du lịch còn rất hạn chế. Số lượng khách du lịch được biết thông tin từ sách hướng dẫn du lịch, quảng cáo chiếm một tỷ lệ nhỏ.

Mức độ đảm bảo yêu cầu giáo dục và thuyết minh môi trường trong hoạt động du lịch còn hạn chế nếu không muốn nói là chưa có. Trong thực tế cho thấy, trong chương trình tham quan tại các điểm, các tuyến du lịch trong khu vực hồ, đều không chứa đựng các nội dung diễn giải về môi trường nhằm nâng cao hiểu biết của du khách về môi trường nói chung cũng như giá trị đối với môi trường của Hồ Núi Cốc nói riêng.

Hiện trạng này do nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do tư duy của các nhà quản lý du lịch, trình độ của hướng dẫn viên. Họ chưa nhận thức được vai trò của các hoạt động diễn giải về môi trường đối với sự phát triển bền vững các nguồn tài nguyên du lịch, lợi nhuận thu được từ khả năng giảm chi phí cho việc khắc phục ô nhiễm môi trường tại các điểm du lịch. Mặt khác do cách nhìn nhận

du lịch sinh thái theo nghĩa hẹp, coi du lịch sinh thái như là một loại hình du lịch, đến những nơi thiên nhiên còn hoang sơ nên những nguyên tắc của Du lịch sinh thái không cần thực hiện, tại những mà tác động của con người giữ vai trò to lớn trong phạm vi du lịch Hồ Núi Cốc.

Về phía du khách, chủ yếu là dạng du lịch tự do, đi theo nhóm nhỏ, tự tổ chức, do vậy phần lớn không yêu cầu hướng dẫn viên. Đây cũng là vấn đề nan giải trong việc giải quyết mối quan hệ giữa yêu cầu giáo dục môi trường như là một nguyên tắc của du lịch hiện đại với nhu cầu du lịch thực tế của khách.

Ngoài ra, tính giáo dục môi trường còn hạn chế ở các phương tiện phục vụ thông tin du lịch cũng như nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho khách trên tuyến điểm tham quan. Các biển báo, chỉ dẫn còn ít hoặc mang tính sơ sài, chưa có tác dụng giáo dục cao.

3.2.3. Hỗ trợ cho công tác bảo tồn và duy trì hệ sinh thái

Hiện nay, một trong những bất cập lớn nhất đối với việc phát triển du lịch Hồ Núi Cốc nói chung và việc đảm bảo các nguyên tắc cơ bản của phát triển du lịch sinh thái nói riêng là sự có mặt của quá nhiều đơn vị quản lý thuộc các cơ quan chức năng khác nhau: các cơ quan chính quyền địa phương thuộc Thành Phố Thái Nguyên, huyện Đại Từ, Phổ Yên; Ban quản lý rừng phòng hộ Hồ Núi Cốc trực thuộc chi cục kiểm lâm Thái Nguyên; Trung tâm thủy sản Hồ Núi Cốc, Công ty thủy nông Hồ Núi Cốc thuộc Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn; Ban quản lý Hồ Núi Cốc thuộc sở Văn hóa - Thể thao & Du lịch; Công ty cổ phần khách sạn du lịch công đoàn Hồ Núi Cốc. Sự chồng chéo trong cơ chế quản lý khu vực hồ hiện nay, gây rào cản cho việc tái đầu tư vào duy trì bảo vệ các hệ sinh thái từ nguồn lợi du lịch. Bên cạnh đó thì việc thiếu một chính sách nhất quán với những quy định chặt chẽ về quyền lợi và trách nhiệm của các sở kinh doanh du lịch đối với môi trường hệ sinh thái Hồ Núi Cốc.

Thực tế cho thấy, trong những năm qua, mặc dù số lượng khách và doanh thu từ hoạt động du lịch đã tăng lên nhanh chóng, nhưng lợi nhuận từ hoạt động du lịch không có những đóng góp gì đáng kể cho công tác bảo vệ và duy trì hệ sinh thái trong khu vực. Đặc biệt là hệ sinh thái rừng tự nhiên và nhân sinh, hệ sinh

thái hồ. Trái lại, các hoạt động kinh doanh du lịch đang tạo một sức ép đáng kể cho hệ sinh thái này. Ví dụ như nguồn nước thải, chất thải từ các khu dịch vụ ăn uống, nghỉ dưỡng, sự tập trung đông du khách vào một số ít ngày (như: cuối tuần, ngày lễ, tết), việc xây dựng các công trình dịch vụ (nhà nghỉ, khách sạn...), mở các tuyến đường giao thông... đang gây tác động tiêu cực đến chất lượng các hệ sinh thái trong khu du lịch. Sự có mặt của khách du lịch đang tạo nên một thị trường sôi động, với các sản vật từ các hệ sinh thái ở địa phương cũng là một nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến các hệ sinh thái bản địa.

Hiện nay, nguồn tài chính phục vụ cho công tác bảo tồn và khôi phục các hệ sinh thái được lấy từ ngân sách của tỉnh, từ các dự án phục hồi và bảo vệ rừng trong nước và quốc tế như: dự án FAO (rừng PAM), dự án 327 của chính phủ...

3.2.4. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa cộng đồng

Khi nhắc đến cộng đồng là chúng ta nói đến một tập thể người định cư trên một lãnh thổ nhất định, với một ý chí và tình cảm chung được hình thành trong quá trình cùng sinh sống, lao động sản xuất. Cơ sở của tính cộng đồng chính là các hoạt động kinh tế của cộng đồng dân cư đó. Một trong những yếu tố cộng đồng đang được xem như là một nguồn tài nguyên du lịch đó chính là văn hóa - đây là một yếu tố thể hiện tổng hợp để nhận biết cộng đồng, hay nói cách khác, văn hóa là đặc tính riêng được hình thành trong quá trình phát triển của mỗi cộng đồng, yếu tố văn hóa được xem xét trên ba khía cạnh cơ bản là tộc người, tôn giáo - tín ngưỡng, hệ giá trị và các chuẩn mực.

Văn hóa bản địa là một trong những nguồn tài nguyên du lịch quan trọng, tuy nhiên có một nghịch lý mang tính phổ biến tại các điểm du lịch đó là, khi các hoạt động du lịch được phát triển mạnh thì những giá trị văn hóa bản địa thường bị mai một dần. Đặc biệt là các giá trị văn hóa phi vật thể, tồn tại dưới dạng phong tục tập quán, canh tác, sản xuất, sinh hoạt của cộng đồng dân cư địa phương. Đối với khu vực Hồ Núi Cốc, cho đến nay, văn hóa bản địa đã phần nào được khai thác để tạo nên một dạng sản phẩm du lịch đặc sắc, đó là việc xây dựng Động Chuyện tình ba cây Thông và Huyền thoại cung phụng theo nội dung các câu chuyện cổ tích của cư dân trong vùng. Đây là những địa điểm thu

hút rất đông khách du lịch. Đặc biệt là du khách nhỏ tuổi.

Tuy nhiên, xét trên phạm vi rộng thì những giá trị văn hóa bản địa của khu vực đang bị biến dạng. Do sức ép của nền kinh tế thị trường, những phương thức canh tác truyền thống đang được thay thế dần bằng những cách thức mới với sự tham gia nhiều hơn của các yếu tố kỹ thuật. Sự thay đổi đó góp phần tạo ra lượng sản phẩm lớn hơn, đời sống vật chất của người dân được nâng cao, kèm theo đó là sự thay đổi trong lối sống, sinh hoạt, các giá trị đạo đức truyền thống. Nhưng nhìn dưới góc độ của du lịch bảo tồn, thì đây là một hạn chế, việc thiếu một chiến lược quản lý cũng như những quy hoạch chi tiết đang làm suy giảm một dạng tài nguyên du lịch quan trọng của khu vực. Ví dụ điển hình như hiện nay là người dân Tân Cương không còn trồng và chế biến chè theo phương thức truyền thống nữa mà thay vào đó là các thiết bị công nghiệp, sản lượng chè làm ra lớn gấp nhiều lần trước đây, đời sống vật chất và tinh thần của người dân tăng nên đáng kể. Nhưng chúng ta không còn được chứng kiến cảnh hái chè bằng tay với những chiếc gùi sau lưng và hình ảnh xao chè bằng chiếc chảo gang nữa.

Nhìn chung các hoạt động du lịch trong khu vực chưa mang lại những lợi ích cần thiết để thuyết phục người dân địa phương duy trì những nét văn hóa truyền thống đó.

3.2.5. Tạo việc làm và hỗ trợ cộng đồng địa phương

Hoạt động du lịch đã mang lại lợi ích cho người dân địa phương. Tuy nhiên, lợi ích lớn nhất mà người dân địa phương được hưởng không phải là trực tiếp từ các hoạt động kinh doanh du lịch, mà là những lợi ích gián tiếp thông qua việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như: mở rộng, nâng cấp và xây dựng các tuyến giao thông (Tỉnh lộ 260, Tỉnh lộ 253), hệ thống điện, mạng lưới thông tin liên lạc... Từ đó tạo điều kiện cho các cư dân trong vùng mở rộng quy mô, đa dạng hóa ngành nghề sản xuất, nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm của nền kinh tế địa phương. Từ đó góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân địa phương.

Bên cạnh đó, sự có mặt của một lượng lớn khách du lịch và các hoạt động kinh doanh du lịch cũng tạo nên nhu cầu sử dụng lớn các sản phẩm, chủ yếu là

nông sản của địa phương. Tuy nhiên, lợi ích thu được từ thị trường này chưa cao, do chất lượng, chủng loại hàng nông sản ở nơi đây chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế của du khách., ngoại trừ các thủy sản đánh bắt từ hồ. Đối với mặt hàng lưu niệm, tuy nhu cầu và lượng tiêu thụ thực tế lớn nhưng nguồn lợi này không dành nhiều cho người dân bản địa, vì các sản phẩm đồ lưu niệm thường được đặt từ nơi khác. Tác động của hoạt động du lịch đến cộng đồng địa phương chủ yếu là tác động gián tiếp.

Về vấn đề tạo việc làm cho cộng đồng địa phương, du lịch Hồ Núi Cốc hiện nay cũng chưa mang lại lợi ích thiết thực. Trong tổng số gần 200 lao động làm việc thường xuyên trong khu vực Hồ Núi Cốc, mới có khoảng 15% số lao động là người địa phương. Những lao động này phần lớn là lao động phổ thông, làm việc tại các bộ phận: bảo vệ, vệ sinh môi trường, nhân viên phục vụ trong các cơ sở dịch vụ ăn uống, hướng dẫn viên trên tuyến du lịch lòng hồ, tham quan đảo nổi. Thu nhập của dạng lao động này thường thấp, mức độ rủi ro nghề nghiệp cao (dễ mất việc).

CHƯƠNG 4: ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI KHU VỰC HỒ NÚI CỐC

4.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DLST KHU VỰC HỒ NÚI CỐC

4.1.1. Cơ sở định hướng

a). *Bản chất của Du lịch sinh thái và quan điểm, phương hướng, mục tiêu chiến lược của du lịch Thái Nguyên*

Định hướng phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên đến năm 2015 và tầm nhìn chiến lược đến năm 2020 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt theo quyết định số 2493/QĐ – UBND ngày 07/11/2006. Quan điểm, phương hướng, mục tiêu chiến lược của du lịch Thái Nguyên được xác định như sau:

- Phát triển du lịch Thái Nguyên là sự nghiệp của toàn dân, có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, phải đạt hiệu quả trên nhiều mặt: kinh tế, văn hóa, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Hình thành các khu, điểm, tuyến du lịch với những sản phẩm đặc thù có lợi thế so sánh, khai thác tốt các tiềm năng du lịch vật thể và phi vật thể. Phấn đấu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng và là trung tâm du lịch của vùng núi phía Bắc.

- Quy hoạch phát triển du lịch gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái bền vững, khai thác các di sản văn hóa, cảnh quan thiên nhiên và môi trường sinh thái; gắn phát triển du lịch với việc gìn giữ phát huy truyền thống văn hóa chung của địa phương, đồng thời khai thác các di sản văn hóa, nghệ thuật có giá trị, giàu bản sắc dân tộc, các di tích lịch sử, các công trình văn hóa...Giữ vững định hướng du lịch văn hóa, lịch sử và Du lịch sinh thái nhằm đạt hiệu quả cao về kinh tế xã hội, văn hóa, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

- Mặt khác, chúng ta biết rằng Du lịch sinh thái là một quan điểm du lịch với mục tiêu bảo tồn và hỗ trợ cộng đồng trên cơ sở khai thác các điều kiện tự nhiên và văn hóa bản địa. Như vậy từ cách nhìn nhận Du lịch sinh thái như một loại hình du lịch, ngày nay du lịch sinh thái đã được xem như một quan điểm của du lịch hiện đại, mục tiêu của nó phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của toàn nhân loại.

Do vậy, việc phát triển du lịch sinh thái theo đúng ý nghĩa đích thực của nó là hình thức du lịch phù hợp với định hướng và chiến lược phát triển du lịch của tỉnh Thái Nguyên nói chung và Hồ Núi Cốc nói riêng.

b). Định hướng phát triển của khu vực Hồ Núi Cốc trong chiến lược phát triển của tỉnh Thái Nguyên

Trên cơ sở Thông báo số 40TB/TU ngày 22/06/2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về quy hoạch phát triển du lịch ở vùng Hồ Núi Cốc. Trong đó đặc biệt nhấn mạnh hướng phát triển Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, tham quan, giải trí của khu vực Hồ Núi Cốc. Tháng 12/2001 Sở Thương mại và Du lịch, nay là Sở Văn hóa - Thể thao & Du lịch Thái Nguyên đã chủ trì đề án “Quy hoạch chung khu vực Hồ Núi Cốc- tỉnh Thái Nguyên”, đã được ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt về cơ bản. Theo đó, Hồ Núi Cốc sẽ được quy hoạch trở thành trung tâm dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng, văn hóa, thể dục thể thao của tỉnh. Toàn bộ vùng du lịch này được chia thành 5 khu chức năng: Du lịch, thể thao, thương mại dịch vụ tổng hợp; khu giải trí, sân golf, du lịch sinh thái; trung tâm hành chính mới; khu đô thị và dịch vụ du lịch; khu lâm viên - rừng phòng hộ.

Theo quy hoạch này, Khu vực Hồ Núi Cốc sẽ trở thành đơn vị hành chính độc lập trực thuộc tỉnh Thái Nguyên. Khi đề án được phê duyệt chính thức sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thống nhất quản lý cũng như nâng cao hiệu quả kinh tế của các hoạt động dịch vụ du lịch và bảo vệ môi trường sinh thái trong khu vực.

Trong quy hoạch phát triển tổng thể du lịch Thái Nguyên, Hồ Núi Cốc được xác định là một trong bốn trọng điểm du lịch của tỉnh, bao gồm: Khu du lịch trung tâm Thành Phố Thái Nguyên; Khu du lịch Hồ Núi Cốc; Khu du lịch Đồng Hỷ- Võ Nhai; Khu du lịch Định Hóa- Phú Lương.

Mới đây theo chỉ thị số 19/CT - UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc tăng cường công tác quản lý quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết tại khu vực Hồ Núi Cốc. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã định hướng quy hoạch Khu vực Hồ Núi Cốc trở thành khu du lịch trọng điểm mang tầm quốc gia và khu vực. Đây thực sự là một cơ hội lớn nhưng cũng là thách

thức không nhỏ, đòi hỏi các nhà quản lý phải có một chiến lược phát triển du lịch một cách hợp lý, vừa đảm bảo các mục tiêu về kinh tế của du lịch, vừa đề cao trách nhiệm của du lịch trong bảo tồn và lợi ích cho cộng đồng địa phương. Chỉ có Du lịch sinh thái dưới góc độ một quan điểm của du lịch hiện đại mới đưa Du lịch Hồ Núi Cốc phát triển lên tầm cao mới.

Để đạt được mục tiêu phát triển như vậy, các cấp chính quyền của tỉnh đã và đang dành cho khu vực Hồ Núi Cốc nhiều cơ chế, chính sách ưu đãi, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ du lịch. Nhiều tuyến đường giao thông nối Hồ Núi Cốc với thành phố Thái Nguyên, với các huyện, các tuyến quốc lộ và mạng lưới giao thông nội vùng đã được mở rộng, nâng cấp, nhằm tăng khả năng liên kết, tạo thuận lợi để khai thác tối đa lợi thế của khu vực. Tỉnh đã phê duyệt nhiều dự án nghiên cứu cơ bản, chi tiết về Hồ Núi Cốc tạo cơ sở khoa học đúng đắn cho các quy hoạch phát triển của khu vực.

c). Vị trí của Hồ Núi Cốc trong mối liên hệ nội, ngoại vùng và khả năng phát triển Du lịch sinh thái

Khu vực Hồ Núi Cốc nói riêng và tỉnh Thái Nguyên nói chung, nằm trong bán kính 80 km của trung tâm Thủ đô Hà Nội, Đây đã trở thành một đô thị lớn, là trung tâm kinh tế, văn hóa- xã hội của đất nước, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Cùng với đó là nhu cầu về du lịch, nghỉ dưỡng ngày càng tăng và trở thành yếu tố không thể thiếu trong cuộc sống hiện đại. Đây được đánh giá là thị trường tiềm năng và quan trọng bậc nhất đối với du lịch Hồ Núi Cốc cũng như toàn tỉnh Thái Nguyên.

Bên cạnh đó, Thái nguyên, Vĩnh Phúc, Việt Trì, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hạ Long (Quảng Ninh) là dải vệ tinh xung quanh Hà Nội, đang được hưởng sức lan tỏa, phát triển sôi động của Thủ đô Hà Nội, trong những năm gần đây, tốc độ phát triển kinh tế, sức hút đối với các nhà đầu tư, chất lượng đời sống dân cư cũng đang tăng lên nhanh chóng. Đây cũng là nguồn khách nhiều tiềm năng đối với du lịch Thái Nguyên nói chung và Hồ Núi Cốc nói riêng. Thêm vào đó, hệ thống cơ sở vật chất đặc biệt là hạ tầng giao thông đang được ưu tiên đầu tư. Các tuyến đường nối các thành phố vệ tinh với thủ đô Hà Nội và giữa các đô thị với

nhau đang được đầu tư nâng cấp: Quốc lộ 18, Quốc lộ 37, Quốc lộ 2, Quốc lộ 3 mới. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phát triển kinh tế nói chung và du lịch nói riêng. Sự phát triển của giao thông góp phần làm giảm tương đối về khoảng cách giữa các điểm du lịch và nguồn khách du lịch, tăng sức hút của các địa điểm Thái Nguyên trong đó có Hồ Núi Cốc. Ngoài ra khu vực Hồ Núi Cốc còn có mối quan hệ với cảnh quan, môi trường sinh thái, du lịch, nghỉ dưỡng của Vườn Quốc gia Tam Đảo. Đây là tiền đề quan trọng để hình thành các tuyến Du lịch sinh thái liên vùng kết hợp hai dạng cảnh quan sinh thái hấp dẫn: núi rừng - hồ.

Trong mối quan hệ nội vùng, khu vực Hồ Núi Cốc chỉ cách thành phố Thái Nguyên - trung tâm kinh tế, văn hóa của tỉnh và cả vùng Việt Bắc 15 km về phía Tây - hướng phát triển chủ đạo của thành phố trong tương lai. Cách thị xã sông Công khoảng 20 km về phía Nam và Đông Nam với những cụm, khu công nghiệp. Đây là những đô thị đang phát triển khá mạnh, tạo nên tiềm năng rất lớn về nguồn khách đối với du lịch Hồ Núi Cốc. Bên cạnh đó, sự phát triển của các đô thị này còn góp phần tạo tiềm lực kinh tế cho tỉnh, tăng cường khả năng cải thiện cơ sở vật chất và thu hút đầu tư cho khu vực Hồ Núi Cốc.

Dự án bảo vệ tôn tạo khu di tích lịch sử văn hóa ATK (Định Hóa) đã được Chính phủ và Bộ Văn hóa Thông tin phê duyệt đầu tư. Đây là một khu du lịch hấp dẫn mang tầm quốc gia, với những di tích lịch sử văn hóa có giá trị cao, ghi dấu Bác Hồ lãnh đạo nhân dân ta tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp (1946- 1954), cùng với đó là một nền văn hóa bản địa đặc sắc. Nơi đây hứa hẹn sẽ là điểm thu hút rộng rãi khách du lịch trong và ngoài nước. Khu di tích ATK và khu vực Hồ Núi Cốc có mối liên hệ chặt chẽ với nhau thông qua các tuyến giao thông đã được nâng cấp, cải tạo (quốc lộ 3, quốc lộ 37, tỉnh lộ 261). Trên cơ sở đó sẽ tạo điều kiện thuận lợi để Hồ Núi Cốc phát triển đa dạng nguồn khách du lịch bằng việc khai thác các tuyến Du lịch sinh thái tìm hiểu lịch sử - khám phá tự nhiên hấp dẫn.

d). Tiềm năng và các vấn đề phát triển du lịch hiện tại của Hồ Núi Cốc

Các điều kiện về vị trí địa lý, nguồn tài nguyên tự nhiên, nhân văn được biểu

hiện cụ thể qua các hệ sinh thái đặc trưng trong khu vực là những cơ sở nền tảng cho việc tổ chức hoạt động Du lịch sinh thái.

Hiện trạng hoạt động Hồ Núi Cốc liên quan đến các khía cạnh giáo dục môi trường, bảo tồn, đóng góp lợi ích cho cộng đồng địa phương cũng như đảm bảo chất lượng du lịch chưa được nhận thức đúng đắn.

Hiệu quả và quy mô khai thác các dạng tài nguyên du lịch còn hạn chế, hiện nay hoạt động du lịch mới chỉ tập trung trong khu vực Hồ Núi Cốc với diện tích khoảng 75ha, và một phần hệ sinh thái hồ. Trong phần lớn diện tích mặt nước, các hệ sinh thái khác (rừng tự nhiên, rừng tái sinh, đồng ruộng) mới chỉ ở dạng tiềm năng đang gây nên sự lãng phí đáng tiếc.

Mặt khác, do sức ép của nền kinh tế thị trường, cùng với sự thiếu nhất quán trong quy hoạch, quản lý đã và đang làm suy giảm nghiêm trọng các nguồn tài nguyên du lịch trong khu vực. Lợi ích mang lại cho cộng đồng từ hoạt động du lịch còn thấp, chưa khuyến khích được cộng đồng địa phương tham gia vào việc phát triển, gìn giữ và bảo vệ các nguồn tài nguyên này. Đó là cơ hội để du lịch sinh thái nên được quan tâm khai thác trên cơ sở những lợi thế từ đặc điểm, nguyên tắc hoạt động của hình thức du lịch này.

4.1.2. Các định hướng chính

a). Định hướng phát triển Du lịch sinh thái

❖ Quan điểm định hướng

Phát triển Du lịch sinh thái trên cơ sở khai thác tổng hợp các điều kiện tự nhiên, nhân văn của khu vực nhằm tạo ra các sản phẩm du lịch sinh thái đặc trưng.

Phát triển Du lịch sinh thái tránh sự trùng lặp về cơ cấu các loại hình dịch vụ du lịch giữa các điểm du lịch trong khu vực.

Phát triển Du lịch sinh thái khu vực Hồ Núi Cốc trong mối liên hệ với các điểm, tuyến du lịch nội tỉnh, liên tỉnh, liên vùng và quốc tế.

Đặc biệt, coi trọng nguồn khách trong nước là chủ yếu, trong đó đặc biệt chú trọng khách từ Thành phố Thái Nguyên, Hà Nội và các tỉnh Đồng bằng sông Hồng. Đối với khách quốc tế, cần tập trung thu hút nguồn khách từ Trung Quốc

và các nước Đông Nam Á khác.

❖ *Các mục tiêu chung*

Thực tế vấn đề nảy sinh tại lãnh thổ du lịch cũng như bản thân khu du lịch Hồ Núi Cốc cho chúng ta thấy, các hoạt động du lịch không được quy hoạch, kiểm soát dưới các điều kiện nghiêm ngặt sẽ có nguy cơ phá vỡ cân bằng môi trường tự nhiên, xã hội, làm suy giảm giá trị của hệ thống tài nguyên du lịch trên phạm vi lãnh thổ đó.

Để khắc phục những bất cập hiện tại và đề phòng những nguy cơ có thể xảy ra đối với tương lai, việc hướng du lịch Hồ Núi Cốc sang hoạt động Du lịch sinh thái là rất cần thiết. Để làm được điều đó thì Du lịch sinh thái cần hướng vào các mục tiêu như sau:

- Thỏa mãn nhu cầu du lịch: Đó là các hoạt động giải trí ngoài trời, tham quan, học tập, nghiên cứu. Quan tâm đến thị trường khách nội địa, đặc biệt khách du lịch đến từ Hà Nội và các đô thị về tỉnh quanh Hà Nội.

- Đảm bảo mục tiêu bảo tồn trong hoạt động du lịch: mục tiêu bảo tồn và các khu ưu tiên bảo tồn phải được xác định rõ, giảm thiểu sức ép của du lịch số đông lên môi trường, đồng thời làm phong phú thêm các loại hình du lịch. Du lịch sinh thái phải được vận hành theo hướng cung cấp chứ không bị lái theo nhu cầu của nhiều loại khách du lịch khác nhau.

- Đảm bảo nhu cầu có chất lượng: Quan tâm đến công tác giáo dục, phát triển nguồn nhân lực có trình độ, cải thiện các dịch vụ du lịch phù hợp với Du lịch sinh thái. Đặc biệt quan tâm đến yếu tố giáo dục môi trường và quản lý tài nguyên du lịch. Hướng sự quan tâm của khách du lịch đến bảo vệ môi trường.

- Mục tiêu hỗ trợ cộng đồng: Động viên nhân dân địa phương tham gia trong quá trình quy hoạch, quản lý và thực hiện các dự án Du lịch sinh thái. Quan tâm đến nhu cầu cộng đồng bằng cách tạo cơ hội sử dụng lao động và các sản phẩm địa phương. Tạo điều kiện thu hút khách du lịch tìm hiểu đời sống, sinh hoạt sản xuất của người dân địa phương.

b). *Định hướng phát triển các tuyến Du lịch sinh thái khu vực Hồ Núi Cốc*

❖ *Tuyến Trung tâm Thành phố Thái Nguyên- Khu du lịch Hồ Núi Cốc- Núi*

Pháo- Khu di tích lịch sử 27-7

Tuyến du lịch này có lợi thế là trên cơ sở khai thác các dạng cảnh quan khác nhau tạo nên sự phong phú về sản phẩm du lịch.

Trung tâm Tp Thái Nguyên với nhiều điểm du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh hấp dẫn: Bảo tàng văn hóa các dân tộc Việt Bắc, Đền thờ Độ Cấn, Chùa Phủ Liễn, đền Xương Rồng... Mặt khác, Tp Thái Nguyên còn là một đầu mối giao thông, tập trung nhiều nhà nghỉ, khách sạn, nhà hàng phục vụ ăn uống, nhiều loại hình dịch vụ vui chơi giải trí từ bình dân đến cao cấp. Do vậy, đây được xem là đầu mối du lịch, một điểm trung chuyển, phân phối khách du lịch cho toàn tỉnh, trong đó có khu vực Hồ Núi Cốc.

Tuyến này có tổng chiều dài theo tuyến là 30km, thời gian dẫn tuyến là 2- 3 ngày:

Sáng (7h) xuất phát tại Tp Thái Nguyên, theo tỉnh lộ 253 (đường Quang Trung), đến ngã ba Đán rẽ hướng TL260 (đường Hồ Núi Cốc) 14km, hành trình này sẽ đưa ta rời xa dần không khí ồn ào, khói bụi của thành phố, đưa ta đến vùng ngoại ô với những cánh đồng lúa, những đồi chè xanh mơn mớn, bầu không khí trở nên thoáng đãng trong lành.

Khoảng 7h45', hiện ra trước mắt du khách là một vùng trời mây non nước hữu tình- Đó là Khu du lịch Hồ Núi Cốc với những khu nhà nghỉ, khách sạn nằm rải rác trên những sườn đồi hướng ra mặt hồ trong xanh lồng gió.

Sau khi nhận phòng và chuẩn bị hành trang, 8h30' du khách bắt đầu hành trình chinh phục Núi Pháo, sẽ mất khoảng 2- 3 giờ đồng hồ để du khách vượt qua quãng đường 5 km men theo suối Cái, xuyên qua các bản làng, những cánh đồng lúa, những nương chè. Du khách có cơ hội tìm hiểu cuộc sống thực tế của người dân địa phương. Đây thực sự là trải nghiệm quý giá, góp phần làm tăng vốn sống cho bản thân mỗi du khách.

Khoảng 11h30', du khách sẽ tiếp cận được chân Núi Pháo, nghỉ ngơi và ăn trưa dưới tán cây rừng, hoặc dùng bữa tại các quán lá nhỏ đơn sơ của người dân địa phương.

Chiều 13h, sẽ bắt đầu vào chặng leo núi đầu tiên để chinh phục ngọn núi cao

gần 500m. Trong suốt chặng leo núi sẽ có hướng dẫn viên du lịch, họ là người dẫn đường và cũng là chuyên gia thực sự về mảnh đất này.

Khoảng 4h30' chiều, du khách trở về khu du lịch Hồ Núi Cốc (du khách có thể tiếp tục đi bộ hoặc sử dụng các phương tiện cơ giới đi theo tuyến đường dân sinh- 3,5km). Nghi ngơi và dùng bữa với các món ăn đặc sản tại những nhà hàng sang trọng. Khi màn đêm buông xuống, sẽ có rất nhiều các loại hình dịch vụ để thỏa mãn các nhu cầu khác nhau của du khách. Nếu du khách là người không thích ồn ào, sôi động thì có một không gian yên tĩnh, thoáng đãng với những làn gió mát mẽ từ hồ đưa tới để du khách có thể ngồi nhâm nhi cà phê hay với một âm chè Tân Cương chính hiệu cùng vài ba người bạn và thưởng thức những bản nhạc nhẹ nhàng. Nếu du khách là người thích chỗ đông vui, nhộn nhịp thì sự sôi động của vũ trường là địa điểm lý tưởng, cạn một ly rượu mạnh, hòa mình vào những vũ điệu bốc lửa trong tiếng nhạc sà. Còn du khách là những học sinh, sinh viên thì quây quần bên đồng lửa trại, một vò Rượu Cần, cùng nắm tay nhau nhảy múa hát ca sẽ là những kỷ niệm khó phai của mỗi người.

Sáng hôm sau du khách xuống thuyền, thưởng ngoạn hồ, thăm các đảo nổi: đảo văn hóa- Núi Cái, đảo Cò, đảo Dê...mất 2 giờ đồng hồ để kết thúc hành trình. Trở về, du khách tiếp tục đi thăm huyện thoại cung, động thể giới âm phủ, công viên cá sấu, hay du khách có thể xua tan cái nóng bức bằng cách tắm mình trong làn nước mát lạnh của Hồ Núi Cốc...

Chiều lên xe đi thăm di tích lịch sử 27-7, địa điểm công bố ngày thương binh liệt sĩ, du khách thấp hương tưởng nhớ anh linh các liệt sĩ tại nhà tưởng niệm.

Trở về Tp Thái Nguyên theo quốc lộ 37, hoặc ngược lại tuyến tỉnh lộ 260. Nếu có nhiều thời gian chúng ta có thể ghé lại nhà máy chè Hoàng Bình, tham quan quy trình công nghệ chế biến chè theo quy mô công nghiệp, du khách có thể thưởng thức một vài loại chè và mua một vài hộp Chè làm quà.

❖ *Tuyến trung tâm thành phố Thái Nguyên- Làng nghề Tân Cương- Nam Hồ Núi Cốc- Núi Thần Lân*

Đây là tuyến du lịch sinh thái nhiều tiềm năng, với nhiều sản phẩm du lịch đặc trưng hấp dẫn, có thể khai thác cả bằng đường bộ và đường thủy.

Dời trung tâm thành phố Thái nguyên chừng 10km theo tỉnh lộ Đán- Núi Cốc (Đường Tân Cương), khoảng 30 phút sau đó du khách sẽ bắt gặp ngay trước mắt một màu xanh ngút ngàn của núi rừng, của những đôi chè đang đơm lộc biếc, những cánh đồng lúa chạy dọc theo những thung lũng nhỏ hẹp, những vườn cây ăn quả được xen canh với chè tạo nên một hệ sinh thái đồng ruộng đặc trưng và điển hình.

Điểm đến đầu tiên trong chuyến du lịch này là chùa làng Yna, dừng xe trên đường, du khách sẽ phải đi bộ khoảng 1km theo con đường dân sinh đã được trải bê tông. Chùa Yna tọa lạc trên ngọn đồi nằm giữa một cánh đồng lúa của xóm Yna- xã Tân Cương, khuôn viên của chùa rộng trên 3ha, với một tòa đại điện hướng về phía Đông, thờ phật Thích Ca, hai bên phải trái là gian thờ thần thánh các phương, phía sau là hậu điện. Sau khi thắp hương và ngắm cảnh chùa (khoảng 1- 1,5 giờ) du khách lên xe, tiếp tục cuộc hành trình hướng Núi Cốc.

Dời chùa Yna khoảng 2km, bỏ lại không khí trầm lắng của nơi linh thiêng, du khách có thể tìm thấy sự nhộn nhịp của miền sơn cước tại một phiên chợ quê (chợ Tân Cương, chợ Phúc Trìu), tại đây, du khách có thể tìm mua cho mình những sản phẩm đặc trưng của miền quê Thái Nguyên, những sản vật của núi rừng, sông hồ. Hoặc du khách có thể tự thưởng cho mình một tô Bún Diêu Cua, hay một đĩa bún đậu mắm tôm, vài củ khoai, bắp ngô nếp nướng...tại các quán ăn trong chợ, được xây dựng đơn sơ như chính mặt hàng bày bán. Chỉ cần mấy cọc tre, vài tàu lá cọ, vài bộ bàn ghế cũng hoàn toàn bằng tre là trở thành một “nhà hàng đặc sản” ở nơi đây. Dạo vui chợ quê khoảng 1- 1,5 tiếng, du khách tiếp tục tới một điểm du lịch hết sức thú vị trong tuyến- Đó là làng nghề chè truyền thống Tân Cương.

Tại làng nghề chè truyền thống, du khách sẽ được vào thăm một số hộ gia đình trồng chè, chứng kiến hoặc tham gia thu hái, chế biến chè theo phương pháp truyền thống, dưới sự hướng dẫn của các “*hướng dẫn viên không chuyên*”- những chủ nhân của vườn chè. Được thưởng thức những ấm chè Tân Cương ngay tại mảnh đất Tân Cương, và nghe các bậc trưởng bối trong làng giảng giải về cách thưởng thức chè, cách phân biệt chè ngon: Màu nước trà xanh, hương

cổm tự nhiên, khi uống cảm nhận thấy vị chát ở đầu lưỡi, vị ngọt nhẹ nhàng nơi cổ họng... và sau chuyến du lịch này du khách có thể sẽ trở thành những chuyên gia “thẩm trà” đích thực, có thể vững tin khi đứng trước bạn bè, đồng nghiệp để bàn về trà. Nếu có nhu cầu, du khách sẽ được mua chè đặc sản với giá gốc và chất lượng đảm bảo, với các món ăn dân dã được chế biến bằng nguyên liệu sẵn có.

Đầu giờ chiều du khách rời làng chè Tân Cương, lên khu Nam Phương, sau khi xe lăn bánh khoảng 15 phút, hiện ra trước mắt du khách là một đập nước dài gần 500m, cao 50m- đập chính của Hồ Núi Cốc, công trình thủy lợi lớn nhất tỉnh Thái Nguyên. Du khách đăng ký và nhận phòng tại các nhà nghỉ mini, mỗi nhà từ 2- 4 giường, nằm tương đối biệt lập nhau. Nghỉ ngơi và chuẩn bị tư trang xong, du khách xuống thuyền tham quan, khám phá lòng hồ, ghé thăm các đảo nổi: đảo Văn hóa, đảo Dê, đảo Cò... Nếu có thời gian, du khách sẽ được ghé lên khu du lịch phía Bắc với nhiều loại hình hấp dẫn. Còn nếu du khách bị hấp dẫn bởi thú vui câu cá thì đã có rất nhiều địa điểm lý tưởng để quý khách buông cần, thưởng gió với một âm trà mang hương vị của miền đất huyền thoại. Trở về từ chiếc “du thuyền” du khách có thể tắm mình trong làn nước trong xanh mát mẻ của hồ, xua đi hết những mệt nhọc của chuyến hành trình dài. Bữa tối đang chờ du khách cũng là một bất ngờ thú vị, một nhà hàng tương đối tiện nghi, những món ăn đặc sản được chế biến bởi bàn tay của những đầu bếp nổi tiếng của Thái Nguyên, nằm dưới tán cây rừng bên bờ hồ lồng gió.

Sáng hôm sau, du khách lên đường chinh phục dãy núi Thần Lăn, dãy núi nằm ở bờ Tây Hồ Núi Cốc, du khách có thể lựa chọn hai con đường để tiếp cận dãy núi này. Nếu đường bộ, du khách sẽ đi mất khoảng 10 - 15km đường rừng men theo bờ hồ, nhưng nếu du khách ngồi thuyền thì chỉ mất khoảng 30phút đã có thể tiếp cận chân núi. Tuy nhiên, trước khi bước vào chặng này, du khách phải chuẩn bị đầy đủ tư trang, vật dụng cần thiết, bởi khu vực này còn tương đối hoang sơ, không hề có bất kỳ loại hình dịch vụ nào. Nếu du khách không muốn mang vác những đồ đạc cồng kềnh, thì đã có những người dân địa phương sẵn sàng làm việc đó và kiêm thêm nhiệm vụ dẫn đường với giá cả hợp lý. Đỉnh núi

được chọn có độ cao gần 500m, sườn núi khá dốc, trung bình trên 30°, với hai hệ sinh thái rừng ưu thế là rừng trồng và rừng phục hồi tự nhiên.

Bữa ăn trưa của du khách sẽ là những đồ ăn nhẹ do du khách tự chuẩn bị và diễn ra ngay trên sườn núi, hoặc đỉnh núi. Nếu du khách là người thích phiêu lưu, mạo hiểm, thích cuộc sống tự nhiên thì có thể cắm trại nghỉ qua đêm. Sau khi xuống núi, du khách lên thuyền trở về khu Nam Phương và sau đó trả phòng, lên xe trở về thành phố Thái Nguyên.

Tuyến DLST này còn có thể được khai thác trên tuyến kênh chính của hồ, cũng xuất phát từ thành phố Thái Nguyên, theo hướng tỉnh lộ 253, nhưng đến cầu Đán, du khách xuống xe ô tô để lên những chiếc thuyền nhỏ, di chuyển dọc theo tuyến kênh dài 8km. Đây là con kênh thủy nông, được đào từ cuối những năm 70 của thế kỷ 20, là thành quả lao động của nhiều lớp cán bộ, sinh viên, bộ đội đóng trên địa bàn tỉnh. Chiều dài của tuyến kênh lên tới hơn 20 km, chiều rộng lòng kênh từ 6- 30m, sâu 2,5- 20m, tùy theo dạng địa hình mà nó cắt qua. Tuyến kênh dự kiến đưa vào khai thác du lịch có chiều dài hơn 8,5 km.

Nhìn chung các điểm du lịch trên tuyến kênh này cũng giống đường bộ, tuy nhiên, việc di chuyển trên một con kênh, có những đoạn hai sườn dốc đứng cao đến 20- 30m (đoạn ranh giới giữa xã Quyết Thắng và Phúc Trìu) cũng tạo cho du khách những cảm giác khác lạ.

❖ *Khu du lịch Nam Phương - Hồ Vai Miếu - Quần thể Núi Vãn, Núi Võ - Khu di tích 27/7 - Khu du lịch Hồ Núi Cốc*

Đây là tuyến du lịch có chiều dài tuyến lớn, cắt qua hầu hết các dạng cảnh quan chính, các địa điểm du lịch của khu vực, tuyến tạo thành một vòng tròn chạy quanh khu vực Hồ Núi Cốc.

Xuất phát từ khu Nam Phương, ngược lại theo tỉnh lộ 253 khoảng 1km, du khách sẽ sang hướng Nam, vượt qua sông Công về địa phận xã Phúc Tân (Phổ Yên). Phương tiện giao thông tốt nhất là những chiếc xe ôm, do chính người dân địa phương điều khiển. Đoạn đường từ khu Nam Phương đến Hồ Vai Miếu tương đối hiểm trở, chất lượng đường xấu, chủ yếu là đường đất. Trên những đoạn đường này, chúng ta bắt gặp hầu hết những hệ sinh thái điển hình của khu

vực: Hệ sinh thái đồng ruộng với chè và lúa; hệ sinh thái rừng trồng; hệ sinh thái rừng phục hồi tự nhiên,... với những địa danh: Hom Giỏ, Khe Lim... Đường này giao với tỉnh lộ 261 tại thị trấn Quân Chu. Tuyến đường này đang được nâng cấp, tuy nhiên còn nhiều đoạn chưa có cầu. Sau đó tiếp tục đi về hướng Đại Từ khoảng 10 km, du khách sẽ đến một điểm DLST rất thú vị, đó là hồ Vai Miếu (thuộc địa phận xã Phú Ký- Đại Từ). Du khách dùng bữa trưa tại đây. Buổi chiều Du khách lên những con thuyền nan du ngoạn ngắm cảnh hồ, khám phá những nét kỳ diệu của thiên nhiên ban tặng cho vùng đất này. Du khách có thể tham gia những cuộc leo núi khám phá tự nhiên tại VQG Tam Đảo, để tham gia loại hình du lịch này, du khách phải chuẩn bị đầy đủ tư trang vật dụng cần thiết và quan trọng nhất là phải có sức khỏe tốt. Nếu không, du khách có thể tham gia các loại hình du lịch khác như: câu cá, tắm hồ, chèo thuyền du ngoạn... Buổi tối, du khách sẽ nghỉ ngơi và dùng bữa tại các nhà nghỉ bình dân, hoặc ở cùng các hộ gia đình xung quanh hồ.

Sáng hôm sau, du khách lên xe ô tô đi tham quan quần thể di tích lịch sử cấp quốc gia Núi Vắn, Núi Võ - di tích gắn liền với tên tuổi vị danh tướng thời Lê Sơ - Lưu nhân Chú. Đến nơi đây, du khách có cơ hội để hiểu biết thêm về một giai đoạn hào hùng trong lịch sử dân tộc, được thấp nhang tưởng nhớ vị anh hùng dân tộc, người con kiệt suất của núi rừng Thái Nguyên, tại ngôi miếu nhỏ đặt dưới chân hai ngọn núi nổi tiếng. Ngoài ra du khách còn được thăm những địa điểm nổi tiếng khác: bãi Quần Ngựa, núi Xem hay núi Cẩm Cờ- những di tích gắn liền với những tháng ngày luyện tập gian khổ của nghĩa quân Lam Sơn thuở nào. Nếu đến Núi Vắn, Núi Võ vào dịp mừng 4, mừng 5, tháng 2 âm lịch, du khách sẽ được tham dự lễ hội cùng tên, do nhân dân địa phương tổ chức để tưởng nhớ người anh hùng Lưu Nhân Chú. Lễ hội diễn ra với đầy đủ nghi lễ: rước kiệu, tế, và nhiều trò chơi dân gian, nhiều tích chuyện...

Rời quần thể Núi Vắn, Núi Võ về phía tây khoảng 3km, du khách đến thăm làng nghề truyền thống Mây tre đan thuộc địa phận xã Văn Yên- huyện Đại Từ. Tại đây, du khách có thể mua cho mình những vật dụng bằng mây, tre, trúc,...rất tinh xảo và đẹp mắt: chuông gió, lẵng hoa, mũ nan, giỏ hoa, túi sách,...Những

vật dụng này được làm thủ công, từ nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương, bằng những bàn tay khéo léo của những nghệ nhân trong làng. Đến thăm từng hộ sản xuất, tìm hiểu cuộc sống, sinh hoạt của người dân địa phương, nếu có thời gian, du khách có thể ở lại để được các nghệ nhân giảng giải những nguyên tắc cơ bản trong nghề đan lát, và biết đâu du khách có thể tự làm cho mình một món đồ xinh xắn.

Tham quan làng nghề trong khoảng 1- 2 giờ, sau đó du khách lên ô tô trở lại tỉnh lộ 261, và tiếp tục hành trình đến khu di tích lịch sử 27-7 tại xã Hùng Sơn (huyện Đại Từ), cách địa điểm Núi Vãn, Núi Vỡ khoảng 15 km về phía Bắc. Đây là khu di tích lịch sử cấp quốc gia được quy hoạch khá quy mô. Tại đây, du khách sẽ vào thắp hương trong nhà tưởng niệm, chụp ảnh, vẽ cảnh... khoảng 1 giờ đồng hồ.

Buổi trưa, du khách đến khu du lịch Hồ Núi Cốc, nhận phòng, dùng bữa trưa. Tại đây sẽ có rất nhiều dịch vụ vui chơi giải trí, du lịch hấp dẫn đang chờ du khách.

c). Định hướng phát triển Du lịch sinh thái Hồ Núi Cốc trong mối liên hệ với các điểm, tuyến du lịch nội tỉnh, liên tỉnh, liên vùng và quốc tế

❖ *Các điểm, khu du lịch nội tỉnh*

Du lịch phải được bố trí, tổ chức ở nơi có tiềm năng du lịch đặc sắc của địa phương, với các tiêu chí: mật độ di tích, danh thắng có thể khai thác, yếu tố hạ tầng kỹ thuật sẵn có, hoặc được xây dựng phục vụ du lịch. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, bên cạnh khu vực Hồ Núi Cốc, có thể chia thành 4 khu du lịch với những thế mạnh khác nhau.

• *Khu du lịch đô thị Thành phố Thái Nguyên*

Đây là khu vực có mật độ tài nguyên du lịch khá lớn, với các điểm du lịch chính như: Khu bảo tàng văn hóa các dân tộc Việt Nam; Di tích lịch sử đò Đội Cấn ven sông Cầu và công viên; các điểm vui chơi văn hóa thể thao trung tâm; Khu Du lịch sinh thái Lương Sơn; các đền chùa (Xương Rồng, Đền Ông, Chùa Phủ Liễu, chùa Đồng Mỗ); các nhà máy xí nghiệp, khu công nghiệp Gang thép Thái nguyên;... Các sản phẩm du lịch đặc trưng: du lịch văn hóa, tâm linh, tham

quan, thể thao, vui chơi giải trí...

- *Khu du lịch Định Hóa, Phú Lương*

Bao gồm huyện Định Hóa và Phú Lương, cách thành phố Thái Nguyên 50 km về phía Tây Bắc. Tại huyện Định Hóa, chủ yếu là các di tích lịch sử cách mạng thời kháng chiến chống Pháp (1945- 1954) như: nơi ở và làm việc của Bác Hồ, các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh, Tôn Đức Thắng, các cơ quan cục điện ảnh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam (xã Diêm Mạc), Nhà bảo tàng văn hóa lán Bác Hồ ở Tỉn Keo, Khuôn Tát, Di tích hầm làm việc của Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo Đảng, nhà nước, quân đội (xã Phú Đình); các vị trí cơ quan Tổng cục Hậu cần, Tổng cục chính trị, Bộ tổng tham mưu (xã Định Biên); nhà tù Chợ Chu...

Tại huyện Phú Lương, địa bàn hoạt động du lịch là các chùa, đền: Đền Đuôm (thờ thánh Đuôm Dương Tự Minh), Đền Ông, Đền Bà.

Sản phẩm du lịch đặc trưng của khu vực là: du lịch tham quan các di tích lịch sử cách mạng, các danh thắng, nghiên cứu văn hóa dân tộc.

- *Điểm du lịch Đồng Hỷ, Võ Nhai*

Gồm hai huyện Đồng Hỷ và Võ Nhai, nằm về phía Bắc và Đông Bắc thành phố Thái Nguyên, địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu là:

- Khu vực hang Phụng Hoàng: thuộc Nà Pheo xã Phú Thượng (Võ Nhai), cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 47km theo hướng quốc lộ 1B. Là nơi có nhiều thắng cảnh tự nhiên hấp dẫn, hang Phụng Hoàng; suối Mỏ Gà; hang Huyện; rừng Khuôn Mánh; khu khảo cổ học Thần Sa; chùa Hoài; làng văn hóa người Dao.

- Khu vực chùa Hang: thuộc thị trấn chùa Hang, lấy chùa Hang làm trung tâm tạo quần thể du lịch gồm: Đài tưởng niệm liệt sĩ, khu văn hóa thể thao, chùa Hàng, núi Voi, hang Doi, hang Leo, hang Le. Suối Tiên- hang Chùa (xã Văn Lãng).

Sản phẩm du lịch đặc trưng là: du lịch thể thao, vui chơi giải trí (leo núi, tắm suối...), du lịch tham quan thắng cảnh thiên nhiên (hang động,...), du lịch văn hóa dân tộc.

- *Khu vực phía Nam thành phố Thái Nguyên.*

Gồm các huyện Phú Bình, Phổ Yên và thị xã Sông Công, thế mạnh du lịch nổi bật ở khu vực này là truyền thống văn hóa lâu đời của cộng đồng dân cư bản địa, với những giá trị vật thể và phi vật thể, tiêu biểu là hệ thống đình, chùa: Đình Hộ Lệnh (Điềm Thụy - Phú Bình), Đình Phương Độ, Đình Xuân La (Xuân Phương - Phú Bình), Đền Giá (Đông Cao - Phổ Yên), Đền Lục Giáp (Đắc Sơn - Phổ Yên)... Bên cạnh đó, còn có một số điểm du lịch tự nhiên: hồ Suối Lạnh, đồi Thông Vân Thượng (Phổ Yên), điểm du lịch núi Tảo, đập Gành Chè (thị xã Sông Công).

- ❖ *Các tuyến du lịch nội tỉnh, liên tỉnh và quốc tế.*

- *Tuyến nội tỉnh.*

- Tuyến Phổ Yên - Thành phố Thái Nguyên - Hồ Núi Cốc - ATK Định Hóa. Với các sản phẩm du lịch sinh thái đặc trưng: du lịch lễ hội truyền thống, du lịch tâm linh (đền, chùa...), leo núi, bơi thuyền, cắm trại, khám phá tự nhiên, tham quan, học tập, nghiên cứu lịch sử.

- Tuyến thành phố Thái Nguyên - Hồ Núi Cốc - Động Cửa Tử - Thác Tiên (La Bằng - Đại Từ) - Làng nghề chè truyền thống Tân Cương.

- Tuyến Hồ Núi Cốc - Tp Thái Nguyên - Chùa Hang (Đồng Hỷ) - hang Phượng Hoàng, suối Mỏ Gà - hang Huyện - rừng Khuôn Mảnh - Khu khảo cổ học Thần Sa (Võ Nhai) - có chương trình tham quan Du lịch làng văn hóa các dân tộc thiểu số (Võ Nhai).

- Tp Thái Nguyên - Hồ Núi Cốc - Đền Đuổm (Phú Lương) - ATK Định Hóa (Võ Nhai).

- Tuyến Hồ Núi Cốc- hang Bụt (xã La Hiên) - hang Phượng Hoàng, suối Mỏ Gà- Mái đá Ngườm (Thần Sa) - thác Nậm Dút.

- *Tuyến ngoại tỉnh liên kết với nội tỉnh*

- Tuyến Hà Nội (hoặc các tỉnh đồng bằng sông Hồng, các tỉnh phía Nam) - Tp Thái Nguyên - Hồ Núi Cốc - Tân Trào (Tuyên Quang).

- Tuyến Hà Nội (hoặc các tỉnh đồng bằng sông Hồng, các tỉnh phía Nam) - Tp Thái Nguyên - Đền Đuổm (Phú Lương) - ATK Định Hóa - Hồ Núi Cốc.

- Tuyên Hà Nội (hoặc các tỉnh đồng bằng sông Hồng, các tỉnh phía Nam) - Tp Thái Nguyên - Chùa Hang (Đồng Hỷ)- hang Phượng Hoàng, suối Mỏ Gà-rừng Khuôn Mánh- Khu khảo cổ học Thần Sa (Võ Nai)- Lạng Sơn (Tam Thanh, Nhị Thanh, cửa khẩu...)

- *Các tuyến du lịch quốc tế gắn với Thái Nguyên (Hồ Núi Cốc)*

- Trung Quốc - Thị xã Cao Bằng - Bắc Cạn (Hồ Ba Bể, VQG) - Thái Nguyên (Hồ Núi Cốc) - Lạng Sơn - Trung Quốc.

- Trung Quốc - Lào Cai - Hà Nội - Thái Nguyên - Tuyên Quang - Hà Giang - Trung Quốc.

4.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI KHU VỰC HỒ NÚI CỐC

4.2.1. Giải pháp về cơ chế chính sách, đầu tư

Một trong những bất cập lớn nhất hiện nay đối với phát triển DLST trong khu vực Hồ Núi Cốc là sự chồng chéo trong quản lý. Về mặt hành chính, hiện nay khu vực Hồ Núi Cốc thuộc sự quản lý của Tp Thái Nguyên (3 xã), Đại Từ (8 xã), Phổ Yên (1 xã).

Về tài nguyên rừng: được chia thành hai loại là rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Rừng phòng hộ thuộc sự quản lý của Ban Quản lý rừng phòng hộ khu vực Hồ Núi Cốc, trực thuộc Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn. Trong đó rừng sản xuất lại thuộc sự quản lý của chính quyền địa phương của Tp Thái Nguyên, huyện Đại Từ và huyện Phổ Yên.

Về diện tích mặt hồ, hiện nay có hai đơn vị đồng quản lý: Ban quản lý Hồ Núi Cốc trực thuộc Sở Văn hóa - Thể thao và Du Lịch; Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn (với hai đơn vị: Trung tâm thủy sản và Trung tâm thủy lợi).

Với thực tế quản lý như trên, rất khó để Hồ Núi Cốc có thể có được những chính sách đồng bộ, nhằm tạo nên một cơ chế chính sách rộng mở đối với việc thu hút đầu tư vào khu vực.

Vì vậy giải pháp để giải quyết vấn đề này là- thành lập một đơn vị hành chính độc lập trực thuộc tỉnh Thái Nguyên, chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ khu vực Hồ Núi Cốc. Việc này tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện thống nhất

quản lý hành chính đối với tất cả các lĩnh vực, các nguồn tài nguyên, các định hướng phát triển, trong đó có phát triển DLST. Bên cạnh đó, sự thống nhất về quản lý hành chính còn là tiền đề quan trọng để đảm bảo các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động DLST.

Khu vực Hồ Núi Cốc nằm trên địa phận các xã vùng sâu, vùng khó khăn của Tp Thái Nguyên, huyện Đại Từ và huyện Phổ Yên. Nhìn chung nguồn lực phát triển kinh tế của địa phương còn nhiều hạn chế, nông nghiệp vẫn là hoạt động kinh tế chính và là nguồn sống chủ yếu của phần lớn cư dân. Do vậy việc phát triển DLST trong vùng là một hướng đi phù hợp, có thể khai thác hiệu quả các lợi thế về tự nhiên và nhân văn, nhằm mục tiêu cải thiện, nâng cao đời sống nhân dân. Tuy nhiên, khả năng đầu tư phát triển du lịch từ nguồn ngân sách địa phương là không thể. Nên tỉnh cần có chính sách huy động tổng hợp mọi nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực du lịch.

Để thực hiện mục tiêu trên, tỉnh cần có những chính sách cụ thể như: giảm tiền thuê đất (miễn trong khoảng thời gian nhất định), lùi thời hạn phải nộp thuế đối với các chủ đầu tư, các doanh nghiệp kinh doanh du lịch.

Đầu tư mạnh hơn nữa vào việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng: đường giao thông, điện lưới, thông tin liên lạc...từ nguồn ngân sách của tỉnh và xin cấp từ trung ương hay nguồn vốn vay.

Tỉnh cần chủ động trong việc xúc tiến quảng bá hình ảnh Hồ Núi Cốc với bên ngoài, tạo nên các kênh thông tin chính thức về chủ trương kêu gọi đầu tư, và các chính sách ưu đãi, cũng như lợi thế to lớn về tự nhiên và nhân văn của khu vực Hồ Núi Cốc cho phát triển du lịch.

Cần tạo điều kiện, hỗ trợ tích cực cho các chủ đầu tư về cơ sở pháp lý trong quá trình triển khai dự án như: giải pháp mặt bằng, đào tạo nguồn nhân lực,...

Trước hết cần phải quy hoạch chi tiết đối với việc phát triển DLST trong khu vực, trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên, nhằm tránh chồng chéo gây lãng phí không cần thiết.

Tuy vậy, tất cả các chính sách nhằm phát triển DLST tại Khu vực Hồ Núi Cốc luôn phải đảm bảo các nguyên tắc của DLST, nhằm thực hiện mục tiêu phát

triển bền vững. Xử lý nghiêm các trường hợp sai phạm gây ảnh hưởng đến hoạt động du lịch và bảo tồn thiên nhiên...

4.2.2. Giải pháp về đào tạo và nâng cao nguồn lực phát triển DLST

a). Tăng cường cơ sở vật chất cho các điểm, tuyến du lịch phù hợp với DLST

Tăng cường cơ sở vật chất cho các điểm, tuyến du lịch phù hợp với DLST là việc làm cần thiết nhằm nâng cao hình ảnh du lịch Hồ Núi Cốc, tạo tiền đề thuận lợi để khai thác tối đa các nguồn lực DLST của khu vực.

Trên phạm vi toàn tỉnh, nhiệm vụ cấp bách là kêu gọi đầu tư, tìm nguồn vốn để khai thác và đẩy nhanh tiến độ hoàn thành xây dựng tuyến đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, tăng sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư.

Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông quan trọng: quốc lộ 37, TL 253, TL 261, TL 262. Bê tông hóa các tuyến đường liên xã và dân sinh.

❖ Tại điểm du lịch sinh thái Núi Pháo

Xây dựng các tuyến đường mòn men theo bờ suối Cái đến chân núi Pháo. Vận động một số hộ dân sinh sống gần suối không xả trực tiếp nước thải và các chất thải xuống suối. Xây dựng một số điểm dừng chân trên tuyến, với những quán hàng nhỏ được thiết kế hợp với khung cảnh tự nhiên, sử dụng các loại vật liệu lấy từ thiên nhiên: tre, lú, cọ, rơm, rạ...

Xây dựng một số nhà nghỉ mini, nhà hàng phục vụ ăn uống, một khu trưng bày, bán đồ lưu niệm tại chân núi Pháo.

Xây dựng một số điểm nghỉ ngơi, dừng chân trên các đỉnh thuộc dãy núi Pháo.

❖ Tại khu du lịch Hồ Núi Cốc

Xây dựng và mở rộng thêm các cơ sở lưu trú và dịch vụ phụ trợ phục vụ khách du lịch: các khách sạn, nhà hàng, các quán giải khát, phong chiếu phim...

Cải tạo, nâng cấp, mở rộng bến tàu phục vụ khách tham quan lòng hồ và loại hình du lịch chèo thuyền.

Xây dựng sân golf mini 18 lỗ, bãi tắm nhân tạo.

Tăng cường hệ thống biển báo, chỉ dẫn, panô... với nội dung giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho du khách...

Xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch và xử lý nước thải từ các hoạt động dịch vụ du lịch.

❖ *Tại khu Nam Phương*

Xây dựng thêm các khách sạn, nhà hàng với quy mô vừa, hài hòa với cảnh quan tự nhiên phục vụ khách du lịch trong nước và khách du lịch quốc tế có thu nhập cao, với đủ các loại hình dịch vụ: sân bãi thể thao, hội trường (phục vụ hội nghị, hội thảo), bãi tắm, bến thuyền...

Xây dựng hệ thống kê dọc bờ hồ, có trồng cây xanh lấy bóng mát và các điểm nghỉ chân dọc bờ đường.

Xây dựng trường đua ngựa với các hạng mục: khu vực huấn luyện, nuôi dưỡng ngựa, khu vực điều hành quản lý trường đua; Nhà nghỉ (50 buồng) với đầy đủ tiện nghi.

Quy hoạch một số bãi đất rộng phục vụ du khách cắm trại, dã ngoại, một số điểm (lều- chòi) câu cá...

Xây dựng khu trưng bày và bán đồ lưu niệm, các sản phẩm của nền kinh tế địa phương: chè, mây tre đan, và các loại nông lâm sản khác...

❖ *Tại điểm du lịch làng nghề Chè truyền thống Tân Cương*

Quy hoạch một số hộ dân sản xuất Chè theo hướng phát triển DLST: Duy trì phương pháp thu hoạch và chế biến Chè theo kiểu truyền thống, xây dựng các điểm nghỉ chân, các quán ăn với quy mô nhỏ nằm trong ngay khuôn viên của các hộ gia đình.

Xây dựng đường lên chùa Yna bằng các bậc đá thay thế cho bậc làm bằng gạch hiện nay, tăng cường hệ thống cây xanh xung quanh chùa, hoàn thiện nhà thờ Gò Pháo mới, kết hợp xây dựng các cảnh quan phụ trợ: vườn hoa, cây cảnh...

Cải tạo, nâng cấp chợ Tân Cương, Phúc Trìu đặc biệt chú ý vấn đề vệ sinh môi trường. Tăng cường công tác quản lý, tách riêng khu buôn bán các mặt hàng tươi sống, chú ý khai thác đối tượng khách DLST.

Trên tuyến kênh Đán - Núi Cốc: tăng cường hệ thống cây xanh dọc bờ kênh, đặc biệt chú ý loại cây có hoa đẹp. Xây dựng mới các cây cầu dân sinh bắc

ngang dòng kênh, theo kiến trúc phù hợp, vừa tạo khả năng lưu thông, vừa tạo nên những kiến trúc độc đáo thu hút du khách. Tại chợ Phúc Trìu, cần xây dựng một trạm dừng, để du khách có thể tham quan chợ, mua sắm và du lịch làng nghề Chè truyền thống. Tại chân đập chính cũng cần xây dựng một bến thuyền, đủ chỗ cho khoảng 15 thuyền một lượt.

❖ *Tại điểm du lịch núi Thần Lăn*

Xây dựng một số cơ sở lưu trú, nhà hàng với quy mô nhỏ, đảm bảo thiết kế phù hợp với cảnh quan chung của khu vực.

Xây dựng đường mòn ven theo bờ hồ nối từ khu Nam Phương tới Cầu Đất (chân núi Thần Lăn), một bến thuyền cho phép thuyền cao tốc có thể tiếp cận.

Xây dựng các điểm nghỉ chân dọc tuyến đường lên đỉnh núi (chú ý vệ sinh môi trường). Phủ sóng điện thoại di động cho khu vực.

❖ *Tại điểm du lịch Hồ Vai Miếu*

Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường từ tỉnh lộ 261 vào chân đập, trồng cây xanh hai bên đường.

Xây dựng hệ thống nhà nghỉ, nhà hàng ăn uống quy mô vừa và nhỏ tại khu vực phía cuối chân đập (ngoài phạm vi vườn Quốc gia).

Xây dựng bãi tắm mini, lều câu, thay thế các thuyền máy bằng thuyền mái chèo tay để tránh những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, hệ sinh thái của hồ. Đầu tư thiết bị phục vụ loại hình du lịch thể thao, chèo thuyền.

Cải tạo, trùng tu ngôi miếu cổ dưới chân đập.

❖ *Tại điểm du lịch Núi Vắn, Núi Võ*

Xây dựng lại ngôi miếu thờ vị danh tướng Lưu Nhân Chú, tại chân hai ngọn núi (Núi Vắn, Núi Võ) có kiến trúc hài hòa với cảnh quan tự nhiên.

Xây dựng một nhà bảo tàng để lưu giữ, trưng bày những tư liệu lịch sử, những huyền thoại về cuộc đời và chiến công của người anh hùng Lưu Nhân Chú nói riêng và toàn bộ cuộc kháng chiến chống giặc Minh thế kỷ 15 của dân tộc ta.

Tăng cường diện tích cây xanh xung quanh khu vực hai ngọn núi, đồng thời di dời một số hộ dân ra khỏi sườn Bắc của núi Võ để tạo cảnh quan trang nghiêm cho một vùng di tích lịch sử đã được nhà nước xếp hạng.

b). Bảo vệ, tôn tạo, nâng cao chất lượng các loại tài nguyên DLST trong khu vực

❖ *Đối với tài nguyên văn hóa bản địa*

Những phong tục tập quán, sinh hoạt, sản xuất, những tác phẩm văn học, những lễ hội dân gian... cần có kế hoạch, biện pháp phù hợp để duy trì, và không ngừng làm phong phú thêm các giá trị này, tránh sự mai một, biến dạng.

Tiêu biểu như các lễ hội dân gian, hội chùa... đây là một hoạt động tinh thần, tín ngưỡng truyền thống của dân tộc, nhưng trong một thời gian dài do điều kiện kinh tế nên đã không được tổ chức, vì vậy những nghi lễ, cách thức đã bị mai một. Để duy trì và khai thác hoạt động văn hóa này vào mục đích du lịch, ngành văn hóa của tỉnh cần bồi dưỡng, cung cấp kiến thức cần thiết cho những người có trách nhiệm tại địa phương, để đưa lễ hội dân gian trong khu vực thực sự trở thành một loại tài nguyên du lịch. Cần tổ chức sưu tầm, phục dựng những tích truyện, những trò chơi dân gian vẫn còn lưu truyền trong cộng đồng, nhằm làm phong phú thêm nội dung của các lễ hội. Các lễ hội nên được tổ chức luân phiên, để tăng thời gian đón khách đến với hoạt động văn hóa này.

Du lịch chữa bệnh dựa trên nguồn dược liệu và bài thuốc dân gian của các đồng bào dân tộc ít người là một hướng đi quan trọng. Nhưng để tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cũng như tạo dựng lòng tin đối với du khách, các cơ quan chức năng (Sở Y tế) cần tổ chức nghiên cứu, kiểm tra và cấp chứng chỉ hoạt động đối với loại hình du lịch chữa bệnh.

Phương thức canh tác, thu hoạch và chế biến Chè theo kiểu truyền thống đang được xem là một loại tài nguyên DLST quan trọng. Nhưng trước những tác động của nền kinh tế thị trường, sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, hoạt động sản xuất sẽ phải thay đổi theo hướng hiện đại để mang lại nhiều sản phẩm và giá trị kinh tế cao hơn. Vì vậy, muốn duy trì phương thức sản xuất truyền thống đồng thời đảm bảo lợi ích kinh tế cho các hộ nông dân, các nhà quản lý du lịch cần phải có những quy hoạch chi tiết với từng hộ gia đình, cung cấp cho họ những kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để tổ chức hoạt động DLST. Lợi ích từ hoạt động DLST mà các hộ này được hưởng phải lớn hơn giá trị do việc thay đổi phương

thức sản xuất mang lại.

Đối với các công trình kiến trúc (đình, chùa, đền, miếu, nhà thờ...), di tích lịch sử cần có kế hoạch trùng tu, tôn tạo, mở rộng với kiến trúc phù hợp. Xây dựng các vành đai (vùng đệm) có diện tích hợp lý bao quanh, tạo cảnh quan hấp dẫn du khách: di dời các nhà dân ở gần, trồng cây xanh tạo bóng mát...

❖ *Đối với các hệ sinh thái rừng*

Cần tiếp tục bảo vệ nghiêm ngặt các hệ sinh thái rừng tự nhiên và hệ sinh thái rừng tái sinh tự nhiên. Có kế hoạch chuyển một số diện tích rừng sản xuất thuộc xã Phúc Trìu, Phúc Tân, Tân Cương, Tân Thái, Văn Yên, Kỳ Phú thành rừng phòng hộ.

Phân tầng độ cao trong quy hoạch đối với từng dạng cảnh quan. Đối với dạng cảnh quan phía Bắc, Đông và Đông Nam hồ, ở độ cao dưới 50m là rừng sản xuất, 50- 100m là vùng trồng rừng tạo cảnh quan môi trường kết hợp dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng, ở độ cao >100m là rừng phòng hộ nghiêm ngặt.

Đối với dạng cảnh quan phía Tây, Tây Nam của hồ: tại độ cao <70m, xây dựng các trang trại, vườn cây ăn quả kết hợp với trồng rừng sản xuất. Từ độ cao 70m trở lên được bố trí rừng phòng hộ.

Trên các đảo nên bố trí trồng các loại cây để tạo cảnh quan đón khách như: Thông nhựa, liễu rủ, Bụt mọc, Muồng hoa vàng, hòe...

Tại vùng bán ngập thay thế diện tích keo đã trồng bằng các loại tre, bầu, nứa...

Hầu hết diện tích rừng trồng Keo trong khu vực đã đến tuổi khai thác, vì vậy cần lên kế hoạch khai thác hợp lý, tránh lãng phí. Tuy nhiên, việc khai thác phải đi đôi với việc phục hồi, bảo vệ. Trong quá trình phục hồi, đặc biệt đối với rừng phòng hộ cần phải bổ sung các loài thực vật bản địa có giá trị (Sấu, Bò Kết, Trám đen, Lát hoa, Chò chỉ, Chò nâu, Lim xanh, Lim xẹt, Đinh vàng, Sến mật, Tấu mật...), nhằm thay thế dần các loại giống nhập nội.

Mô hình quản lý rừng phòng hộ Hồ Núi Cốc hiện nay là khoán chăm sóc bảo vệ đến từng hộ gia đình. Tuy nhiên, khả năng chuyên môn và việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất của các hộ nông dân còn yếu kém, họ tiến hành

các công việc cụ thể chủ yếu là theo tập quán, kinh nghiệm. Do vậy hiệu quả của công tác phát triển rừng chưa cao. Để thay đổi thực trạng trên cần tăng cường công tác quản lý, phổ biến kiến thức, tập huấn khoa học kỹ thuật cho các đối tượng tham gia vào việc chăm sóc và bảo vệ rừng.

❖ *Đối với Hồ Núi Cốc*

Cần thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp đánh bắt thủy sản trái phép (đặc biệt việc sử dụng xung điện, thuốc nổ, chất độc), nhằm bảo vệ đa dạng sinh học của hồ.

Tuyên truyền vận động các hộ dân sống quanh hồ không xả trực tiếp nước thải xuống hồ, nghiêm cấm hiện tượng khai thác cát trong lòng hồ, đặc biệt tại gần các đập nước.

4.2.3. Giải pháp thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động Du lịch sinh thái

Khuyến khích, vận động người dân địa phương tham gia vào hoạt động du lịch, đồng thời mang lại lợi ích cho họ là một trong những nguyên tắc cơ bản của DLST. Vì vậy, việc đưa ra những giải pháp nhằm thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương là hết sức cần thiết để hoạt động DLST mang ý nghĩa đích thực của nó.

Cộng đồng địa phương phải tham gia hoạt động du lịch với nhiều vai trò khác nhau. Họ là người am hiểu các điều kiện, các tài nguyên tại quê hương họ, nên họ có thể là hướng dẫn viên, là người cung cấp các dịch vụ cho DLST, bán hàng lưu niệm cho du khách, đồng thời họ là người tuyên truyền cho công tác bảo tồn.

a). Giải pháp tạo việc làm cho cộng đồng địa phương

Khi phê duyệt các dự án phát triển DLST trong khu vực, cấp có thẩm quyền cần buộc các chủ đầu tư cam kết sử dụng một tỷ lệ hợp lý lao động tại địa phương. Đồng thời có kế hoạch cụ thể cho việc trang bị kiến thức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ làm việc trong lĩnh vực DLST cho lực lượng lao động này. Chính quyền địa phương có trách nhiệm hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, tuyên truyền quảng bá hình ảnh Hồ Núi Cốc.

Mở rộng, phát triển các ngành kinh tế tại địa phương, hướng mục đích đến việc phục vụ khách du lịch tại chỗ:

- Tổ chức các hoạt động sản xuất hàng thủ công truyền thống của địa phương phục vụ du lịch, sử dụng lao động và nguồn nguyên liệu tại địa phương, đặc biệt là các sản phẩm mây tre đan tại làng nghề truyền thống Mây tre đan tại xã Văn Yên (Đại Từ). Tạo điều kiện để các hộ nông dân được đi tham quan học tập ở nhiều làng nghề, nhằm đa dạng hóa các sản phẩm, phù hợp với thị hiếu của khách du lịch. Có chính sách phù hợp để các sản phẩm này đến được các khu trưng bày, các cửa hàng bán đồ lưu niệm trong khu vực (đặc biệt là khu du lịch Hồ Núi Cốc), mở các hội chợ, hội thảo, giao lưu để tạo mối liên hệ giữa các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và làng nghề.

- Tổ chức sản xuất và thu mua các sản phẩm rau quả, thực phẩm, phục vụ nhu cầu của khách du lịch. Tiến hành quy hoạch vùng sản xuất rau sạch thuộc địa phận ba xã Tân Thái, Phúc Xuân, Phúc Trìu với diện tích 40ha, cung cấp cho khách du lịch và một phần cho TP Thái Nguyên. Ngoài ra cần phát triển một số loại cây ăn quả: cam, quýt, nhãn, vải... với quy mô hợp lý, để phục vụ nhu cầu tại chỗ của khách du lịch. Một sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của khu vực là cây Chè. Đây là sản phẩm đã có thương hiệu hàng trăm năm nay, hiện nay sản phẩm này đang được tiêu thụ trên nhiều thị trường khác nhau. Tuy nhiên, chúng ta nên hướng thị trường vào đối tượng khách du lịch không những mang lại thu nhập cao, góp phần giải quyết việc làm cho cộng đồng mà còn quảng bá hình ảnh của Hồ Núi Cốc.

Có chính sách hỗ trợ kịp thời về tài chính, nghiệp vụ cho người dân địa phương trong việc tham gia các loại hình dịch vụ phụ trợ: dịch vụ ăn uống, bán hàng gia công, đồ lưu niệm...

b). Giải pháp tăng thu nhập cho cộng đồng địa phương

Kéo dài thời gian ở lại của du khách, điều này giúp tăng khả năng bán hàng hóa dịch vụ. Để thực hiện mục tiêu này, chúng ta cần thi hành nhiều giải pháp đồng bộ: phát triển nhiều loại hình du lịch hấp dẫn, cải thiện điều kiện tham quan, cải thiện chất lượng hàng hóa sản xuất tại địa phương.

Cung cấp nơi nghỉ cho du khách: sự khác biệt lớn nhất giữa khách DLST và khách du lịch đại chúng là sự quan tâm đến kinh nghiệm du lịch và bảo vệ môi trường hơn là thỏa mãn các điều kiện dịch vụ du lịch. Do vậy, họ không có yêu cầu cao về nơi ở, đây là yếu tố quan trọng để hướng người dân địa phương vào kinh doanh loại hình dịch vụ này. Vấn đề đặt ra là các nhà chuyên môn, chính quyền địa phương phải có những lớp tập huấn để trang bị cho các hộ kinh doanh này những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất: thái độ giao tiếp, ứng xử với du khách, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn vệ sinh thực phẩm cho du khách trong thời gian cư trú...

Cung cấp dịch vụ hướng dẫn viên và các dịch vụ khác để tăng sức hút đối với du khách. Người dân địa phương chính là những người hiểu biết về mảnh đất của họ hơn ai hết, vì vậy họ có thể làm rất tốt vai trò của một hướng dẫn viên nếu được đào tạo, ngoài ra họ còn có thể cung cấp các dịch vụ khác... Tất cả những công việc đó sẽ giúp cộng đồng địa phương có thêm thu nhập, từ đó ý thức của họ về bảo tồn cũng được nâng cao.

Tổ chức các sự kiện mang tính dân gian, nghệ thuật như các lễ hội truyền thống sẽ làm tăng lượng khách và nhờ đó thu được lợi ích kinh tế.

4.2.4. Tăng cường giáo dục môi trường

Trong DLST, giáo dục, thuyết minh bảo vệ môi trường có vai trò đặc biệt quan trọng, nó có tác dụng hình thành cho khách tham quan những thái độ và hành vi tích cực đối với môi trường.

Thông qua thiết kế và phổ biến các tờ rơi, tập gấp phù hợp. Nội dung chủ yếu là thông tin ngắn gọn về điểm du lịch và toàn bộ khu vực Hồ Núi Cốc.

Tăng cường các phương tiện truyền tin trên các tuyến du lịch, tham quan: biển báo, biển chỉ dẫn, bảng thuyết minh môi trường. Đặc biệt cần triển khai ngay tại khu du lịch Hồ Núi Cốc, nơi có số lượng khách tập trung khá đông.

Tăng cường đào tạo, nâng cao nhận thức, vai trò của các nhà quản lý, điều hành, hướng dẫn viên và cư dân địa phương đối với việc bảo vệ môi trường khu du lịch, làm cho họ thấy được lợi ích thực sự từ việc bảo vệ môi trường.

KẾT LUẬN

1. Trong nền kinh tế thế giới hiện nay, du lịch ngày càng có vai trò quan trọng, trong đó Du lịch sinh thái đang trở thành một xu thế tất yếu. Nhìn nhận Du lịch sinh thái dưới góc độ một quan điểm du lịch hiện đại có ý nghĩa to lớn đối với mục tiêu bảo tồn và phát triển bền vững và hỗ trợ cộng đồng.

2. Khu vực Hồ Núi Cốc là vùng còn nhiều khó khăn của Thái Nguyên, nhưng có tiềm năng lớn để phát triển du lịch. Tuy nhiên, hoạt động du lịch trong khu vực đang gây nên những tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên, hệ sinh thái và tiềm ẩn những nguy cơ thiếu bền vững. Vì vậy, việc phát triển DLST là một hướng đi phù hợp, nhằm khai thác tối đa các lợi thế về tự nhiên và nhân văn, góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, đồng thời đảm bảo mục tiêu phát triển của khu vực.

3. Tài nguyên Du lịch sinh thái của khu vực được xác định tập trung vào ba hệ sinh thái cơ bản: hệ sinh thái rừng; hệ sinh thái hồ nước ngọt; hệ sinh thái đồng ruộng. Gắn liền với mỗi hệ sinh thái kể trên là những giá trị văn hóa bản địa đặc trưng, tạo nên những sắc thái riêng biệt và thế mạnh riêng cho mỗi loại hình du lịch sinh thái.

4. Trên cơ sở phân tích những thế mạnh về tự nhiên và nhân văn được phân bố trên những dạng cảnh quan khác nhau trong khu vực, khóa luận đã đề xuất một số định hướng chính trong việc khai thác các điểm, tuyến Du lịch sinh thái của khu vực. Bao gồm 9 điểm, 3 tuyến du lịch nội vùng và một số điểm, tuyến du lịch nội tỉnh, liên tỉnh và quốc tế.

5. Để phát triển Du lịch sinh thái một cách có hiệu quả nhất, trong đề tài cũng đề xuất một số giải pháp. Các giải pháp tập trung vào việc cải cách cơ chế quản lý, cải thiện cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật cho các điểm, tuyến du lịch, giải pháp thu hút cộng đồng tham gia vào hoạt động Du lịch sinh thái.

6. Bên cạnh một số kết quả đạt được, khóa luận không tránh khỏi hạn chế, thiếu sót. Do hạn chế về thời gian, kinh nghiệm và kiến thức, đề tài mới chỉ đánh giá sơ bộ và định hướng khai thác các tiềm năng, chưa đưa ra được quy hoạch chi tiết cho sự phát triển Du lịch sinh thái trong khu vực.

Các điểm, các tuyến du lịch trong khu vực mà khóa luận đề xuất mới dừng ở mức độ định hướng. Giải pháp đưa ra là khái quát cho toàn khu vực, chưa có giải pháp cụ thể cho từng điểm, từng tuyến.

Trong tương lai không xa, hy vọng khóa luận sẽ đóng góp một phần nhỏ bé vào công cuộc phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Thái Nguyên nói chung và của khu vực Hồ Núi Cốc nói riêng.

PHỤ LỤC

Một số hình ảnh thơ mộng của Hồ Núi Cốc



Cổng vào khu du lịch Hồ Núi Cốc



Chiếc thuyền độc mộc lướt nhẹ trên mặt hồ



Cảnh mặt hồ



Chiều trên Hồ Núi Cốc với những đảo lớn, nhỏ mờ ảo



Ngắm những chú hươu trong vườn thú Núi Cốc



Đi bộ bên hàng tre trong khuôn viên hồ



Những cánh cò chao nghiêng trên bầu trời Núi Cốc



Huyền thoại Cung.



Sân khấu nhạc nước và Huyền thoại ba cây thông



Công viên nước của Hồ Núi Cốc.



Chè Tân Cương



Đảo Cò



Lễ hội văn hóa Chè Thái Nguyên.



Di tích cách mạng ATK Định Hóa

TÀI LIỆU THAM KHẢO.

1. Ban quản lý khu du lịch Hồ Núi Cốc (Thái Nguyên) (2010), *Báo cáo đánh giá hoạt động thương mại & Du lịch thái Nguyên năm 2010, Định hướng kế hoạch Thương mại & Du lịch năm 2011*, Thái Nguyên.
2. Nguyễn Văn Chiến “Tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch Thái Nguyên. Hội thảo “Du lịch Thái Nguyên - Tiềm năng phát triển” Thái Nguyên.
3. Võ Trí Chung (1998), “Sinh thái nhân văn trong Du lịch sinh thái Việt Nam, Hội Thảo Du lịch sinh thái với phát triển Du lịch bền vững ở Việt Nam, Hà Nội.
4. Công ty cổ phần khách sạn du lịch công đoàn Hồ Núi Cốc (2006), *Dự án khu vui chơi giải trí*, Thái Nguyên.
5. Lê Trọng Cúc (2005), “Tiếp cận sinh thái nhân văn và phát triển bền vững vùng núi Việt Nam”, Tạp chí bảo vệ môi trường, Hà Nội.
6. Trịnh Trúc Lâm, Nguyễn Quận (1998), Địa lý tỉnh Thái Nguyên, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học, Công nghệ - Môi trường tỉnh Thái Nguyên.
7. Phạm Trung Lương, Hoàng Hoa Quân, Nguyễn Ngọc Khánh, Lê Văn Lan, Đỗ Quốc Thông (2002), *Du lịch sinh thái - những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
8. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Luật du lịch*.
9. Nguyễn Thị Sơn (2000), *Cơ sở khoa học cho việc định hướng phát triển Du lịch sinh thái ở Vườn Quốc gia Cúc Phương*, Luận án Tiến sĩ Địa lý, Trường ĐHSP Hà Nội.
10. Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn Thái Nguyên (2001), *Dự án đầu tư phát triển rừng phòng hộ kết hợp Du lịch sinh thái vùng Hồ Núi Cốc tỉnh Thái Nguyên*, Thái Nguyên.
11. Sở Văn hóa - thể thao & Du lịch Thái Nguyên (2006), *Quy hoạch phát triển Du lịch tỉnh Thái Nguyên, Điều chỉnh bổ sung đến năm 2010, định hướng đến năm 2015 và tầm nhìn chiến lược đến năm 2020*, Thái Nguyên.
12. Sở Văn hóa - thể thao & Du lịch (Thái Nguyên) (2010), *Báo cáo đánh giá hoạt động thương mại & Du lịch thái Nguyên năm 2010, Định hướng kế hoạch*

Thương mại & Du lịch năm 2011, Thái Nguyên.

13. Trần Đức Thanh (2005), *Nhập môn khoa học du lịch*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.

14. Nguyễn Minh Tuệ, Vũ Tuấn Cảnh, Lê Thông, Phạm Xuân Hậu, Nguyễn Kim Hồng (1996), *Địa lý du lịch*, NXB Tp Hồ Chí Minh, Tp Hồ Chí Minh.

15. Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên (2006), *Đề án phát triển du lịch sinh thái xã Tân Cương thành phố Thái Nguyên*, Thái Nguyên.

16. Viện quy hoạch Đô thị - Nông thôn (2001), *Thuyết minh tóm tắt Quy hoạch chung khu vực Hồ Núi Cốc - Tỉnh Thái Nguyên*, Hà Nội.

Website:

17. <http://www.dulichgo.blogspot.com>

18. <http://www.skydoor.net>

